

Ngày soạn: 04/09/2023

Ngày dạy: 06,13,20/09/2023

TUẦN: 1- 3

BÀI 1. TỰ HÀO VỀ TRUYỀN THỐNG DÂN TỘC VIỆT NAM

Tiết 1

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC.

1. Về kiến thức

- Nêu được một số truyền thống của dân tộc Việt Nam.
- Nhận biết được giá trị các truyền thống của dân tộc Việt Nam.
- Kể được một số biểu hiện của lòng tự hào về truyền thống dân tộc Việt Nam.

2. Về năng lực

- Năng lực chung:
 - + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về truyền thống dân tộc.
 - + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.
 - + Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến truyền thống dân tộc.

- Năng lực đặc thù:

+ Năng lực điều chỉnh hành vi: Thực hiện và đánh giá được những hành vi, việc làm của bản thân và những người xung quanh trong việc thể hiện lòng tự hào về truyền thống dân tộc Việt Nam.

+ Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Nhận biết được một số hiện tượng, sự kiện, vấn đề trong đời sống xã hội liên quan đến niềm tự hào về truyền thống dân tộc; Bước đầu biết cách thu thập, xử lý thông tin, tìm hiểu một số hiện tượng, sự kiện, tình huống về lòng tự hào truyền thống dân tộc trong thực tiễn; Vận dụng được các kiến thức đã học để phân tích, đánh giá, xử lý tình huống trong thực tiễn về truyền thống dân tộc Việt Nam.

3. Về phẩm chất

- Yêu nước: Tích cực, chủ động tham gia các hoạt động tìm hiểu truyền thống của dân tộc; tích cực học tập, rèn luyện để phát huy truyền thống dân tộc.
- Trách nhiệm: Sống có trách nhiệm thể hiện qua niềm tự hào về truyền thống và những giá trị quý báu của truyền thống dân tộc Việt Nam, phê phán những việc làm trái ngược với truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

*** Giáo dục về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh:**

Giúp học sinh biết và hiểu về những truyền thống của dân tộc Việt Nam, thông qua tranh ảnh minh họa. Học sinh cần làm gì để phát huy và bảo tồn truyền thống dân tộc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Công dân 8;
- Tranh/ảnh, câu chuyện, trò chơi, ví dụ thực tế,... liên quan tới bài học;
- Trích một số điều luật liên quan nội dung bài học;
- Máy tính, máy chiếu, bài giảng PowerPoint,....

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động: Mở đầu

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế tích cực và giúp HS có hiểu biết ban đầu về bài học mới.

b. Nội dung: Học sinh làm việc theo nhóm (GV có thể mở video bài hát) để các học sinh lắng nghe, suy nghĩ và thực hiện yêu cầu sách giáo khoa đặt ra:

Em hãy cho biết lời bài hát thể hiện truyền thống nào của dân tộc Việt Nam.

c. Sản phẩm: Học sinh bước đầu biết và chỉ ra được những biểu hiện về truyền thống dân tộc Việt Nam.

Lời bài hát Đất nước trọn niềm vui thể hiện truyền thống: yêu nước, đoàn kết đấu tranh chống giặc ngoại xâm của dân tộc Việt Nam

d. Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập

Học sinh làm việc theo nhóm lắng nghe, suy nghĩ và thực hiện yêu cầu sách giáo khoa đặt ra:

Em hãy cho biết lời bài hát thể hiện truyền thống nào của dân tộc Việt Nam.

Thực hiện nhiệm vụ

Giáo viên gọi từ một đến hai HS lên chia sẻ, các HS khác nhận xét về câu trả lời của bạn.

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên yêu cầu một số học sinh trình bày việc chuẩn bị của bản thân mình.
- Các học sinh khác chủ động tìm hiểu, góp ý, bổ sung hoàn thiện.

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét đánh giá về quá trình thực hiện nhiệm vụ của học sinh.

Gv nhấn mạnh:

Lịch sử hàng nghìn năm dựng nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, dân tộc Việt Nam đã viết lên những trang sử hào hùng. Trong tiến trình lịch sử của dân tộc đã tạo nên nhân cách con người Việt Nam với các giá trị đạo đức vô cùng phong phú. Cùng với thời gian, các giá trị đạo đức này được lưu truyền qua các thế hệ, trở thành truyền thống tốt đẹp, là sức mạnh và động lực của dân tộc...

2. Hoạt động: Khám phá

Nội dung 1: Tìm hiểu nội dung: Một số truyền thống dân tộc và giá trị của truyền thống dân tộc Việt Nam.

a. Mục tiêu: HS nêu được một số truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam, cũng như những giá trị to lớn mà các truyền thống đó mang lại.

b. Nội dung: HS làm việc theo nhóm, mỗi nhóm đọc và tìm hiểu 1 thông tin và trả lời câu hỏi.

a. Các thông tin trên nói về những truyền thống nào của dân tộc Việt Nam? Hãy chia sẻ hiểu biết của em về các truyền thống đó. Giá trị của những truyền thống ấy được thể hiện như thế nào?

b. Em hãy kể tên những truyền thống khác của dân tộc Việt Nam và nêu giá trị của những truyền thống đó.

c. Sản phẩm.

a. Các thông tin trên nói về những truyền thống:

Truyền thống yêu nước

Truyền thống cần cù

Truyền thống hiếu học

Truyền thống đoàn kết, yêu thương đùm bọc.

Những truyền thống đó được thể hiện qua những thói quen được hình thành từ lâu đời. Nó bắt biến trong suy nghĩ, nếp sống của nhiều đối tượng khác nhau như gia đình, tập thể, xã hội, lịch sử. Truyền thống còn được coi là những tư tưởng, tình cảm trong một cộng đồng nhất định, được hình thành trong quá khứ và mang lại những giá trị tốt đẹp. Truyền thống thường được lưu truyền từ đời này qua đời khác. Thế hệ sau có một phần trách nhiệm gìn giữ và phát huy những giá trị truyền thống do thế hệ cha ông đã để lại.

Truyền thống tốt đẹp của dân tộc là tổng hợp những giá trị tinh thần (hệ tư tưởng, tính cách, lối sống, cách ứng xử tốt đẹp ...) được hình thành trong quá trình lịch sử dựng nước và giữ nước và được truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác.

b. Những truyền thống khác là:

Truyền thống bất khuất

Truyền thống nhân nghĩa

Truyền thống tôn sư trọng đạo

Truyền thống hiếu thảo

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Giao nhiệm vụ học tập HS làm việc theo nhóm, mỗi nhóm đọc và tìm hiểu 1 thông tin và trả lời câu hỏi a. Các thông tin trên nói về những truyền thống nào của dân tộc Việt Nam? Hãy chia sẻ hiểu biết của em về các truyền thống đó. Giá trị của những truyền thống ấy được thể hiện như thế nào? b. Em hãy kể tên những truyền thống khác của dân tộc Việt Nam và nêu giá trị của những truyền thống đó. Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh đọc thông tin. - Học sinh làm việc theo nhóm. Báo cáo, thảo luận - Gọi một số học sinh đại diện các nhóm đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra. - Các học sinh còn lại nhận xét và góp ý. Kết luận, nhận định - Nhận xét bài trả lời của học sinh. - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề. Gv nhấn mạnh: Truyền thống bất khuất, kiên chung chống giặc ngoại xâm; chắc hẳn trong chúng ta ít nhất đã từng nghe đến những tấm gương anh dũng hi sinh trong các cuộc chiến bảo vệ chủ quyền dân tộc như anh hùng Phan Đình Giót, anh hùng Bế Văn Đàn, chị Võ Thị Sáu ... Những vị ấy đã không quản ngại khó khăn, cống hiến cả tinh thần lẫn thể xác vì nền độc lập và hòa bình của dân tộc.	1. Một số truyền thống dân tộc và giá trị của truyền thống dân tộc Việt Nam a. Các truyền thống tốt đẹp: Dân tộc Việt Nam có nhiều truyền thống đáng tự hào như: Yêu nước, đoàn kết, nhân nghĩa, cần cù lao động, tôn sư trọng đạo, hiếu thảo, uống nước nhớ nguồn..... Giá trị của các truyền thống dân tộc: Truyền thống dân tộc góp phần tích cực vào quá trình phát triển của mỗi cá nhân, là nền tảng cho lòng tự hào, tự tôn, cho sự phát triển lành mạnh và hạnh phúc của mỗi người. Giá trị các truyền thống là nền tảng để xây dựng đất nước phát triển vững mạnh, là sức mạnh và bản sắc riêng của Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế.

Nội dung 2: Tìm hiểu nội dung: Biểu hiện của lòng tự hào về truyền thống dân tộc Việt Nam

a. Mục tiêu. Học sinh nêu được: Những biểu hiện cơ bản của truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam.

b. Nội dung. HS làm việc theo nhóm, nhóm 1,2 đọc thông tin 1, nhóm 3,4 đọc thông tin 2. Các nhóm suy nghĩ và hoàn thành câu trả lời mà sách giáo khoa đưa ra cũng như hoàn thành nhiệm vụ của nhóm.

a. Em hãy nêu biểu hiện của lòng tự hào về những truyền thống dân tộc Việt Nam qua những thông tin trên.

b. Em hãy nêu những việc học sinh cần làm để thể hiện lòng tự hào về truyền thống của dân tộc Việt Nam.

c. Em hãy chỉ ra những hành vi, việc làm tốt và chưa tốt của bản thân và những người xung quanh trong việc thể hiện lòng tự hào về truyền thống dân tộc Việt Nam.

c. Sản phẩm.

a. Những biểu hiện của lòng tự hào về những truyền thống dân tộc Việt Nam qua những thông tin trên:

- truyền thống nhân nghĩa
- truyền thống tôn sư trọng đạo
- truyền thống hiếu học
- Truyền thống đoàn kết.

b. Những việc học sinh cần làm để thể hiện lòng tự hào về truyền thống của dân tộc Việt Nam.

Truyền thống yêu nước, cách mạng

+ Truyền thống văn hóa: hát dân ca, các nhạc cụ cổ truyền, lễ hội truyền thống, nghề truyền thống (nghề thêu, đan, làm gốm...)...

- Tổ chức các cuộc thi viết, kịch để học sinh tham gia và học hỏi được truyền thống chống giặc ngoại xâm và tinh thần yêu nước.

c. Những hành vi, việc làm tốt và chưa tốt của bản thân và những người xung quanh trong việc thể hiện lòng tự hào về truyền thống dân tộc Việt Nam:

- Chưa tìm hiểu sâu sắc về lịch sử dân tộc
- Vẫn còn thờ ơ trước những hành động giúp đỡ người dân, bạn bè xung quanh.

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyên giao nhiệm vụ HS làm việc theo nhóm, nhóm 1,2 đọc thông tin 1, nhóm 3,4 đọc thông tin 2. Các nhóm suy nghĩ và hoàn thành câu trả lời mà sách giáo khoa đưa ra cũng như hoàn thành nhiệm vụ của nhóm. a. Em hãy nêu biểu hiện của lòng tự hào về những truyền thống dân tộc Việt Nam qua những thông tin trên. b. Em hãy nêu những việc học sinh cần làm để thể hiện lòng tự hào về truyền thống của dân tộc Việt Nam. c. Em hãy chỉ ra những hành vi, việc làm tốt và chưa tốt của bản thân và những người xung quanh trong việc thể hiện lòng tự hào về truyền thống dân tộc Việt Nam. Thực hiện nhiệm vụ	2. Biểu hiện của lòng tự hào về truyền thống dân tộc Việt Nam Biểu hiện của lòng tự hào về truyền thống dân tộc được thể hiện thông qua thái độ, cảm xúc, lời nói, việc làm,... giữ gìn và phát huy các giá trị truyền thống dân tộc. Những việc làm cụ thể để giữ gìn và phát huy truyền thống dân tộc như tìm hiểu về truyền thống, phong tục, tập quán dân tộc, có thái độ tôn trọng, trân quý, giữ gìn và phát huy nghệ thuật truyền thống, biết ơn những người có công với đất nước, tham gia các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, các sinh hoạt văn hóa dân tộc, dân gian. ... Đồng thời, chúng ta cũng cần biết đánh giá và phê

- Học sinh cùng nhau đọc thông tin và thảo luận. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra. Báo cáo thảo luận - Gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra qua việc trả lời câu hỏi 1 và 2 - Các nhóm còn lại nhận xét và góp ý. Kết luận, nhận định - Nhận xét bài trả lời của học sinh. - Giáo viên chốt kiến thức. Những việc làm cụ thể để giữ gìn và phát huy truyền thống dân tộc như tìm hiểu về truyền thống, phong tục, tập quán dân tộc, có thái độ tôn trọng, trân quý, giữ gìn và phát huy nghệ thuật truyền thống, biết ơn những người có công với đất nước, tham gia các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, các sinh hoạt văn hóa dân tộc, dân gian. ... Đồng thời, chúng ta cũng cần biết đánh giá và phê phán những hành vi, việc làm gây tổn hại đến truyền thống dân tộc.	phán những hành vi, việc làm gây tổn hại đến truyền thống dân tộc.
---	---

3. Hoạt động: Luyện tập

Câu 1. Em tán thành quan điểm nào dưới đây? Vì sao?

a. Mục tiêu. HS củng cố kiến thức đã học thông qua thực hành xử lý tình huống cụ thể có liên quan đến nội dung bài học, có ý thức biết giữ gìn và phát huy truyền thống dân tộc một cách phù hợp với lứa tuổi.

b. Nội dung. Học sinh làm việc cá nhân, cùng suy nghĩ, đưa ra các ý kiến để lý giải cho từng trường hợp cụ thể

c. Sản phẩm.

- **Quan điểm a)** Tán thành. Vì: truyền thống dân tộc là những giá trị vật chất và tinh thần (tư tưởng, tính cách, lối sống, cách ứng xử tốt đẹp, ...) hình thành trong quá trình lịch sử lâu dài của dân tộc, được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác.

- **Quan điểm b)** Không tán thành. Vì: các truyền thống tốt đẹp của dân tộc là nền tảng để xây dựng đất nước phát triển vững mạnh, là sức mạnh và bản sắc riêng của Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế.

- **Quan điểm c)** Tán thành. Vì: các truyền thống dân tộc là một trong những yếu tố giúp định hình nên bản sắc văn hóa dân tộc.

- **Quan điểm d)** Tán thành. Vì: dân tộc Việt Nam có nhiều truyền thống đáng tự hào như: yêu nước, kiên cường đấu tranh chống ngoại xâm; đoàn kết; nhân nghĩa, yêu thương con người; cần cù lao động; hiếu học, tôn sư trọng đạo, hiếu thảo; uống nước nhớ nguồn,...

d. Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc cá nhân

Các học sinh cùng suy nghĩ và đưa ra ý kiến của bản thân về từng trường hợp cụ thể

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau làm việc theo theo cá nhân
- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

Kết luận, nhận định

- Nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát để học sinh hiểu được những việc cần làm, những hành vi cần tránh trong việc phát huy truyền thống dân tộc

Câu 2. Những thái độ, hành vi nào dưới đây thể hiện lòng tự hào về truyền thống dân tộc Việt Nam?

a. Mục tiêu: HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống liên quan đến việc giữ gìn và phát huy truyền thống dân tộc Việt Nam.

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân, đọc suy nghĩ và đưa ra quan điểm của bản thân cho vấn đề đặt ra.

c. Sản phẩm

- Những thái độ, hành vi thể hiện lòng tự hào về truyền thống dân tộc Việt Nam:
- + Tìm hiểu và giới thiệu với bạn bè quốc tế về nghệ thuật truyền thống của dân tộc như: chèo, tuồng, hát xẩm, đờn ca tài tử,...
- + Kính trọng và biết ơn thầy, cô giáo.
- + Tích cực tham gia các lễ hội truyền thống của quê hương.
- + Sáng tác các tác phẩm thơ ca, nhạc, họa,... ca ngợi những vị anh hùng dân tộc, ca ngợi vẻ đẹp của đất nước.

d. Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập

HS làm việc cá nhân, đọc tình huống, suy nghĩ và đưa ra quan điểm của bản thân cho từng tình huống.

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau làm việc theo theo cá nhân.
- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời.

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung.

Kết luận, nhận định

- Nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát để hiểu rõ được các hành vi được làm và hành vi không được làm trong giữ gìn và phát huy truyền thống dân tộc.

Câu 3. Em hãy nhận xét và đưa ra lời khuyên cho bạn trong những tình huống dưới đây:

a. Mục tiêu: HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống thấy được tầm quan trọng của việc giữ gìn và phát huy truyền thống dân tộc.

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân, suy nghĩ và đưa ra câu trả lời, có thể trao đổi cặp đôi với bạn xung quanh để làm nổi bật vấn đề.

c. Sản phẩm:

- HS chỉ ra được
- **Tình huống a)** Giải thích cho bạn K hiểu, dân tộc Việt Nam có nhiều truyền thống đẹp và đáng tự hào như: yêu nước, kiên cường đấu tranh chống ngoại xâm; đoàn kết;

nhân nghĩa, yêu thương con người; cần cù lao động; hiếu học, tôn sư trọng đạo, hiếu thảo; uống nước nhớ nguồn,...

- **Tình huống b)** Khuyến bạn N nên tích cực tham gia cuộc thi “Tìm hiểu về truyền thống yêu nước của dân tộc Việt Nam”.

d. Tổ chức thực hiện

Chuyên giao nhiệm vụ

HS làm việc cá nhân, suy nghĩ và đưa ra câu trả lời, có thể trao đổi cặp đôi với bạn xung quanh để làm nổi bật vấn đề.

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau làm việc theo cá nhân.
- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời.

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung.

Kết luận, nhận định

Nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát để học sinh hiểu được sự cần thiết của việc giữ gìn và phát huy truyền thống dân tộc.

Câu 4. Hãy kể tên một số truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam và nêu những thái độ, việc làm phù hợp và không phù hợp với truyền thống đó theo bảng gợi ý:

a. Mục tiêu: HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống thấy được những việc làm phù hợp để giữ gìn và phát huy truyền thống dân tộc.

b. Nội dung: HS làm việc theo nhóm, có thể tổ chức trò chơi giữa các nhóm, các nhóm sẽ lần lượt kể tên các truyền thống cũng như đưa ra được những biểu hiện thực hiện tốt và chỉ ra một số biểu hiện chưa tốt.

c. Sản phẩm:

- HS chỉ ra được

Tên truyền thống	Thái độ, việc làm phù hợp	Thái độ, việc làm không phù hợp
Cần cù lao động	- Chăm chỉ, nỗ lực làm việc hết mình để hoàn thành các công việc, nhiệm vụ được giao. - Luôn tự giác, tích cực trong lao động không cần ai phải nhắc nhở.	- Lười biếng, ỷ lại vào người khác, thích hưởng thụ,... - Làm việc một cách hời hợt, qua loa, đại khái,...
Hiếu học	- Luôn chủ động tìm tòi, học hỏi để mở rộng và nâng cao vốn hiểu biết. - Tích cực, tự giác trong học tập, không cần ai phải nhắc nhở. - Tập trung chú ý nghe giảng. - Luôn nỗ lực để hoàn thành tốt nhất nhiệm vụ học tập được giao.	- Thụ động, lười nhác; không chịu học hỏi kiến thức mới. - Cần có người nhắc nhở mới chịu học tập. - Nói chuyện và làm việc riêng trong giờ học. - Thực hiện các nhiệm vụ học tập một cách qua loa hoặc ỷ lại vào người khác.
Hiếu thảo	- Lễ phép, kính trọng ông bà, cha mẹ. - Quan tâm, chăm sóc và phụng dưỡng ông bà, cha mẹ.	- Vô lễ, thiếu sự tôn trọng, xúc phạm ông bà, cha mẹ.

	- Giúp đỡ ông bà, cha mẹ những việc làm phù hợp với lứa tuổi.	- Thiếu sự quan tâm, yêu thương hoặc ngược đãi ông bà, cha mẹ. - Ỡ lại, lười biếng, không giúp đỡ ông bà, cha mẹ
--	---	---

d. Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

HS làm việc theo nhóm, có thể tổ chức trò chơi giữa các nhóm, các nhóm sẽ lần lượt kể tên các truyền thống cũng như đưa ra được những biểu hiện thực hiện tốt và chỉ ra một số biểu hiện chưa tốt.

Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh cùng nhau làm việc theo nhóm đã phân công.

Báo cáo, thảo luận

Giáo viên mời từng nhóm đưa ra kết quả của nhóm mình.

Kết luận, nhận định

Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát để học sinh hiểu được những việc cần làm để phát huy truyền thống dân tộc.

4. Hoạt động: Vận dụng

Câu 1: Em hãy cùng các bạn trong nhóm vẽ tranh giới thiệu về một truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam

a) Mục tiêu. HS tự giác áp dụng những điều đã học vào thực tiễn với không gian mới, tình huống mới

b) Nội dung. HS làm việc theo nhóm tại nhà, suy nghĩ và hoàn thành bài viết theo yêu cầu. Bài viết cần thể hiện những ý kiến, quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra

c) Sản phẩm.

- Bước đầu hiểu được giá trị của truyền thống dân tộc cũng như cách thức để giữ gìn và phát huy truyền thống đó.

d. Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

HS làm việc theo nhóm tại nhà, suy nghĩ và hoàn thành bài viết theo yêu cầu. Bài viết cần thể hiện những ý kiến, quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra.

Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh làm việc ở nhà, suy nghĩ và hoàn thành nhiệm vụ.

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên bố trí thời gian để các học sinh có thời gian để học sinh thuyết minh sản phẩm.

- Hoặc giáo viên yêu cầu học sinh chia sẻ bài viết của mình qua nhóm lớp để các học sinh khác cùng trao đổi.

Kết luận, nhận định

Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các học sinh hiểu hơn truyền thống dân tộc.

Câu 2: Em hãy viết bài giới thiệu về thành công của một người Việt Nam đã làm rạng danh truyền thống dân tộc. Từ đó, em rút ra được bài học gì cho bản thân?

a) Mục tiêu. HS tự giác áp dụng những điều đã học vào thực tiễn với không gian mới, tình huống mới.

b) Nội dung. HS làm việc theo cá nhân, tìm hiểu và lựa chọn nhân vật phù hợp từ đó hoàn thành bài. Bài viết cần đáp ứng yêu cầu như: Nhân vật là ai, họ đã phát huy

truyền thống nào, giá trị mang lại ra sao cũng như em học hỏi được điều gì từ nhân vật đó

c) Sản phẩm.

- Bước đầu hiểu được giá trị của truyền thống dân tộc cũng như cách thức để giữ gìn và phát huy truyền thống đó.

d. Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

HS làm việc theo cá nhân, tìm hiểu và lựa chọn nhân vật phù hợp từ đó hoàn thành bài. Bài viết cần đáp ứng yêu cầu như: Nhân vật là ai, họ đã phát huy truyền thống nào, giá trị mang lại ra sao cũng như em học hỏi được điều gì từ nhân vật đó.

Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh làm việc ở nhà, suy nghĩ và hoàn thành nhiệm vụ.

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên bố trí thời gian để các học sinh có thời gian để học sinh giới thiệu nhân vật mà mình đã tìm hiểu.

- Hoặc yêu cầu học sinh chia sẻ bài viết của mình qua nhóm lớp để các học sinh khác cùng trao đổi.

Kết luận, nhận định

Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các học sinh hiểu hơn truyền thống dân tộc.

HẾT.

Ngày soạn: 20/09/2023

Ngày dạy: 27/9;4,11/10/2023

TUẦN 4-6- TIẾT 4-6

BÀI 2. TÔN TRỌNG SỰ ĐA DẠNG CỦA CÁC DÂN TỘC

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC.

1. Về kiến thức

- Nêu được một số biểu hiện của sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hóa trên thế giới.

- Hiểu được ý nghĩa của việc tôn trọng sự đa dạng của các nền văn hoá trên thế giới. Thể hiện được bằng lời nói và việc làm thái độ tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới.

- Phê phán những hành vi kì thị, phân biệt chủng tộc

*** Giáo dục về việc học tập và làm theo tư tưởng đạo đức, tác phong Hồ Chí Minh**
Giúp học sinh hiểu mỗi dân tộc đều có những nét riêng nên cần tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới.

2. Về năng lực

- Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về nền văn hóa các dân tộc.

+ Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến nền văn hóa các dân tộc trên thế giới.

- Năng lực đặc thù:

+ Năng lực điều chỉnh hành vi: tích cực tìm hiểu để biết được những biểu hiện của sự đa dạng các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới, hiểu được ý nghĩa của việc tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới.

+ Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Bước đầu biết cách thu thập, xử lý thông tin, tìm hiểu về sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới; Vận dụng được các kiến thức đã học để phân tích, đánh giá, xử lý tình huống trong thực tiễn có liên quan đến việc tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc.

3. Về phẩm chất

+ Có phẩm chất nhân ái, biểu hiện ở cả lời nói và việc làm đó là luôn luôn tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới.

+ Có phẩm chất trách nhiệm thể hiện ở sự tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Công dân 8;
- Tranh/ảnh, clip, câu chuyện, trò chơi, ví dụ thực tế,... liên quan tới bài học;
- Trích một số điều luật liên quan nội dung bài học;
- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng PowerPoint,....

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động: Mở đầu

a) Mục tiêu. Tạo tâm thế tích cực và giúp HS có hiểu biết ban đầu về bài học mới.

b) Nội dung. Học sinh làm việc theo nhóm để các học sinh cùng suy nghĩ và thực hiện yêu cầu sách giáo khoa đặt ra:

Em hãy kể tên một số phong tục tập quán đặc sắc của các dân tộc trên thế giới mà em biết.

c) Sản phẩm. Học sinh bước đầu biết và chỉ ra được những một số nét văn hóa của các dân tộc khác nhau trên thế giới

Một số phong tục tập quán đặc sắc của các dân tộc trên thế giới mà em biết:

Tục ăn trầu - Giao tiếp:

Từ xưa Việt Nam ta có câu "miếng trầu là đầu câu chuyện" nên miếng trầu đi đôi với lời chào. Không chỉ là "đầu trò tiếp khách" mà trầu còn là biểu tượng cho sự tôn kính, phổ biến trong các lễ tế gia tiên, lễ cưới, lễ thọ,... Đặc biệt trầu còn rất thân quen với tất cả mọi người, người giàu người nghèo, vùng nào cũng có thể có.

Lễ hội Đền Hùng - Lễ Hội

Lễ hội Đền Hùng - Phú Thọ theo cách gọi thân quen của người dân là Giỗ tổ Hùng Vương. Với tính chất quốc gia, đây là ngày lễ quan trọng của đất nước với ý nghĩa thể hiện lòng biết ơn, tưởng nhớ của con cháu đối với công ơn dựng nước to lớn của các vị vua Hùng.

Anh: Chào hỏi chim ác là để tránh xui xẻo

Ở Anh, người ta tin rằng nhìn thấy một con chim ác là ở một mình sẽ là điều xui xẻo vì chúng thường di chuyển theo đàn. Vì thế, người ta thường chào chim ác là và một số người thậm chí còn nói với nó để xua đuổi mọi điều xui xẻo. Người Anh tin rằng, bằng cách tỏ ra thân thiện với những loài chim lớn thì mọi điều xui xẻo tiềm ẩn sẽ được xua đuổi vì lòng tốt của chúng. Dù không chắc liệu một con chim ác là ở một mình có phải là xui xẻo hay không, nhưng cũng tốt khi cố gắng để tử tế hơn với động vật.

Trung Quốc: Chồng công vợ đi trên than nóng

Phong tục chồng công vợ và đi trên than đang cháy có ở một số dân tộc tại Trung Quốc. Mọi người tin rằng, nếu tục lệ này được thực hiện trước khi hai vợ chồng bắt

đầu cuộc sống hôn nhân thì người vợ sẽ được may mắn khi vượt cạn, lúc chuyển dạ sẽ bớt đau hơn. Số khác tin rằng truyền thống này sẽ đảm bảo cho một cuộc hôn nhân không căng thẳng và thành công cho các cặp vợ chồng mới cưới.

Đức: Đập vỡ đồ sứ để đem lại may mắn

Tuy nhiên, không phải bất kỳ loại đồ sứ nào hay đập bất cứ lúc nào cũng được. Việc đập vỡ đồ sứ để cầu may phải do gia đình, bạn bè của một cặp đôi mới cưới làm. Khi cặp đôi kết hôn, gia đình và bạn bè thân nhất của họ đập vỡ đồ sứ và để cặp đôi dọn dẹp sau đó.

Ý nghĩa ẩn sau truyền thống này là để đảm bảo rằng cặp đôi có thể làm việc cùng nhau, giúp gắn kết họ lại với nhau và thể hiện rằng, dù cuộc sống có bộn bề khó khăn thì họ có thể cùng nhau dọn dẹp chúng. Theo một cách nào đó, đây là một truyền thống ngọt ngào, mặc dù hơi ồn ào và lộn xộn.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập:

Học sinh làm việc theo nhóm để các học sinh cùng suy nghĩ và thực hiện yêu cầu sách giáo khoa đặt ra:

Em hãy kể tên một số phong tục tập quán đặc sắc của các dân tộc trên thế giới mà em biết.

Thực hiện nhiệm vụ

Giáo viên gọi từ một đến hai HS lên chia sẻ, các HS khác nhận xét về câu trả lời của bạn

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên yêu cầu một số học sinh trình bày việc chuẩn bị của bản thân mình
- Các học sinh khác chủ động tìm hiểu, góp ý, bổ sung hoàn thiện

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét đánh giá về quá trình thực hiện nhiệm vụ của học sinh

Gv nhấn mạnh:

Trong suốt chiều dài lịch sử, mỗi dân tộc đều có những đặc điểm riêng về kinh tế, xã hội và văn hóa, kết tinh từ tài năng, sáng tạo của con người, góp phần tạo nên bức tranh sinh động, phong phú và đa dạng của thế giới. Ngày nay, toàn cầu hóa đang xóa đi sự ngăn cách về không gian địa lý, tạo điều kiện cho việc giao lưu, học hỏi giữa các dân tộc, các nền văn hóa đồng thời cũng tạo ra nguy cơ làm mất đi tính đa dạng của bản sắc văn hóa dân tộc. Bởi vậy, chúng ta cần tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc, chống hành vi kì thị, phân biệt chủng tộc và văn hóa, góp phần xây dựng một thế giới đa sắc màu, hòa bình và phát triển.

2. Hoạt động: Khám phá

Nội dung 1: Tìm hiểu nội dung: Sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hóa trên thế giới.

a) Mục tiêu. HS thấy được sự đa dạng trong giao thoa văn hóa giữa các dân tộc trên thế giới

b) Nội dung. HS làm việc theo nhóm, mỗi nhóm đọc và tìm hiểu thông tin 1,2,3 và trả lời câu hỏi

a. Em hãy nêu những biểu hiện của sự đa dạng dân tộc và các nền văn hóa của Nhật Bản, Nga, Ni - giê-ri -a(về ẩm thực, trang phục, lễ hội,...

b. Hãy nêu những biểu hiện của sự đa dạng dân tộc và các nền văn hóa khác nhau trên thế giới mà em biết.

c) Sản phẩm.

a. Những biểu hiện của sự đa dạng dân tộc và các nền văn hóa của Nhật Bản, Nga, Ni - giê-ri -a:

- Nhật Bản:

Ẩm thực: xư-so - món cơm trộn giấm dùng chung với hải sản hoặc rau củ

Trang phục: Ki-mô-nô

Lễ hội: nhiều ngày đặc biệt trong năm - lễ hội đặc sắc lễ hội hoa anh đào

- Nga:

Ẩm thực: cháo ka-sa

Trang phục: đa dạng nhưng có điểm chung là màu sắc rực rỡ, lộng lẫy

Lễ hội: gắn liền với sinh hoạt mùa màng, nổi tiếng nhất lễ hội tiễn mùa đông để cầu mong mùa đông mau qua, mùa xuân nhanh tới.

- Ni-giê-ri-a:

Ẩm thực: nhiều gia vị thảo dược và dầu cọ đặc biệt ớt không thể thiếu. Món ăn nổi tiếng nhất là cơm giô-lốp

Trang phục: nhiều trang phục truyền thống đặc điểm chung nhiều màu sắc sặc sỡ, mặc kèm nhiều phụ kiện và trang sức.

Lễ hội: lễ hội bắt cá, lễ hội khoai lang,...

b. Những biểu hiện của sự đa dạng dân tộc và các nền văn hóa khác nhau trên thế giới mà em biết:

Mỹ:

CON NGƯỜI NƯỚC MỸ

Hoa Kỳ là quốc gia lớn thứ 3 thế giới với dân số ước tính hơn 325 triệu người. Tuy nhiên, phần lớn dân số của quốc gia này đều là người nhập cư và chỉ có một số ít người da đỏ bản xứ sinh sống rải rác tại khắp các bang của nước Mỹ. Mặc dù các chính sách nhập cư đang được thắt chặt, nhưng cứ khoảng 33 giây lại có một người nhập cư đặt chân lên xứ sở cờ hoa.

Bởi vì đặc thù dân số như vậy nên văn hóa nước Mỹ rất đa dạng và độc đáo. Hầu hết các nền văn hóa trên khắp thế giới đều ảnh hưởng đến Mỹ. Đồng thời với sự phát triển lớn mạnh của cường quốc này thì giờ đây các quốc gia khác trên thế giới đều bị ảnh hưởng lại bởi Mỹ.

TÔN GIÁO MỸ

Với tỷ lệ dân nhập cư đông đúc, hầu như các tôn giáo trên thế giới đều có mặt tại Hoa Kỳ. Trong đó, có khoảng hơn 70% người dân đang theo đạo Kitô giáo, khoảng 23% người dân không theo bất kỳ tôn giáo nào.

Theo nghiên cứu của Trung tâm nghiên cứu Pew vào năm 2017, tỷ lệ người dân không theo bất kỳ tôn giáo nào đang có xu hướng giảm dần. Con số này có thể giảm xuống đến ngưỡng 13% vào năm 2060.

VĂN HÓA ẨM THỰC

Vào những giai đoạn đầu lịch sử, ẩm thực Mỹ chịu ảnh hưởng bởi người châu Âu và thổ dân da đỏ bản địa. Ngày nay, với sự du nhập của nhiều nền văn hóa khác nhau, ẩm thực xứ sở cờ hoa cũng trở nên phong phú và đa dạng với những phương pháp chế biến đặc trưng cho từng vùng miền.

Phía nam Hoa Kỳ thường chế biến các món ăn như gà rán, bánh mì ngô, đậu xanh, đậu đen.... Texas và phía tây nam thường kết hợp phong cách nấu ăn giữa Tây Ban Nha và Mexico, với các món đặc trưng như ớt và burritos, phô mai thái nhỏ và đậu....

Một số món ăn đặc trưng được xác định của người Mỹ hiện nay có thể kể đến như: hot dog, hamburger, khoai tây chiên, mì ống, thịt nướng, phô mát....

VĂN HÓA NƯỚC MỸ QUA CÁC TÁC PHẨM NGHỆ THUẬT

Văn hóa nước Mỹ được biết đến rộng rãi trên khắp thế giới thông qua các chương trình truyền hình và phim ảnh. Ngành công nghiệp điện ảnh tập trung tại Hollywood đã cho ra đời hàng loạt bom tấn, mang về doanh thu hàng trăm tỷ USD mỗi năm.

Theo con số thống kê của Bộ thương mại Hoa Kỳ, vào năm 2013 doanh thu của ngành này là 31 tỷ USD, nhưng đến năm 2019 đã tăng vọt lên mức 771 tỷ USD. Trong top 10 bộ phim điện ảnh có doanh thu cao nhất thời đại, tất cả đều là những dự án được thực hiện bởi Hollywood như Avatar, Titanic, Star Wars, Avengers....

Ngoài ra, xứ sở cờ hoa cũng có lịch sử sân khấu lâu đời và phong phú. Cùng với đó là nền âm nhạc đa dạng các phong cách khác nhau như pop, blues, jazz, gospel, rock ‘n’ roll, country và western, bluegrass, hip hop....

THỂ THAO

Hoạt động thể dục thể thao tại Hoa Kỳ diễn ra rất sôi động với nhiều bộ môn khác nhau như bóng đá, bóng chày, bóng rổ, khúc côn cầu.... Trong đó, bóng rổ là môn thể thao được yêu thích nhất tại quốc gia này. Giải đấu bóng rổ NBA của Mỹ là giải bóng rổ quy tụ nhiều vận động viên xuất sắc nhất thế giới; đồng thời mức giá chuyển nhượng các vận động viên và tiền bản quyền cũng là con số khổng lồ.

VĂN HÓA LỄ HỘI

Lễ hội là một trong những nét đặc sắc trong nền văn hóa nước Mỹ. Hàng năm tại đây tổ chức rất nhiều lễ hội và nhận được sự hưởng ứng đông đảo của người dân như lễ giáng sinh, lễ hội diễu hành những chú cừu, lễ hội Halloween, lễ hội Coachella....

Trong đó, lễ hội âm nhạc Coachella là một trong những lễ hội nổi tiếng nhất. Vào dịp này, mọi người sẽ tập trung đến địa điểm tổ chức để thưởng thức những màn trình diễn âm nhạc đặc sắc của các ca sĩ, nghệ sĩ nổi tiếng trên khắp thế giới. Ngoài ra, người tham gia còn có dịp ngắm nhìn các khu nghệ thuật, nơi trưng bày hàng thủ công và “xõa” hết sức mình tại các sàn nhảy disco.

Lào:

Trước hết, đó là sự tôn thờ hoàng gia Đất nước Thái Lan theo chế độ quân chủ lập hiến, đứng đầu nhà nước là vua. Vì vậy, người dân xứ sở chùa vàng luôn thể hiện sự tôn kính nhà vua. Mỗi khi đi qua cung điện hoàng gia hay nhìn thấy hình ảnh của nhà vua, người dân Thái Lan thường cúi gập mình để chào. Ngoài ra, trên mỗi đồng Baht của Thái đều có in hình của nhà Vua. Người dân Thái Lan luôn thể hiện sự tôn kính với Hoàng gia (ảnh: internet) Thứ hai, người Thái rất sùng bái Đạo Phật Một nét đặc trưng của văn hóa Thái Lan mà ai cũng phải nhắc đến là Phật giáo dù Phật giáo không phải là tôn giáo chính của nước này. Được du nhập vào Thái Lan khoảng năm 241 TCN, tồn tại cùng lịch sử lập quốc của Thái Lan, đến nay có tới 93,4% dân số Thái Lan theo đạo Phật. Chính phủ và người dân Thái Lan vô cùng tôn trọng và tạo điều kiện cho Phật giáo phát triển với những viện Phật học, tăng đoàn Phật giáo hay là các trường đại học Phật giáo...; đặc biệt là vai trò của Phật giáo được đưa vào cả hiến pháp của đất nước này. Theo văn hóa Thái Lan, khi đã đi theo Phật giáo, các thầy tu luôn tránh tiếp xúc trực tiếp với phụ nữ; vì vậy, khi đến Thái Lan, các nữ khách nên chú ý nếu gặp thầy tu trên đường, hãy tránh sang một bên nhường đường cho họ, tránh chạm vào các thầy tu khi muốn nhờ giúp đỡ, và khi dâng đồ cúng.

Tiếp đến là đặc trưng văn hóa chào của người Thái – Chào Wai Văn hóa chào đã trở thành nét văn hóa đặc trưng của Thái Lan, là điểm nhấn để nhận ra người Thái trong số rất nhiều dân tộc khác trên thế giới – đó chính là chào Wai. Khi gặp nhau, người Thái thường chấp tay như đang cầu nguyện và nở một nụ cười ấm áp cúi nhẹ để chào người đối diện. Kiểu chào này được du nhập từ văn hóa Hindu của người Ấn Độ thể hiện sự tôn trọng đối phương và hai tay đưa càng cao càng thể hiện sự tôn kính.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Giao nhiệm vụ học tập HS làm việc theo nhóm, mỗi nhóm đọc và tìm hiểu thông tin 1,2,3 và trả lời câu hỏi a. <i>Em hãy nêu những biểu hiện của sự đa dạng dân tộc và các nền văn hóa của Nhật Bản, Nga, Ni - giê-ri -a(về ẩm thực, trang phục, lễ hội,...</i> b. <i>Hãy nêu những biểu hiện của sự đa dạng dân tộc và các nền văn hóa khác nhau trên thế giới mà em biết.</i> Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh đọc thông tin. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra. Báo cáo, thảo luận - Giáo viên gọi một số học sinh đại diện các nhóm đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra - Các học sinh còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. Kết luận, nhận định - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật được sự đa dạng trong văn hóa giữa các dân tộc trên thế giới Gv nhấn mạnh: Mỗi dân tộc đều có những nét riêng về tính cách truyền thống, phong tục tập quán, ngôn ngữ... Đó là những vốn quý của nhân loại cần được tôn trọng, kế thừa và phát triển.	1. Sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hóa trên thế giới. Mỗi dân tộc đều có những nét riêng về tính cách, truyền thống, phong tục, tập quán, ngôn ngữ...Đó là những vốn quý của nhân loại cần được tôn trọng, kế thừa và phát triển. Tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới là tôn trọng tính cách, truyền thống phong tục tập quán,... của các dân tộc, luôn tích cực tìm hiểu và tiếp thu những giá trị tốt đẹp của các dân tộc, đồng thời thể hiện lòng tự hào chính đáng về dân tộc mình; phê phán những hành vi kì thị, phân biệt chủng tộc và văn hóa.

Nội dung 2: Tìm hiểu nội dung: Ý nghĩa của việc tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hóa trên thế giới

a. Mục tiêu. Học sinh nêu được: Ý nghĩa của việc tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hóa trên thế giới.

b. Nội dung. HS làm việc theo nhóm, đọc thông tin 1,2. Các nhóm suy nghĩ và hoàn thành câu trả lời mà sách giáo khoa đưa ra cũng như hoàn thành nhiệm vụ của nhóm.

a. *Nen - xon Man - đê - la đã làm gì để chống lại chế độ phân biệt chủng tộc? Những việc làm đó có ý nghĩa như thế nào đối với dân tộc Nam Phi?*

b. *Em hiểu ý nghĩa của việc tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hóa trên thế giới như thế nào qua thông tin trên?*

c. *Hãy nêu thêm ví dụ về một hoạt động tôn trọng sự đa dạng của các nền văn hóa và ý nghĩa của hoạt động đó.*

c. Sản phẩm.

a. Nen - xon Man - ê - la đã tham gia Đại hội Dân tộc Phi để đấu tranh cho quyền lợi người da đen để chống lại chế độ phân biệt chủng tộc

Những việc làm đó có ý nghĩa với dân tộc Nam Phi: Đây là bước ngoặt lớn đánh dấu sự chuyển mình và kìm kẹp của chế độ phân biệt chủng tộc ở Nam Phi. Đồng thời giải phóng dân tộc Nam Phi để cao tình yêu và sự đoàn kết, khẳng định vẻ đẹp đa dạng, phong phú của dân tộc Nam Phi.

b. Em hiểu ý nghĩa của việc tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hóa trên thế giới:

Việc tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hóa trên thế giới là chúng ta đang tôn trọng những nét đẹp riêng, truyền thống, phong tục của mỗi dân tộc. Đồng thời chúng ta có thể tìm hiểu, tiếp thu những giá trị tinh hoa văn hóa của dân tộc khác trên thế giới.

c. Ví dụ về một hoạt động tôn trọng sự đa dạng của các nền văn hóa và ý nghĩa của hoạt động đó:

Khi đi uống trà đạo thì chúng ta nên làm theo quy tắc của người Nhật Bản như quỳ ngồi uống trà, sử dụng nguyên liệu chính gốc của họ.

Ý nghĩa là ta tôn trọng vẻ đẹp của ẩm thực và phong cách thưởng thức của họ từ đó chúng ta tìm hiểu về cách uống trà từ họ.

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ HS làm việc theo nhóm, đọc thông tin 1,2. Các nhóm suy nghĩ và hoàn thành câu trả lời mà sách giáo khoa đưa ra cũng như hoàn thành nhiệm vụ của nhóm. <i>a. Nen - xon Man - ê - la đã làm gì để chống lại chế độ phân biệt chủng tộc? Những việc làm đó có ý nghĩa như thế nào đối với dân tộc Nam Phi?</i> <i>b. Em hiểu ý nghĩa của việc tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hóa trên thế giới như thế nào qua thông tin trên?</i> <i>c. Hãy nêu thêm ví dụ về một hoạt động tôn trọng sự đa dạng của các nền văn hóa và ý nghĩa của hoạt động đó.</i> Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh cùng nhau đọc thông tin và thảo luận. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra. Báo cáo thảo luận - Giáo viên gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra qua việc trả lời câu hỏi 1 và 2 - Các nhóm còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý.	2. Ý nghĩa của việc tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hóa trên thế giới Tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới tạo cơ hội để chúng ta có thêm hiểu biết tiếp thu những tinh hoa văn hoá của các dân tộc khác, làm phong phú thêm những giá trị của dân tộc mình, củng cố niềm tin, sự đồng cảm, hòa hợp và tăng cường tình hữu nghị, hòa bình, hợp tác giữa các quốc gia trên thế giới.

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét

- Giáo viên chốt kiến thức giúp học sinh hiểu rõ được ý nghĩa của việc tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hóa trên thế giới

Việc tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hóa trên thế giới là chúng ta đang tôn trọng những nét đẹp riêng, truyền thống, phong tục của mỗi dân tộc. Đồng thời chúng ta có thể tìm hiểu, tiếp thu những giá trị tinh hoa văn hóa của dân tộc khác trên thế giới.

Nội dung 3: Tìm hiểu nội dung: Thực hiện việc tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hóa trên thế giới

a. Mục tiêu. Học sinh nêu được: Trách nhiệm của học sinh trong việc tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hóa trên thế giới.

b. Nội dung. HS làm việc theo nhóm, đọc thông tin 1,2. Các nhóm suy nghĩ và hoàn thành câu trả lời mà sách giáo khoa đưa ra cũng như hoàn thành nhiệm vụ của nhóm.

a. Nêu ý nghĩa của Công ước Quốc tế về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc.

b. Bạn Hà và các bạn trong trường hợp 2 đã làm gì để thể hiện thái độ tôn trọng sự đa dạng dân tộc và văn hóa?

c. Hãy kể một số việc cần làm thể hiện thái độ tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc, các nền văn hóa.

c. Sản phẩm.

a. Ý nghĩa của Công ước Quốc tế về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc:

Tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hóa trên thế giới là tôn trọng tính cách, truyền thống, phong tục tập quán.... của các dân tộc khác trên thế giới. Đồng thời mỗi dân tộc đều có mỗi sự đa dạng đặc sắc riêng vì vậy công ước vừa thể hiện sự công bằng mà còn tôn trọng vẻ đẹp văn hóa truyền thống của dân tộc.

b. Bạn Hà và các bạn trong trường hợp 2 đã thể hiện thái độ tôn trọng sự đa dạng dân tộc và văn hóa:

Cùng nhau giới thiệu, chia sẻ những phong tục tập quán, văn hóa độc đáo của dân tộc mình và các dân tộc khác trên thế giới.

Chia sẻ những sưu tầm ảnh, tư liệu phong phú để giới thiệu với bạn bè nước ngoài về nét đẹp truyền thống dân tộc, văn hóa Việt Nam.

c. Một số việc cần làm thể hiện thái độ tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc, các nền văn hóa.

Chia sẻ và lắng nghe những truyền thống văn hóa của các dân tộc khác trên thế giới

Tuân thủ quy tắc khi tham gia các lễ hội, ẩm thực của các dân tộc trên thế giới.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
-------------------------------------	------------------

Chuyển giao nhiệm vụ

HS làm việc theo nhóm, đọc thông tin 1,2. Các nhóm suy nghĩ và hoàn thành câu trả lời mà sách giáo khoa đưa ra cũng như hoàn thành nhiệm vụ của nhóm.

a. *Nêu ý nghĩa của Công ước Quốc tế về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc.*

b. *Bạn Hà và các bạn trong trường hợp 2 đã làm gì để thể hiện thái độ tôn trọng sự đa dạng dân tộc và văn hóa?*

c. *Hãy kể một số việc cần làm thể hiện thái độ tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc, các nền văn hóa.*

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau đọc thông tin và thảo luận.
- Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra.

Báo cáo thảo luận

- Giáo viên gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra qua việc trả lời câu hỏi 1 và 2
- Các nhóm còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý.

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét
- Giáo viên chốt kiến thức giúp học sinh hiểu rõ được những việc làm cụ thể, phù hợp nhằm tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hóa trên thế giới

Cùng nhau giới thiệu, chia sẻ những phong tục tập quán, văn hóa độc đáo của dân tộc mình và các dân tộc khác trên thế giới. Chia sẻ những sưu tầm ảnh, tư liệu phong phú để giới thiệu với bạn bè nước ngoài về nét đẹp truyền thống dân tộc, văn hóa Việt Nam.

3. Thực hiện việc tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hóa trên thế giới

Cùng nhau giới thiệu, chia sẻ những phong tục tập quán, văn hóa độc đáo của dân tộc mình và các dân tộc khác trên thế giới.

Chia sẻ những sưu tầm ảnh, tư liệu phong phú để giới thiệu với bạn bè nước ngoài về nét đẹp truyền thống dân tộc, văn hóa Việt Nam.

Chia sẻ và lắng nghe những truyền thống văn hóa của các dân tộc khác trên thế giới.

Tuân thủ quy tắc khi tham gia các lễ hội, ẩm thực của các dân tộc trên thế giới.

3. Hoạt động: Luyện tập

Câu 1. Câu hỏi 1: Em đồng tình hay không đồng tình với ý kiến/ việc làm nào dưới đây. Vì sao?

a. Mục tiêu. HS củng cố kiến thức đã học thông qua thực hành xử lý tình huống cụ thể có liên quan đến nội dung bài học, có ý thức biết tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hóa trên thế giới

b. Nội dung. Học sinh làm việc cá nhân, cùng suy nghĩ, đưa ra các ý kiến để lý giải cho từng trường hợp cụ thể

c. Sản phẩm.

- Ý kiến a. Không đồng tình. Vì: dân tộc nào cũng có những nét hay, nét đẹp đáng để chúng ta tôn trọng và học hỏi.

- Ý kiến b. Đồng tình. Vì: mỗi dân tộc đều có những nét đặc trưng riêng về văn hóa truyền thống, có những nét đẹp để chúng ta tôn trọng và học hỏi.

- Ý kiến c. Không đồng tình. Vì: ở mỗi dân tộc, mỗi nền văn hóa, bên cạnh những điều tốt đẹp, vẫn còn tồn tại một số hạn chế hoặc những phong tục, tập quán không phù hợp. Do đó, trong quá trình giao lưu, học hỏi, chúng ta cần tiếp thu có chọn lọc những giá trị văn hóa tiến bộ của các dân tộc trên thế giới.

- Ý kiến d. Đồng tình. Vì: mỗi dân tộc, mỗi nền văn hóa, đều có những nét văn hóa đặc trưng riêng biệt. Những nét văn hóa này được hình thành và phát triển dựa trên những điều kiện, hoàn cảnh đặc thù của dân tộc, quốc gia đó. Vì vậy, trong quá trình giao lưu, học hỏi, chúng ta cần tiếp thu có chọn lọc những giá trị văn hóa tiến bộ, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh dân tộc và văn hóa của đất nước mình; không nên tiếp thu toàn bộ một cách máy móc, sao chép nguyên bản,...

- Ý kiến e. Đồng tình. Vì: hành động của chị N và các bạn đã thể hiện tình yêu và sự tôn trọng về đa dạng dân tộc và văn hóa của Việt Nam.

- Ý kiến g. Không đồng tình. Vì: việc xem các chương trình văn hóa nghệ thuật nước ngoài cũng là một hành vi thể hiện sự tôn trọng đa dạng dân tộc và các nền văn hóa trên thế giới.

d. Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc cá nhân.

Các học sinh cùng suy nghĩ và đưa ra ý kiến của bản thân về từng trường hợp cụ thể.

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau làm việc theo cá nhân.

- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời.

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung.

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát để học sinh hiểu được tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hóa trên thế giới

Câu 2. Em sẽ xử lý như thế nào nếu là nhân vật trong tình huống sau?

a. Mục tiêu. HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống liên quan đến việc tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hóa trên thế giới

b. Nội dung. HS làm việc cá nhân, đọc suy nghĩ và đưa ra quan điểm của bản thân cho vấn đề đặt ra.

c. Sản phẩm.

- **Xử lý tình huống a.** Nếu là anh S, em sẽ:

+ Giải thích cho các bạn hiểu: (1) mỗi dân tộc trên thế giới đều có những nét đặc trưng riêng về màu da, ngoại hình, truyền thống văn hóa,... (2) Bản thân rất yêu và tự hào về màu da của mình. (3) Việc các bạn tỏ thái độ trêu chọc về màu da là biểu hiện của sự phân biệt chủng tộc và văn hóa; đồng thời gây nên sự tổn thương tinh thần cho mình.

=> Từ đó, yêu cầu các bạn trong lớp chấm dứt hành vi trêu chọc.

+ Nếu các bạn trong lớp không chấm dứt hành vi và thái độ kì thị, anh S nên báo cáo sự việc với thầy, cô giáo chủ nhiệm để nhờ sự can thiệp, hỗ trợ từ phía thầy cô.

- **Xử lý tình huống b.** Nếu là M, em sẽ:

+ Giải thích để bố mẹ hiểu: việc đọc sách về các dân tộc và các nền văn hóa trên thế giới sẽ giúp mình mở rộng và nâng cao vốn hiểu biết; đồng thời, đây cũng là biểu hiện của sự tôn trọng đa dạng dân tộc và các nền văn hóa trên thế giới.

+ Hứa với bố mẹ: bản thân dù dành thời gian tìm hiểu về các dân tộc, các nền văn hóa trên thế giới nhưng vẫn học tập thật tốt các môn học chính khóa trong lớp.

d. Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập

HS làm việc cá nhân, đọc tình huống, suy nghĩ và đưa ra quan điểm của bản thân cho từng tình huống.

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau làm việc theo cá nhân
- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời.

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung.

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát để hiểu rõ được các hành vi được làm và hành vi không được làm để tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hóa trên thế giới.

Câu 3. Em hãy cùng các bạn xây dựng một tiểu phẩm về chủ đề phê phán những hành vi kì thị, phân biệt chủng tộc và văn hóa.

a. Mục tiêu. HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống thấy được tầm quan trọng của việc tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hóa trên thế giới

b. Nội dung. HS làm việc theo nhóm, các nhóm cùng nghiên cứu, trao đổi, thống nhất để xây dựng một tiểu phẩm về chủ đề phê phán những hành vi kì thị, phân biệt chủng tộc và văn hóa.

c. Sản phẩm.

- Có thái độ đấu tranh phê phán những hành vi phân biệt chủng tộc, kỳ thị văn hóa giữa các dân tộc

d. Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

HS làm việc theo nhóm, các nhóm cùng nghiên cứu, trao đổi, thống nhất để xây dựng một tiểu phẩm về chủ đề phê phán những hành vi kì thị, phân biệt chủng tộc và văn hóa.

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau làm việc theo theo nhóm, xây dựng kịch bản, lựa chọn người tham gia cũng như kế hoạch tập luyện.

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên tổ chức cho các nhóm tiến hành dàn dựng và biểu diễn.

Kết luận, nhận định

- Giáo viên tổng hợp khái quát để học sinh hiểu được sự cần thiết của việc tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hóa trên thế giới

Câu 4. Em hãy nêu những việc nên làm và không nên làm để thể hiện tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và giải thích tại sao?

a. Mục tiêu. HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống thấy được ý nghĩa của việc tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hóa trên thế giới

b. Nội dung. HS làm việc theo nhóm, có thể tổ chức trò chơi giữa các nhóm, các nhóm sẽ lần lượt kể những việc nên làm và không nên làm để thể hiện tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và giải thích tại sao?

c. Sản phẩm.

- HS chỉ ra được những việc nên làm và không nên làm để thể hiện tôn trọng sự dạng của các dân tộc và giải thích tại sao?

***Những việc nên làm:**

- + Tôn trọng tính cách, truyền thống, phong tục tập quán,... của các dân tộc;
- + Luôn tích cực tìm hiểu và tiếp thu những giá trị tốt đẹp của các dân tộc; đồng thời thể hiện lòng tự hào chính đáng về dân tộc mình;
- + Phê phán những hành vi kì thị, phân biệt chủng tộc và văn hóa.
- + Tích cực quảng bá, giới thiệu những nét đẹp về văn hóa, đất nước và con người của dân tộc mình.
- + ...

- Những việc không nên làm:

- + Tỏ thái độ hoặc hành động kì thị, phân biệt giữa các dân tộc, các nền văn hóa, các vùng, miền,...
- + Tiếp thu một cách rập khuôn, máy móc; sao chép nguyên bản, không có sự chọn lọc các yếu tố văn hóa bên ngoài.
- + Ủng hộ các hành vi kì thị, phân biệt chủng tộc và văn hóa.
- + Khép kín, không chịu tiếp thu thành tựu văn hóa của các quốc gia, dân tộc khác.
- + Tỏ thái độ và hành động xấu hổ, tự ti về văn hóa, đất nước và con người của dân tộc mình.

d. Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

HS làm việc theo nhóm, có thể tổ chức trò chơi giữa các nhóm, các nhóm sẽ lần lượt kể những việc nên làm và không nên làm để thể hiện tôn trọng sự dạng của các dân tộc và giải thích tại sao?

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau làm việc theo nhóm đã phân công.

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên mời từng nhóm đưa ra kết quả của nhóm mình.

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phản trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát để học sinh hiểu được những việc cần làm để tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hóa trên thế giới.

4. Hoạt động: Vận dụng

Câu 1: Em hãy viết đoạn văn (khoảng 200 từ) giới thiệu về một nét văn hóa đặc sắc của một dân tộc trên thế giới.

a. Mục tiêu. HS tự giác áp dụng những điều đã học vào thực tiễn với không gian mới, tình huống mới.

b. Nội dung. HS làm việc theo cá nhân, tìm hiểu và lựa chọn một nét văn hóa đặc sắc của một dân tộc trên thế giới để viết bài: Bài viết cần chỉ rõ loại hình văn hóa, yếu tố đặc sắc về nội dung cũng như giá trị của nét văn hóa đó.

c. Sản phẩm.

Bước đầu hiểu được ý nghĩa của việc tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hóa trên thế giới.

d. Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

HS làm việc theo cá nhân, tìm hiểu và lựa chọn một nét văn hóa đặc sắc của một dân tộc trên thế giới để viết bài: Bài viết cần chỉ rõ loại hình văn hóa, yếu tố đặc sắc về nội dung cũng như giá trị của nét văn hóa đó.

Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh làm việc ở nhà, suy nghĩ và hoàn thành nhiệm vụ.

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên bố trí thời gian để các học sinh có thời gian để học sinh giới thiệu nhân vật mà mình đã tìm hiểu.

- Hoặc giáo viên yêu cầu học sinh chia sẻ bài viết của mình qua nhóm lớp để các học sinh khác cùng trao đổi.

Kết luận, nhận định

Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các học sinh hiểu và tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hóa trên thế giới..

Câu 2: Thiết kế hoặc sưu tầm hình ảnh thể hiện sự đa dạng của các dân tộc và cá văn hoá trên thế giới.

a. Mục tiêu. HS tự giác áp dụng những điều đã học vào thực tiễn với không gian mới, tình huống mới.

b. Nội dung. HS làm việc theo nhóm tại nhà, suy nghĩ và lên ý tưởng để thực hiện nhiệm vụ được giao.

c. Sản phẩm.

- Bước đầu hiểu được ý nghĩa của việc tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hóa trên thế giới.

d. Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

HS làm việc theo nhóm tại nhà, suy nghĩ và lên ý tưởng để thực hiện nhiệm vụ được giao.

Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh làm việc ở nhà, suy nghĩ và hoàn thành nhiệm vụ.

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên bố trí thời gian để các học sinh có thời gian để học sinh thuyết trình sản phẩm

- Hoặc giáo viên yêu cầu học sinh chia sẻ bài viết của mình qua nhóm lớp để các học sinh khác cùng trao đổi

Kết luận, nhận định

- Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các học sinh hiểu hơn và tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hóa trên thế giới.

HẾT.

Ngày soạn: 12/10/2023

Ngày dạy: 18,25/10/2023

TUẦN 7, 8 - TIẾT 7, 8

BÀI 3. LAO ĐỘNG CẦN CÙ, SÁNG TẠO

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC.

1. Về kiến thức

- Nêu được khái niệm cần cù, sáng tạo trong lao động và một số biểu hiện của cần cù, sáng tạo trong lao động.

- Giải thích được ý nghĩa của cần cù, sáng tạo trong lao động.

- Thể hiện được sự cần cù, sáng tạo trong lao động của bản thân

*** Giáo dục về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.**

2. Về năng lực

- Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về lao động cần cù, sáng tạo.

+ Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến lao động cần cù, sáng tạo.

- Năng lực đặc thù:

+ Năng lực điều chỉnh hành vi: Thể hiện được sự cần cù, sáng tạo trong lao động của bản thân; Trân trọng những thành quả lao động, quý trọng và học hỏi những tấm gương cần cù, sáng tạo trong lao động; Phê phán những biểu hiện chây lười, thụ động trong lao động.

+ Năng lực phát triển bản thân: Tự nhận thức được sở thích, điểm mạnh, điểm yếu của bản thân trong việc thực hiện cần cù, sáng tạo trong lao động hằng ngày.

+ Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Nhận biết được một số hiện tượng, vấn đề của đời sống xã hội liên quan đến cần cù, sáng tạo trong lao động; Bước đầu biết cách thu thập, xử lý thông tin, tìm hiểu một số hiện tượng, sự kiện, tình huống phản ánh sự cần cù, sáng tạo trong lao động; Lựa chọn, đề xuất được cách giải quyết và tham gia giải quyết vấn đề liên quan đến thực hiện cần cù, sáng tạo trong lao động ở đời sống thực tế.

3. Về phẩm chất

- Chăm chỉ: Tích cực, tự giác tham gia các hoạt động lao động phù hợp với lứa tuổi.

- Trách nhiệm: Có trách nhiệm, trung thực và không ngừng sáng tạo trong lao động.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Công dân 8;

- Tranh/ảnh, clip, câu chuyện, trò chơi, ví dụ thực tế,... liên quan tới bài học;

- Máy chiếu, bài giảng PowerPoint,....

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động: Mở đầu

a. Mục tiêu. Tạo tâm thế tích cực và giúp HS có hiểu biết ban đầu về bài học mới.

b. Nội dung. Học sinh làm việc theo nhóm để các học sinh cùng suy nghĩ và thực hiện yêu cầu sách giáo khoa đặt ra:

Em hãy tìm những câu ca dao tục ngữ, thành ngữ nói về lao động cần cù, sáng tạo và cho biết ý nghĩa của những câu ca dao, tục ngữ, thành ngữ đó.

c. Sản phẩm. Học sinh bước đầu biết và chỉ ra được những một số biểu hiện thường gặp của lao động cần cù và sáng tạo

Con trâu là đầu cơ nghiệp.

Đừng giống buồm trong bão giông.

Đào nương không sợ uống công, đắp phai chớ sợ phí sức.

Nhất canh trì, nhì canh viên, tam canh điền

Nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống

Mạ già ruộng ngấu không thua bạn điền.

Tắc đất tắc Vàng

Năm trước được cau, năm sau được lúa.

Trăng mờ tốt lúa nở, trăng tỏ tốt lúa sâu.

Ăn kỹ no lâu, cày sâu tốt lúa.

d. Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập:

Học sinh làm việc theo nhóm để các học sinh cùng suy nghĩ và thực hiện yêu cầu sách giáo khoa đặt ra:

Em hãy tìm những câu ca dao tục ngữ, thành ngữ nói về lao động cần cù, sáng tạo và cho biết ý nghĩa của những câu ca dao, tục ngữ, thành ngữ đó

Thực hiện nhiệm vụ

Giáo viên gọi từ một đến hai HS lên chia sẻ, các HS khác nhận xét về câu trả lời của bạn

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên yêu cầu một số học sinh trình bày việc chuẩn bị của bản thân mình

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét đánh giá về quá trình thực hiện nhiệm vụ của học sinh

Gv nhấn mạnh:

Lao động cần cù, sáng tạo là một trong những truyền thống quý báu của dân tộc Việt Nam, giúp con người không chỉ tạo ra những giá trị vật chất và tinh thần cho bản thân mà còn đóng góp vào sự phát triển của xã hội. Mỗi người cần kế thừa và phát huy truyền thống quý báu đó, lao động cần cù, sáng tạo không ngừng để góp phần xây dựng thành công đất nước giàu đẹp, văn minh.

2. Hoạt động: Khám phá

Nội dung 1: Khái niệm và biểu hiện của cần cù, sáng tạo trong lao động.

a. Mục tiêu. HS nêu được khái niệm cần cù, sáng tạo và những biểu hiện của lao động cần cù, sáng tạo.

b. Nội dung. HS làm việc theo nhóm, mỗi nhóm đọc và tìm hiểu thông tin 1,2 và trả lời câu hỏi

a. Hãy nêu những biểu hiện cần cù, sáng tạo trong lao động của Niu - ton qua câu chuyện trên.

b. Các bạn học sinh trong tranh đã lao động như thế nào, sáng tạo ra làm sao để chế tạo được rô bốt?

c. Em hiểu như thế nào là lao động cần cù, sáng tạo? Hãy nêu các biểu hiện của cần cù, sáng tạo trong lao động

d. Em học hỏi được điều gì từ những tấm gương lao động cần cù, sáng tạo trên?

c. Sản phẩm.

a. Những biểu hiện cần cù, sáng tạo trong lao động của Niu - ton qua câu chuyện trên.

Không ngừng tìm tòi, học hỏi

Tự giám mình trong phòng để làm việc và đọc sách

Ông cấm cùi làm việc quên ăn quên ngủ

b. Các bạn học sinh trong tranh đã lao động, sáng tạo để chế tạo được rô bốt:

Cần cù đọc sách, nghiên cứu, vẽ sơ đồ thực hành và cải tiến rô bốt tới khi thành công và hoạt động được.

c. Lao động cần cù, sáng tạo là: *Cần cù lao động tự giác và sáng tạo vì chúng ta đang sống trong thời đại khoa học và kỹ thuật phát triển, được ứng dụng vào mọi lĩnh vực của cuộc sống và trong sản xuất xã hội. Không tự giác, sáng tạo trong học tập thì không thể tiếp cận với sự phát triển của nhân loại.*

Biểu hiện của cần cù, sáng tạo trong lao động:

– Lao động tự giác:

+ Chủ động khi làm việc;

+ Không đợi ai nhắc nhở;

+ Không bị ai bắt buộc hoặc áp lực;

– Lao động sáng tạo:

+ Luôn tìm tòi suy nghĩ, cải tiến;

+ Phát hiện cái mới, hiện đại các quy trình trong lao động;

+ Tiết kiệm (thời gian, vật liệu...) tạo năng suất cao, chất lượng hiệu quả.

d. Em học hỏi những tấm gương lao động cần cù, sáng tạo trên:

Thực hiện tốt nhiệm vụ, nội quy, kế hoạch học tập, rèn luyện của người học sinh để trở thành con ngoan, trò giỏi, người công dân tốt.

Kiên trì và vạch ra kế hoạch để hoàn thành nhiệm vụ tới cùng.

Tự giác học, làm bài, đọc thêm tài liệu, không đợi ai nhắc nhở, đôn đốc.

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Giao nhiệm vụ học tập HS làm việc theo nhóm, mỗi nhóm đọc và tìm hiểu thông tin 1,2 và trả lời câu hỏi a. <i>Hãy nêu những biểu hiện cần cù, sáng tạo trong lao động của Niu - ton qua câu chuyện trên.</i> b. <i>Các bạn học sinh trong tranh đã lao động như thế nào, sáng tạo ra làm sao để chế tạo được rô bốt?</i> c. <i>Em hiểu như thế nào là lao động cần cù, sáng tạo? Hãy nêu các biểu hiện của cần cù, sáng tạo trong lao động</i> d. <i>Em học hỏi được điều gì từ những tấm gương lao động cần cù, sáng tạo trên?</i> Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh đọc thông tin. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra. Báo cáo, thảo luận - Giáo viên gọi một số học sinh đại diện các nhóm đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra	1. Khái niệm và biểu hiện của cần cù, sáng tạo trong lao động. Lao động cần cù là chăm chỉ, chịu khó làm việc một cách thường xuyên, phấn đấu hết mình vì công việc Lao động sáng tạo là luôn luôn suy nghĩ, cải tiến để tìm tòi cái mới, tìm ra cách giải quyết tối ưu nhằm không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả lao động. Biểu hiện của lao động cần cù: chăm chỉ, chịu khó làm việc một cách thường xuyên Biểu hiện của lao động sáng tạo: luôn luôn suy nghĩ, tìm tòi, cải tiến phương pháp để lao động có hiệu quả; nghiêm khắc sửa sai lầm, rút ra bài học kinh nghiệm cho bản thân

- Các học sinh còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. Kết luận, nhận định - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề. Gv nhấn mạnh: Lao động cần cù là chăm chỉ, chịu khó làm việc một cách thường xuyên, phấn đấu hết mình vì công việc Lao động sáng tạo là luôn luôn suy nghĩ, cải tiến để tìm tòi cái mới, tìm ra cách giải quyết tối ưu nhằm không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả lao động.	
---	--

Nội dung 2: Tìm hiểu nội dung: Ý nghĩa của cần cù, sáng tạo trong lao động.

a. Mục tiêu. Học sinh nêu được: Ý nghĩa của cần cù, sáng tạo trong lao động

b. Nội dung. HS làm việc theo nhóm, đọc thông tin 1,2. Các nhóm suy nghĩ và hoàn thành câu trả lời mà sách giáo khoa đưa ra cũng như hoàn thành nhiệm vụ của nhóm.

a. Qua bức tranh và các trường hợp trên em hãy cho biết những kết quả đã đạt được nhờ sự cần cù, sáng tạo trong lao động.

b. Việc chưa cần cù, sáng tạo trong lao động khiến gia đình anh Dũng gặp khó khăn gì?

c. Theo em, vì sao cần rèn luyện đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động? Nêu những việc cần làm để rèn luyện đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động.

c. Sản phẩm.

a. Qua bức tranh và các trường hợp trên em hãy cho biết những kết quả đã đạt được nhờ sự cần cù, sáng tạo trong lao động là:

Hoàn thiện và phát triển phẩm chất, năng lực của mỗi cá nhân để nâng cao hiệu quả lao động, góp phần xây dựng được kinh tế gia đình và đất nước

Được mọi người yêu quý, tôn trọng.

b. Việc chưa cần cù, sáng tạo trong lao động khiến gia đình anh Dũng gặp khó khăn:

Năng suất trồng cây không cao

Thu nhập thấp, kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn.

c. Theo em, rèn luyện đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động vì giúp cho bản thân cải thiện được đức tính, tinh thần học hỏi, cải thiện được kinh tế, tăng gia sản xuất phát triển quê hương và đất nước.

Những việc cần làm để rèn luyện đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động:

Luôn luôn suy nghĩ, tìm tòi, lắng nghe học hỏi.

Sáng tạo trong lao động

Phê phán những biểu hiện chây lười

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ HS làm việc theo nhóm, đọc thông tin 1,2. Các nhóm suy nghĩ và hoàn thành câu	2. Ý nghĩa của cần cù, sáng tạo trong lao động.

trả lời mà sách giáo khoa đưa ra cũng như hoàn thành nhiệm vụ của nhóm. * Giáo dục về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. <i>a. Qua bức tranh và các trường hợp trên em hãy cho biết những kết quả đã đạt được nhờ sự cần cù, sáng tạo trong lao động.</i> <i>b. Việc chưa cần cù, sáng tạo trong lao động khiến gia đình anh Dũng gặp khó khăn gì?</i> <i>c. Theo em, vì sao cần rèn luyện đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động? Nêu những việc cần làm để rèn luyện đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động.</i> Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh cùng nhau đọc thông tin và thảo luận. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra. Báo cáo thảo luận - Giáo viên gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra qua việc trả lời câu hỏi 1 và 2 - Các nhóm còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. Kết luận, nhận định - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét - Giáo viên chốt kiến thức giúp học sinh hiểu rõ được ý nghĩa của lao động cần cù sáng tạo cũng như có ý thức rèn luyện phẩm chất này Học sinh cần phải quý trọng và học hỏi những tấm gương cần cù, sáng tạo trong lao động phê phán những biểu hiện chây lười, thụ động trong lao động	Cần cù, sáng tạo trong lao động giúp con người + Hoàn thiện và phát triển phẩm chất, năng lực của mỗi cá nhân để nâng cao hiệu quả lao động, góp phần xây dựng quê hương, đất nước. + Tạo ra được nhiều giá trị vật chất, tinh thần góp phần cải thiện và nâng cao đời sống. + Được mọi người yêu quý, tôn trọng. Học sinh cần phải quý trọng và học hỏi những tấm gương cần cù, sáng tạo trong lao động phê phán những biểu hiện chây lười, thụ động trong lao động
--	---

3. Hoạt động: Luyện tập

Câu hỏi 1: Em tán thành hay không tán thành với những ý kiến nào dưới đây?

Vì sao?

a. Mục tiêu. HS củng cố kiến thức đã học thông qua thực hành xử lý tình huống cụ thể có liên quan đến nội dung bài học, có ý thức rèn luyện đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động và học tập.

b. Nội dung. Học sinh làm việc cá nhân, cùng suy nghĩ, đưa ra các ý kiến để lý giải cho từng trường hợp cụ thể

c. Sản phẩm.

- **Ý kiến a)** Đồng tình. Vì: ở bất cứ lĩnh vực nào (dù là lao động chân tay hay lao động trí óc,...) chúng ta đều cần sự chăm chỉ, cần cù và sáng tạo.

- **Ý kiến b)** Không đồng tình. Vì: cần cù và sáng tạo không phải là khả năng thiên bẩm mà là kết quả của sự rèn luyện.

- **Ý kiến c)** Không đồng tình. Vì: ở bất cứ lĩnh vực nào (dù là lao động chân tay hay lao động trí óc,...) chúng ta đều cần sự chăm chỉ, cần cù và sáng tạo.

- **Ý kiến d)** Không đồng tình. Vì: trong lao động, dù bất cứ việc gì (khó hoặc dễ) chúng ta đều cần phải chăm chỉ, nỗ lực hết mình để hoàn thành ở mức cao nhất.

d. Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc cá nhân

Các học sinh cùng suy nghĩ và đưa ra ý kiến của bản thân về từng trường hợp cụ thể

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau làm việc cá nhân

- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát để học sinh hiểu được sự cần thiết phải rèn luyện phẩm chất cần cù sáng tạo trong lao động và học tập.

Câu hỏi 2: Hành vi nào dưới đây thể hiện sự cần cù, sáng tạo trong lao động?

Vì sao?

a. Mục tiêu. HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống liên quan đến việc rèn luyện đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động và học tập.

b. Nội dung. HS làm việc cá nhân, đọc suy nghĩ và đưa ra quan điểm của bản thân cho vấn đề đặt ra

c. Sản phẩm. * Giáo dục về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

- Những hành vi thể hiện sự cần cù, sáng tạo trong lao động, là:

+ Bạn Đ luôn chủ động giúp mẹ làm bếp và thường xuyên cải biến các món ăn mới để cả nhà được ngon miệng.

+ Chị M thường tái chế phế liệu thành vật dụng để trong sinh hoạt hằng ngày của gia đình mình.

- **Giải thích:**

+ Bạn Đ đã chủ động giúp đỡ mẹ làm công việc nhà (đây là biểu hiện của sự chăm chỉ, cần cù). Bên cạnh đó, để bữa ăn của cả nhà được ngon miệng hơn, bạn Đ luôn suy nghĩ, tìm tòi các công thức nấu ăn mới (đây là biểu hiện của sự sáng tạo).

+ Chị M đã biết cách tận dụng các phế liệu để chế tạo ra những vật dụng mới, việc này vừa giúp chị tiết kiệm một phần chi phí sinh hoạt, vừa góp phần bảo vệ môi trường (đây là biểu hiện của sự sáng tạo).

d. Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập

HS làm việc cá nhân, đọc tình huống, suy nghĩ và đưa ra quan điểm của bản thân cho từng tình huống

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau làm việc theo theo cá nhân
- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát để hiểu rõ được sự cần thiết phải rèn luyện phẩm chất cần cù sáng tạo trong lao động và học tập.

Câu hỏi 3: Em hãy đọc tình huống và trả lời câu hỏi:

a. Mục tiêu. HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống thấy được ý nghĩa của lao động cần cù, sáng tạo.

b. Nội dung. HS làm việc theo nhóm, các nhóm cùng nghiên cứu, trao đổi, thống nhất để đưa ra câu trả lời cho từng tình huống.

c. Sản phẩm.

a. Việc làm của anh A và ý kiến của B theo em việc làm của A hoàn toàn đúng thể hiện tinh thần lao động cần cù, sáng tạo tạo thêm nhiều tính năng và công năng cho sản phẩm còn chị B thì không có sự cải tiến, sáng tạo mà vẫn còn trì hoãn trong công việc đi theo lối cũ không có tính mới.

b. Ý kiến của chị H em không đồng tình vì trong lao động ngoài yếu tố cần cù, chịu khó ra thì chúng ta cần nghiên cứu tạo ra sản phẩm mới, có sự đột phá, sáng tạo giúp nâng cấp sản phẩm, công việc tốt hơn.

Nếu em là chị H em sẽ nghiên cứu sản phẩm, tạo ra nhiều sản phẩm tối ưu mang tính sáng tạo tăng năng suất trong công việc.

d. Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

HS làm việc theo nhóm, các nhóm cùng nghiên cứu, trao đổi, thống nhất để đưa ra câu trả lời cho từng tình huống.

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau làm việc theo nhóm, đọc tình huống, liên hệ thực tế và đưa ra câu trả lời cho từng tình huống.

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên tổ chức cho các nhóm tiến hành dàn dựng và biểu diễn

Kết luận, nhận định

- Giáo viên tổng hợp khái quát để học sinh hiểu được sự cần thiết của việc rèn luyện phẩm chất cần cù, sáng tạo

Câu 4. Em hãy kể những việc em đã làm thể hiện sự cần cù, sáng tạo trong lao động và chia sẻ kinh nghiệm của bản thân với các bạn trong lớp. * Giáo dục về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

a. Mục tiêu. HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống thấy được ý nghĩa của việc thực hiện cần cù, sáng tạo

b. Nội dung. HS làm việc cá nhân, tự suy nghĩ và đánh ra được bản thân trong việc thực hiện cần cù sáng tạo sau đó chia sẻ với các bạn trong lớp

c. Sản phẩm.

- HS biết được các việc làm nhằm rèn luyện phẩm chất cần cù, sáng tạo

- Những việc em đã làm thể hiện sự cần cù, sáng tạo trong lao động:
- + Thường xuyên giúp đỡ bố mẹ những công việc phù hợp với sức khỏe, lứa tuổi, như: quét dọn nhà cửa, rửa bát, nấu những món ăn đơn giản, chăm sóc em,...
- + Luôn cố gắng hết mình để hoàn thành những nhiệm vụ học tập được giao.
- + Suy nghĩ, tìm tòi những phương pháp học tập mới, khoa học và hiệu quả hơn. Ví dụ như: tổng kết kiến thức đã học bằng sơ đồ tư duy; học tiếng Anh thông qua việc đọc truyện tranh song ngữ,...
- + Tái chế các phế liệu thành đồ thủ công để sử dụng hoặc đem bán. Ví dụ: làm ống đựng đồ dùng học tập từ bìa carton; làm chuông gió từ vỏ chai nhựa,...

d. Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

HS làm việc cá nhân, tự suy nghĩ và đánh giá được bản thân trong việc thực hiện cần cù sáng tạo sau đó chỉ sẻ với các bạn trong lớp.

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh làm việc cá nhân

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên mời một số học sinh chia sẻ bài viết của mình

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát để học sinh hiểu được những việc cần làm để rèn luyện đức tính cần cù, sáng tạo

Câu 5. Em hãy gửi một thông điệp bày tỏ sự trân trọng thành quả lao động của người thân hoặc những người xung quanh

a. Mục tiêu. HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống thấy được ý nghĩa của việc thực hiện cần cù, sáng tạo

b. Nội dung. HS làm việc cá nhân, tự suy nghĩ và đánh giá được bản thân trong việc thực hiện cần cù sáng tạo sau đó chia sẻ với các bạn trong lớp.

c. Sản phẩm.

- HS biết được các việc làm nhằm rèn luyện phẩm chất cần cù, sáng tạo
- Một số thông điệp bày tỏ sự trân trọng thành quả lao động:
 - + “Lao động là vinh quang”.
 - + “Lao động làm ta khuây khỏa được nỗi buồn, tiết kiệm được thời gian và chữa khỏi bệnh lười biếng”.
 - + “Thiên tài 1% là cảm hứng và 99% là mồ hôi”.
 - + “Bàn tay ta làm nên tất cả/ Có sức người sỏi đá cũng thành cơm”.

d. Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

HS làm việc cá nhân, tự suy nghĩ và đánh giá được bản thân trong việc thực hiện cần cù sáng tạo sau đó chia sẻ với các bạn trong lớp

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh làm việc cá nhân

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên mời một số học sinh chia sẻ bài viết của mình

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát để học sinh hiểu được những việc cần làm để rèn luyện đức tính cần cù, sáng tạo

4. Hoạt động: Vận dụng

Câu 1: Hãy viết bài chia sẻ về một tấm gương lao động cần cù, sáng tạo mà em biết. Em học tập được điều gì từ tấm gương đó. * Giáo dục về học tập và làm theo tư

tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

a. Mục tiêu. HS tự giác áp dụng những điều đã học vào thực tiễn với không gian mới, tình huống mới

b. Nội dung. HS làm việc theo cá nhân, tìm hiểu và lựa chọn một tấm gương cần cù và sáng tạo để thành công: Bài viết cần chỉ rõ người thật, việc thật và công việc thật

c. Sản phẩm.

- Bước đầu hiểu được ý nghĩa của việc thực hiện cần cù, sáng tạo trong học tập và lao động.

d. Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

HS làm việc theo cá nhân, tìm hiểu và lựa chọn một tấm gương cần cù và sáng tạo để thành công: Bài viết cần chỉ rõ người thật, việc thật và công việc thật

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh làm việc ở nhà, suy nghĩ và hoàn thành nhiệm vụ

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên bố trí thời gian để các học sinh có thời gian để học sinh giới thiệu nhân vật mà mình đã tìm hiểu

- Hoặc giáo viên yêu cầu học sinh chia sẻ bài viết của mình qua nhóm lớp để các học sinh khác cùng trao đổi

Kết luận, nhận định

- Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các học sinh hiểu và tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hóa trên thế giới..

Câu 2: Em và các bạn hãy thiết kế một sản phẩm thể hiện sự sáng tạo từ những vật liệu tái chế. * Giáo dục về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

a. Mục tiêu. HS tự giác áp dụng những điều đã học vào thực tiễn với không gian mới, tình huống mới

b. Nội dung. HS làm việc theo nhóm tại nhà, suy nghĩ và lên ý tưởng để thực hiện nhiệm vụ được giao.

c. Sản phẩm.

- Bước đầu hiểu được ý nghĩa của việc lao động cần cù, sáng tạo

d. Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

HS làm việc theo nhóm tại nhà, suy nghĩ và lên ý tưởng để thực hiện nhiệm vụ được giao.

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh làm việc ở nhà, suy nghĩ và hoàn thành nhiệm vụ

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên bố trí thời gian để các học sinh có thời gian để học sinh thuyết minh sản phẩm

- Hoặc giáo viên yêu cầu học sinh chia sẻ bài viết của mình qua nhóm lớp để các học sinh khác cùng trao đổi

Kết luận, nhận định

- Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các học sinh hiểu hơn và tích cực rèn luyện phẩm chất cần cù, sáng tạo.

HẾT.

Ngày soạn: 25/10/ 2023

Ngày dạy: 1,15/11/2023

TUẦN 9,11

BÀI 4: BẢO VỆ LỄ PHẢI

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Sau bài học này, HS sẽ:

- Giải thích được một cách đơn giản về sự cần thiết của bảo vệ lễ phải.
- Thực hiện được việc bảo vệ lễ phải bằng lời nói và hành động cụ thể, phù hợp với lứa tuổi.
- Khích lệ, động viên bạn bè có thái độ, hành vi bảo vệ lễ phải, phê phán thái độ, hành vi không bảo vệ lễ phải.

2. Năng lực

Năng lực chung:

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác*: khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.
- *Năng lực tự chủ và tự học*: biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.
- *Giải quyết vấn đề và sáng tạo*: biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

Tích hợp: Xây dựng tập thể, có tinh thần đoàn kết.

Năng lực riêng:

- *Năng lực điều chỉnh hành vi*: thực hiện được việc bảo vệ lễ phải bằng lời nói và hành động cụ thể phù hợp với lứa tuổi; khích lệ, động viên bạn bè có thái độ, hành vi bảo vệ lễ phải, phê phán thái độ, hành vi không bảo vệ lễ phải.
- *Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội*: nhận biết được một số hiện tượng, sự kiện, vấn đề của đời sống xã hội về bảo vệ lễ phải; bước đầu biết cách thu thập, xử lý thông tin, tìm hiểu một số hiện tượng, sự kiện, tình huống về bảo vệ lễ phải trong đời sống thực tế; lựa chọn, đề xuất được cách giải quyết và tham gia giải quyết vấn đề bảo vệ lễ phải tron một số tình huống cụ thể.

3. Phẩm chất

- Trung thực, khách quan, dũng cảm, có trách nhiệm trong việc bảo vệ lễ phải.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC

1. Đối với giáo viên

- KHBH, SHS, SGV, SBT Giáo dục công dân 8.
- Video, tranh ảnh liên quan tới bài học, phiếu học tập.
- Máy chiếu.

2. Đối với học sinh

- SHS Giáo dục công dân 8.
- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm có liên quan đến nội dung bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Bước đầu HS thấy được vị trí, tầm quan trọng của việc bảo vệ lễ phải ; chia sẻ trải nghiệm về bảo vệ lễ phải để dẫn vào bài mới.

b. Nội dung:

- GV cho HS đọc câu ca dao trong SHS tr.20 và yêu cầu HS trả lời câu hỏi.
- GV dẫn dắt HS vào bài học.

c. Sản phẩm:

- Câu trả lời của HS về ý nghĩa của bảo vệ lễ phải qua câu ca dao và chuẩn kiến thức của GV.
- HS lắng nghe và hiểu định nghĩa về bảo vệ lễ phải.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV cho HS đọc câu ca dao (SHS tr.20) và yêu cầu HS trả lời câu hỏi: *Ý nghĩa của câu ca dao là gì?*

“Dù cho đất đổi trời thay

Trăm năm vẫn giữ lòng ngay với đời.”

- GV yêu cầu HS nêu thêm một số câu ca dao, tục ngữ khác về bảo vệ lễ phải.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc câu ca dao trong SHS và trả lời câu hỏi.
- HS dựa vào hiểu biết của bản thân, thông tin tìm hiểu trên sách, báo, internet,...kể thêm một số câu ca dao, tục ngữ khác về bảo vệ lễ phải..

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV mời đại diện 1 – 2 HS trả lời: *Câu ca dao khuyên con người phải sống ngay thẳng, trung thực, dũng cảm bảo vệ lễ phải.*
- GV mời 2-3 HS nêu thêm một số câu ca dao, tục ngữ khác nói về bảo vệ lễ phải:

+ *Thật vàng, không sợ lửa.*

+ *Nói phải củ cải cũng nghe.*

+ *Dù ai nói ngả nói nghiêng*

Lòng ta vẫn vững như kiềng ba chân...

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá và kết luận.

- GV dẫn dắt HS vào bài học: *Xã hội được thiết lập bởi những mối quan hệ đa dạng, phong phú giữa các cá nhân. Để duy trì trật tự chung, mỗi cộng đồng trong xã hội đều có những quy tắc, chuẩn mực giúp con người điều chỉnh hành vi của mình cho phù hợp với lợi ích của cộng đồng. Những quy tắc, chuẩn mực được cộng đồng thừa nhận là đúng đắn, hợp đạo lý sẽ trở thành lẽ phải. Mỗi người trong cộng đồng cần có trách nhiệm bảo vệ lẽ phải, đấu tranh với những điều sai trái, giúp cho xã hội ổn định, lành mạnh và tốt đẹp hơn; củng cố niềm tin của con người vào sức mạnh của cộng đồng, luật pháp và lương tri.*

*Để tìm hiểu rõ hơn về đề này, chúng ta sẽ cùng nhau đi tìm hiểu trong bài học ngày hôm nay – **Bài 4 – Bảo vệ lẽ phải.***

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1. Tìm hiểu sự cần thiết phải bảo vệ lẽ phải

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS giải thích được sự cần thiết phải bảo vệ lẽ phải.

b. Nội dung:

- GV mời HS đọc câu chuyện “*Sự trung thực hay là tình bạn*” SHS tr.20, 21.

- GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm, đọc các thông tin SHS tr.20, 21 và trả lời câu hỏi.

- GV cùng HS rút ra kết luận về sự cần thiết phải bảo vệ lẽ phải.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về sự cần thiết phải bảo vệ lẽ phải và chuẩn kiến thức của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV mời 1 HS đọc câu chuyện “<i>Sự trung thực hay là tình bạn</i>” SHS tr.20, 21. - GV chia HS cả lớp thành 6 nhóm và yêu cầu các nhóm thực hiện nhiệm vụ: + Nhóm 1, 2: Đọc câu chuyện và trả lời câu hỏi a: Chánh án Pe-rin Lao-ri đã làm gì khi nhận được lá thư của người bạn thời thơ ấu? Việc làm đó của ông có ý nghĩa gì?. + Nhóm 3, 4: Đọc câu chuyện và trả lời câu hỏi b: Theo em, thế nào là bảo vệ lẽ phải?	1. Tìm hiểu sự cần thiết phải bảo vệ lẽ phải - <i>Khái niệm về lẽ phải:</i> Lẽ phải là những điều đúng đắn, phù hợp với đạo lý và lợi ích chung của xã hội. - <i>Sự cần thiết của việc bảo vệ lẽ phải:</i> + Bảo vệ lẽ phải là công nhận, ủng hộ, tuân theo và bảo vệ những điều đúng đắn; biết điều chỉnh suy nghĩ, hành vi của mình theo lẽ phải, không chấp nhận và không làm những việc sai trái.

+ **Nhóm 5, 6:** *Đọc câu chuyện và trả lời câu hỏi c: Nêu lí do của sự cần thiết phải bảo vệ lẽ phải? Nếu không bảo vệ lẽ phải thì điều gì sẽ xảy ra?*

- GV tổng hợp các ý kiến trên bảng lớp.
- GV hướng dẫn HS rút ra kết luận và nêu lí do của sự cần thiết của bảo vệ lẽ phải.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS làm việc theo nhóm, đọc thông tin SHS, thảo luận và trả lời câu hỏi.
- HS rút ra kết luận về kết luận sự cần thiết của bảo vệ lẽ phải.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời đại diện các nhóm lần lượt trả lời 3 câu hỏi:

+ *Câu hỏi a: Pe-rin Lao-ri đã khách quan, công tâm khi không tha bổng cho con trai người bạn cũ, không vì tình riêng mà ảnh hưởng tới sự nghiêm minh của pháp luật. Việc làm đó có ý nghĩa quan trọng để ổn định và phát triển cộng đồng.*

+ *Câu hỏi b: Lẽ phải là những điều đúng đắn, phù hợp với đạo lí và lợi ích chung của xã hội.*

+ *Câu hỏi c:*

- *Bảo vệ lẽ phải là bảo vệ lợi ích chung của cộng đồng cũng như lợi ích chính đáng của mỗi cá nhân, giúp mỗi người có cách ứng xử phù hợp; góp phần bảo vệ cái đúng, cái tốt, đẩy lùi cái sai, cái xấu, để làm lành mạnh mối quan hệ xã hội, thúc đẩy xã hội ổn định, phát triển; củng cố niềm tin của con người vào cộng đồng, pháp luật và lương tri. Người biết bảo vệ lẽ phải sẽ được mọi người yêu quý, kính trọng và tin tưởng.*
- *Nếu không biết bảo vệ lẽ phải, lợi ích chính đáng của mỗi cá nhân và cộng đồng*

+ Việc bảo vệ lẽ phải giúp mỗi người có cách ứng xử phù hợp; góp phần bảo vệ cái đúng, cái tốt, đẩy lùi cái sai, cái xấu, để làm lành mạnh mối quan hệ xã hội, thúc đẩy xã hội ổn định, phát triển; củng cố niềm tin của con người vào cộng đồng, pháp luật và lương tri.

sẽ bị vi phạm, gây mất ổn định xã hội, làm mất niềm tin của con người vào cộng đồng, pháp luật và lương tri. - GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá và chốt đáp án. - GV hướng dẫn HS rút ra kết luận về sự cần thiết của bảo vệ lẽ phải. - GV chuyển sang nội dung mới. Tích hợp: Qua câu chuyện lịch sử giữ nước, giáo dục ý thức cho HS về sự thiêng liêng của chủ quyền đất nước, đoàn kết là một trong những sức mạnh to lớn đưa tới thắng lợi của sự nghiệp cách mạng nước ta, qua đó thấy được trách nhiệm của thế HS trong việc bảo vệ chủ quyền đất nước, con đường xây dựng đất nước.	
--	--

Hoạt động 2. Tìm hiểu những việc cần làm để bảo vệ lẽ phải

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS nêu được những việc cần làm để bảo vệ lẽ phải.

b. Nội dung:

- GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm, quan sát bức tranh trong SHS tr.21, 22 và trả lời câu hỏi.
- GV cùng HS rút ra kết luận về những việc cần làm để bảo vệ lẽ phải.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về những việc cần làm để bảo vệ lẽ phải và chuẩn kiến thức của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV chia HS cả lớp thành 6 nhóm (2 nhóm cùng thực hiện một nhiệm vụ). - GV nêu nhiệm vụ cho các nhóm: + Nhóm 1, 2: Quan sát bức tranh 1 SHS tr.21 và trả lời câu hỏi: <i>Hãy chỉ ra những</i>	2. Tìm hiểu những việc cần làm để bảo vệ lẽ phải - Học sinh cần thực hiện được việc bảo vệ lẽ phải bằng lời nói và hành động cụ thể, phù hợp với lứa tuổi. - Khích lệ, động viên bạn bè có thái độ, hành vi bảo vệ lẽ phải, phê phán thái độ, hành vi không bảo vệ lẽ phải.

lời nói, việc làm thể hiện bảo vệ lẽ phải trong bức tranh trên?



+ **Nhóm 3, 4:** Quan sát bức tranh 2 SHS tr.22 và trả lời câu hỏi: Hãy chỉ ra những lời nói, việc làm thể hiện bảo vệ lẽ phải trong bức tranh trên?



+ **Nhóm 5, 6:** Quan sát bức tranh 3 SHS tr.22 và trả lời câu hỏi: Hãy chỉ ra những lời nói, việc làm thể hiện bảo vệ lẽ phải trong bức tranh trên?



- GV yêu cầu các nhóm thảo luận tiếp và trả lời thêm câu hỏi: *Trong những trường hợp trên, ai không bảo vệ lẽ phải?*

- GV nêu thêm câu hỏi, yêu cầu HS trả lời nhanh: *Theo em, chúng ta cần làm gì để bảo vệ lẽ phải?*

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS thảo luận theo nhóm, quan sát 3 bức tranh và trả lời câu hỏi.

- HS làm việc nhóm trả lời câu hỏi ai là người không bảo vệ lẽ phải.

- HS liên hệ bản thân, thực tế, nêu những việc làm để bảo vệ lẽ phải.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận sau khi quan sát các bức tranh SHS tr.21, 22:

+ *Bức tranh 1: Bạn nữ bên phải biết bảo vệ lẽ phải vì một trong những việc làm bảo vệ lẽ phải là mình oan cho người bị đổ oan.*

+ *Bức tranh 2: Bạn nam đã bảo vệ lẽ phải một cách thông minh khi nhanh chóng ghi biển số xe của người gây tai nạn và đến trụ sở công an để trình báo sự việc. Nhờ*

đó, công an có thông tin để có thể tìm ra thủ phạm trong thời gian sớm nhất. + <i>Bức tranh 3: Người đàn ông đã làm đúng, không vì tình thân mà bênh vực con trai khi con mình vi phạm pháp luật.</i> - GV mời đại diện các nhóm trả lời câu hỏi ai là người không bảo vệ lẽ phải: + <i>Bức tranh 1: Bạn nữ bên trái, biết bạn oan mà không minh oan cho bạn.</i> + <i>Bức tranh 2: Người gây tai nạn rồi bỏ chạy.</i> + <i>Bức tranh 3: Người phụ nữ muốn chồng/ người thân cứu giúp con mình.</i> - GV mời đại diện 1 – 2 HS chia sẻ trước lớp về những việc cần làm để bảo vệ lẽ phải: + <i>Tôn trọng, công nhận, ủng hộ, tuân theo và bảo vệ những điều đúng đắn.</i> + <i>Biết điều chỉnh suy nghĩ và hành vi của mình theo hướng tích cực.</i> + <i>Phê phán, đấu tranh với những hành vi sai trái, không hợp lẽ phải.</i> - GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có). Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá và chốt đáp án. - GV kết luận về những việc cần làm để bảo vệ lẽ phải.	
---	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS củng cố kiến thức đã học qua việc bày tỏ ý kiến, nhận xét hành vi, xử lý tình huống, liên hệ bản thân về những vấn đề liên quan tới bảo vệ lẽ phải.

b. Nội dung:

- GV yêu cầu HS trả lời nhanh các câu hỏi trắc nghiệm.
- GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân, thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi bài tập phần Luyện tập.

c. Sản phẩm: HS chọn được đáp án đúng cho các câu hỏi trắc nghiệm, hoàn thành câu hỏi bài tập phần Luyện tập và chuẩn kiến thức của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động 1: Trả lời câu hỏi trắc nghiệm

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV lần lượt đọc các câu hỏi trắc nghiệm và yêu cầu HS xung phong trả lời nhanh:

Câu 1: Câu ca dao sau nói về điều gì “*Khôn chẳng qua lễ, khỏe chẳng qua lời*”?

- A. Tôn trọng lễ phải
- B. Tôn sư trọng đạo
- C. Đạo lí nhân nghĩa
- D. Tinh thần đoàn kết

Câu 2: Biểu hiện của tôn trọng lễ phải trong học tập là gì?

- A. Nghiêm túc trong kì thi, không gian lận, đạo văn, mở tài liệu trong phòng thi
- B. Giúp đỡ bạn khác sao chép tài liệu của bài tiểu luận cuối kì
- C. Mặc kệ các việc làm sai trái của các bạn bè trong lớp khi mình được chứng kiến
- D. Tỏ thái độ gay gắt với bạn bè, thầy cô

Câu 3: Đây là cơ quan công quyền giúp công dân thực thi bảo vệ lễ phải?

- A. Tòa án nhân dân
- B. Ủy ban nhân dân
- C. Quốc hội
- D. Hội đồng nhân dân các cấp

Câu 4: Vì sao chúng ta cần phải tôn trọng lễ phải?

- A. Vì nếu không tôn trọng sẽ bị phạt bởi luật pháp.
- B. Vì những hành động tôn trọng lễ phải, cư xử đúng đắn sẽ làm xã hội của chúng ta tốt đẹp.
- C. Vì chúng ta được giáo dục rằng phải tôn trọng lễ phải.
- D. Vì con người có thể chung sống trong hòa bình.

Câu 5: Vì sao không nên nói dối, đặt điều với con trẻ?

- A. Vì trẻ nhỏ học theo rất nhanh, những lời nói dối tưởng chừng vô hại thì vô tình có thể sẽ trở thành thói quen nói dối cho trẻ khi lớn.
- B. Vì trẻ nhỏ không biết nhận thức đâu là đúng đâu là sai, nên việc nói dối trẻ không ảnh hưởng gì đến sự phát triển của trẻ nhỏ.
- C. Vì trẻ con không nhận thức được điều đúng sai nên cha mẹ có thể nói dối với con.
- D. Vì không phải đứa trẻ nào cũng nhận thức được đúng sai nên không trở thành thói quen khi lớn.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS vận dụng kiến thức đã học và hiểu biết thực tế của bản thân về bảo vệ lễ phải để trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời đại diện 1 – 2 HS trả lời lần lượt các câu hỏi:

Câu	1	2	3	4	5
Đáp án	A	A	A	B	A

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu đáp án khác (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, chốt đáp án.

- GV chuyển sang hoạt động mới.

Hoạt động 2: Trả lời câu hỏi bài tập phần Luyện tập (SHS tr.23, 24)

Nhiệm vụ 1: Em đồng tình hay không đồng tình với ý kiến nào dưới đây? Vì sao?

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV yêu cầu HS làm việc cá nhân và trả lời câu hỏi bài tập 1 theo mẫu Phiếu học tập sau:

Quan điểm	Đồng tình	Không đồng tình	Giải thích
a) Để bảo vệ lễ phải cần tôn trọng sự thật.			
b) Cần kiên quyết bảo vệ những gì phù hợp với lợi ích của cộng đồng.			
c) Người bảo vệ lễ phải luôn phải chịu thiệt thòi.			
d) Mỗi người tự bảo vệ lợi ích của mình chính là góp phần vào việc bảo vệ lợi ích của cộng đồng.			
e) Trước việc làm sai trái, nếu mình không liên quan thì			

không cần lên tiếng.			
----------------------	--	--	--

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS vận dụng kiến thức đã học về bảo vệ lễ phải để hoàn thành Phiếu học tập.
- GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV thu Phiếu học tập của một số HS và mời đại diện 1 – 2 HS trả lời theo Phiếu học tập.

Quan điểm	Đồng tình	Không đồng tình	Giải thích
a) Để bảo vệ lễ phải cần tôn trọng sự thật.	x		Tôn trọng sự thật là một biểu hiện của bảo vệ lễ phải.
b) Cần kiên quyết bảo vệ những gì phù hợp với lợi ích của cộng đồng.	x		Bảo vệ những gì phù hợp với lợi ích của cộng đồng chính là bảo vệ lễ phải.
c) Người bảo vệ lễ phải luôn phải chịu thiệt thòi.		x	Người bảo vệ lễ phải có thể phải chịu thiệt thòi trước mắt nhưng sẽ nhận lại lợi ích dài lâu, hoặc cá nhân có thể chịu thiệt thòi nhưng lại mang tới lợi ích chung cho cộng đồng.
d) Mỗi người tự bảo vệ lợi ích của mình chính là góp phần vào việc bảo vệ lợi ích của cộng đồng.		x	Điều này chỉ đúng khi lợi ích của người đó phù hợp với lợi ích của cộng đồng.
e) Trước việc làm sai trái, nếu mình không liên quan thì không cần lên tiếng.		x	Mình có thể không liên quan nhưng việc làm đó có thể gây ảnh hưởng xấu đến người khác và cộng đồng, cuối cùng sẽ ảnh hưởng gián tiếp tới mình.

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

- GV chuyển sang nhiệm vụ mới.

Nhiệm vụ 2: Ai biết bảo vệ lẽ phải, ai chưa biết bảo vệ lẽ phải trong những trường hợp sau đây? Vì sao?

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV hướng dẫn HS đọc bài tập 2 SHS tr.23 và thảo luận nhóm đôi trả lời câu hỏi bài tập 2:

Ai biết bảo vệ lẽ phải, ai chưa biết bảo vệ lẽ phải trong những trường hợp sau đây? Vì sao?

a) Thấy bất kể việc gì có lợi cho mình, anh H cũng phải làm cho bằng được.

b) Trong các cuộc tranh luận, chị M kiên quyết bảo vệ đến cùng ý kiến của mình dù ý kiến đó là đúng hay sai.

c) Trong lớp, bạn B thường lớn tiếng phê bình khuyết điểm của bạn khác nhưng lại che giấu khuyết điểm của mình.

d) Anh S cùng các bạn thu thập chứng cứ và tố cáo một việc làm sai trái.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thảo luận đôi, vận dụng kiến thức đã học và hiểu biết thực tế về bảo vệ lẽ phải để trả lời câu hỏi.

- GV quan sát, hướng dẫn (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động thảo luận

- GV mời một số HS lần lượt trả lời câu hỏi:

+ *Trường hợp a: Anh H không bảo vệ lẽ phải mà bảo vệ lợi ích cá nhân. Việc có lợi cho mình chưa chắc đã có lợi cho người khác và chưa chắc đã là lẽ phải.*

+ *Trường hợp b: Chị M thấy ý kiến của mình sai mà vẫn kiên quyết bảo vệ thì đó không phải là bảo vệ lẽ phải.*

+ *Trường hợp c: Việc làm của bạn B không phải là bảo vệ lẽ phải khi lớn tiếng phê bình khuyết điểm của các bạn khác nhưng lại che giấu khuyết điểm của mình.*

+ *Trường hợp d: Anh S cùng các bạn thu thập chứng cứ để tố cáo một việc làm sai trái chính là bảo vệ lẽ phải.*

- GV yêu cầu các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có) cho nhóm bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.

- GV chuyển sang nhiệm vụ mới.

Nhiệm vụ 3: Sắm vai các nhân vật trong câu chuyện “Xử kiện” (SHS tr.24)

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV hướng dẫn HS làm việc nhóm, xây dựng kịch bản, sắm vai biểu diễn tiểu phẩm dựa trên câu chuyện “Xử kiện” và trả lời câu hỏi.

- GV chia HS cả lớp thành 6 nhóm (2 nhóm cùng thực hiện một nhiệm vụ) và giao nhiệm vụ cụ thể cho các nhóm:

- **Nhóm 1, 2:** *Sắm vai biểu diễn tiểu phẩm dựa trên câu chuyện “Xử kiện” và trả lời câu hỏi: Em có nhận xét gì về việc làm của các nhân vật trong truyện?*

- **Nhóm 3, 4:** *Sắm vai biểu diễn tiểu phẩm dựa trên câu chuyện “Xử kiện” và trả lời câu hỏi: Nếu là nhân vật Ngô hoặc Cải, em sẽ làm gì? Vì sao?*

- **Nhóm 5, 6:** *Sắm vai biểu diễn tiểu phẩm dựa trên câu chuyện “Xử kiện” và trả lời câu hỏi: Nếu là người xử kiện, em sẽ làm gì? Vì sao?*

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong nhóm, vận dụng kiến thức đã học và nội dung câu chuyện để sắm vai và xử lý tình huống.

- GV quan sát, hướng dẫn (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động thảo luận

- GV mời đại diện 4 nhóm lần lượt sắm vai và xử lý tình huống:

+ **Nhóm 1, 2:** *Hành vi của cả ba nhân vật đều vi phạm lễ phải: Cải và Ngô đánh nhau, đút lót thầy lí. Thầy lí tham lam, nhận đút lót, xử án không nghiêm minh.*

+ **Nhóm 3, 4:** *Nếu là Ngô hoặc Cải, em sẽ không đánh nhau. Nếu có gì không phải thì cùng bảo nhau. Nếu trót đánh nhau rồi thì đợi lúc bình tĩnh sẽ ngồi lại với nhau để nói chuyện chứ không đem nhau đi kiện vì bất lợi cho cả hai (mất tiền đút lót, mất tình nghĩa hai bên).*

+ **Nhóm 5, 6:** *Nếu là người xử kiện, em sẽ không nhận quà hối lộ mà sẽ lắng nghe Ngô và Cải trình bày, phân tích để chỉ rõ ai đúng, ai sai; yêu cầu người có lỗi phải xin lỗi người kia; hòa giải và khuyên răn hai người không nên đánh nhau.*

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.

- GV chuyển sang nội dung mới.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng những kiến thức đã học vào thực tế cuộc sống, thực hiện được việc làm bảo vệ lễ phải bằng lời nói và hành động cụ thể, phù hợp với lứa tuổi.

b. Nội dung: GV hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ tại nhà.

c. Sản phẩm:

- Đoạn văn bình luận về ý kiến: “Trong thế giới này, chúng ta không chỉ xót xa vì những hành động và lời nói của người xấu mà còn cả vì sự im lặng đáng sợ của người tốt.” (Martin Luther King).

- Bản thiết kế một thông điệp về bảo vệ lễ phải.

d. Tổ chức thực hiện:

Nhiệm vụ 1: Viết đoạn văn bình luận về ý kiến: “Trong thế giới này, chúng ta không chỉ xót xa vì những hành động và lời nói của người xấu mà còn cả vì sự im lặng đáng sợ của người tốt.” (Martin Luther King)

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân và thực hiện nhiệm vụ: *Em hãy viết đoạn văn bình luận về ý kiến: “Trong thế giới này, chúng ta không chỉ xót xa vì những hành động và lời nói của người xấu mà còn cả vì sự im lặng đáng sợ của người tốt.” (Martin Luther King).*

- GV hướng dẫn HS: Để viết bài bình luận, có thể dựa vào một số gợi ý sau:

+ *Những hành động và lời nói của người xấu khiến chúng ta phải xót xa: Ví dụ? Tác hại?*

+ *Thái độ im lặng trước hành động và lời nói của người xấu: Ví dụ? Tác hại?*

+ *Em sẽ làm gì khi chứng kiến những điều đó? (Những hành động và lời nói của người xấu, sự im lặng đáng sợ của người tốt?)*

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS làm việc cá nhân, sưu tầm thông tin, tư liệu trên sách, báo, internet,... để viết bài bình luận.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

HS nộp sản phẩm vào bài học sau.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV chuyển sang nhiệm vụ mới.

HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Ôn lại kiến thức đã học:

+ *Sự cần thiết của việc bảo vệ lẽ phải.*

+ *Những việc cần làm để bảo vệ lẽ phải.*

- Trả lời câu hỏi bài tập 4, 5 (phần Luyện tập) và hoàn thành nhiệm vụ phần Vận dụng.

- Làm bài tập Bài 4 – Sách bài tập Giáo dục công dân 8.

- Đọc và tìm hiểu trước nội dung Bài 5 – *Bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.*

HẾT.

TUẦN 10

BÀI KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ GIỮA KỲ I

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Về mục tiêu:

- Nhằm kiểm tra kiến thức HS đạt được trong các bài ở nửa đầu học kỳ I lớp 8; học sinh biết được khả năng học tập của mình so với yêu cầu của chương trình

- Giúp GV nắm được tình hình học tập của lớp mình, trên cơ sở đó đánh giá đúng quá trình dạy học, từ đó có kế hoạch điều chỉnh phương pháp và hình thức tổ chức dạy học cho phù hợp để không ngừng nâng cao hiệu quả về phương pháp, hình thức tổ chức dạy học.

- Vận dụng được các kiến thức đã học vào trong cuộc sống. Từ đó rút ra được bài học cho bản thân.

- Rèn luyện được kỹ năng khi xem xét, đánh giá được các hành vi và chuẩn mực đạo đức của bản thân, của người khác,

- HS có thái độ học tập đúng và điều chỉnh quá trình học tập của mình.

2. Năng lực:

- Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học để bổ sung kịp thời các kiến thức cơ bản phục vụ việc kiểm tra đánh giá. Biết lập kế hoạch tự học tự tìm kiếm kiến thức trong sách vở, thông qua sách báo và các nguồn tư liệu khác nhau để hoàn thành kế hoạch học tập và đạt kết quả cao nhất trong bài kiểm tra.

+ Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua việc chủ động xây dựng những kế hoạch ôn tập hiệu quả để hoàn thành nhiệm vụ đặt ra.

- Năng lực đặc thù:

Năng lực điều chỉnh hành vi: Nhận biết được những giá trị truyền thống tốt đẹp của đất nước, tích cực chủ động hội nhập vào nền văn hóa thế giới, rèn luyện kỹ năng lao động cần cù, sáng tạo cho bản thân.

Năng lực phát triển bản thân: Tự nhận thức bản thân và nâng cao nhận thức của bản thân về việc tham gia giữ gìn và phát huy truyền thống dân tộc. Tôn trọng sự đa dạng văn hóa của các dân tộc trên thế giới.

3. Phẩm chất:

Thông qua việc giảng dạy sẽ góp phần hình thành, phát triển cho học sinh các phẩm chất như:

Trung thực: Thực hiện tốt nhiệm vụ học tập hoàn thành có chất lượng bài kiểm tra giữa kỳ để đạt kết cao.

Trách nhiệm: Có trách nhiệm với bản thân, tích cực, chủ động để hoàn thành được nhiệm vụ học tập của bản thân.

Chăm chỉ: Chăm chỉ học tập, rèn luyện, tích cực áp dụng những kiến thức đã học vào đời sống. Tích cực ôn tập và củng cố kiến thức để đạt kết quả cao trong bài kiểm tra.

II. PHẠM VI KIẾN THỨC CẦN KIỂM TRA

Kiểm tra các đơn vị kiến thức đã học trong nửa đầu học kỳ 1 gồm các bài và chủ đề sau

Bài 1: Tự hào về truyền thống dân tộc Việt Nam

Bài 2: Tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc

Bài 3: Lao động cần cù, sáng tạo

III. HÌNH THỨC KIỂM TRA:

- Kiểm tra tập trung theo lịch của nhà trường.
- Kiểm tra theo hình thức kết hợp trắc nghiệm với tự luận theo tỷ lệ (70TN/30TL).
- Kiểm tra theo ma trận và đặc tả.
- Số lượng đề kiểm tra: 2 đề.

MA TRẬN ĐỀ

TT	Mạch nội dung	Nội dung/chủ đề/bài	Mức độ đánh giá								Tổng		Tổng điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Tỉ lệ %		
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1	Giáo dục đạo đức	1. Tự hào về truyền thống dân tộc Việt Nam	4 câu			1 câu							3
		Tỉ lệ	20%		20%					20%	20%		
		2. Tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc	2 câu		2 câu		1 câu					4	
		Tỉ lệ	10%		10%		20%			20%	20%		
		3. Lao động cần cù, sáng tạo	2 câu						1câu			3	
		Tỉ lệ	10%						10%	10%	10%		
Tổng câu			8	0	2	1		1		1			10
Tỉ lệ %			40%		30%		20%		10%		50%	50%	
Tỉ lệ chung			70%				30%				100%		

BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA

TT	Mạch nội dung	Nội dung	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Giáo dục đạo đức	1. Tự hào về truyền thống dân tộc Việt Nam	Nhận biết: - Nêu được một số truyền thống của dân tộc Việt Nam. - Kể được một số biểu hiện của lòng tự hào về truyền thống của dân tộc Việt Nam. Thông hiểu: - Nhận diện được giá trị của các truyền thống dân tộc Việt Nam. - Đánh giá được hành vi, việc làm của bản thân và những người xung quanh trong việc thể hiện lòng tự hào về truyền thống dân tộc Việt Nam.	4 TN	1TL		
		2. Tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc	Nhận biết: Nêu được một số biểu hiện sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới. Thông hiểu: Giải thích được ý nghĩa của việc tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới.	2TN	2TN		
		3. Lao động cần	Nhận biết: - Nêu được khái niệm cần cù, sáng tạo trong lao động.	2 TN		1TL	1TL

TT	Mạch nội dung	Nội dung	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
		cù, sáng tạo	- Nêu được một số biểu hiện của cần cù, sáng tạo trong lao động. Vận dụng: - Trân trọng những thành quả lao động; quý trọng và học hỏi những tấm gương cần cù, sáng tạo trong lao động. - Phê phán những biểu hiện chây lười, thụ động trong lao động. Vận dụng cao: Thể hiện được sự cần cù, sáng tạo trong lao động của bản thân.				
Tổng				8TN	2TN 1TL	1TL	1TL
Tỉ lệ %				40%	30%	20%	10%
Tỉ lệ chung				70%		30%	

I. TRẮC NGHIỆM (5.0 điểm) *Chọn phương án trả lời đúng nhất (A hoặc B, C, D) trong các câu sau, rồi ghi vào giấy làm bài.*

Câu 1. Truyền thống của dân tộc Việt Nam là những giá trị tinh thần được hình thành trong quá trình lịch sử lâu dài của dân tộc Việt Nam và được truyền từ

- A. gia đình này sang gia đình khác B. dòng họ này sang dòng họ khác
C. dân tộc này sang dân tộc khác D. thế hệ này sang thế hệ khác

Câu 2. Hành động nào sau đây là biểu hiện truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam?

- A. Kiên cường chống giặc ngoại xâm B. Thường xuyên thay đổi theo thời đại
C. Loại trừ văn hoá các dân tộc khác D. Dựa dẫm và phụ thuộc dân tộc khác

Câu 3. Hành vi nào sau đây thể hiện kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam?

- A. Tìm hiểu phong tục tập quán địa phương
B. Sùng bái văn hoá của các dân tộc khác
C. Coi nhẹ các hoạt động lao động chân tay
D. Chỉ quan tâm lợi ích của chính mình

Câu 4. Khi trưởng thành chị B cùng nhóm bạn vẫn thường về thăm lại trường cũ và tri ân thầy cô mỗi khi có dịp. Việc làm của chị B và nhóm bạn thể hiện phẩm chất nào sau đây?

- A. Nâng cao vị thế cá nhân B. Đoàn kết cùng phát triển
C. Tôn trọng kỉ cương, nghi lễ D. Kế thừa truyền thống dân tộc

Câu 5. Yếu tố nào sau đây không biểu hiện cho sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới?

- A. Phong tục tập quán B. Ngôn ngữ, chữ viết
C. Phân biệt, kì thị D. Nghệ thuật, ẩm thực

Câu 6. Tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc trên thế giới sẽ góp phần

- A. làm cho văn hoá nhân loại thêm đặc sắc
B. hạn chế sự giao lưu học hỏi của các dân tộc

- C. tạo nên sự cách biệt giữa các quốc gia dân tộc
- D. thúc đẩy sự độc quyền kinh tế của một số nước

Câu 7. Tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới thể hiện ở thái độ, việc làm nào sau đây?

- A. Giao lưu văn hoá với các bạn học sinh quốc tế
- B. Đánh giá người khác dựa trên cơ sở sắc tộc
- C. Ứng xử thân thiện với công dân các quốc gia khác
- D. Tuân thủ quy tắc khi tham gia lễ hội của các dân tộc

Câu 8. Biểu hiện nào sau đây thể hiện sự đa dạng giữa các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới?

- A. Giống nhau về phong cách ăn uống
- B. Đồng nhất về trang phục truyền thống.
- C. Khác biệt về tôn giáo và tín ngưỡng
- D. Nhất quán về quan điểm và hệ giá trị.

Câu 9. Sáng tạo trong lao động được biểu hiện trong trường hợp nào dưới đây?

- A. Thích làm việc theo cách truyền thống
- B. Chỉ làm những công việc được giao
- C. Luôn thử nghiệm áp dụng ý tưởng mới
- D. Trung thành với quy trình đã có sẵn

Câu 10. Câu tục ngữ nào sau đây nói về sự cần cù, sáng tạo trong học tập, lao động?

- A. Trăm hay không bằng tay quen
- B. Nhất nghệ tinh, nhất thân vinh
- C. Muôn nghề chớ nề học hỏi
- D. Có công mài sắt, có ngày nên kim

PHẦN II. TỰ LUẬN (5.0 điểm)

Câu 1. (1.0 điểm)

Trong cuộc chiến chống đại dịch Covid-19 của nhân dân Việt Nam đã phát huy những truyền thống tốt đẹp nào của dân tộc? Em hãy trình bày giá trị của những truyền thống đó?

Câu 2. (2.0 điểm)

Sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hóa trên thế giới được biểu hiện như thế nào? Việc tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hóa trên thế giới mang lại lợi ích gì?

Câu 3. (2.0 điểm) Đọc tình huống và trả lời câu hỏi.

Là một công nhân may trong dây chuyền sản xuất áo sơ mi của xí nghiệp X, chị H cho rằng cần thực hiện đúng nhiệm vụ được phân công, không nên sáng tạo gì thêm để khỏi ảnh hưởng đến kết quả chung của cả dây chuyền.

Câu hỏi:

- a. Em có đồng tình với ý kiến của chị H không? Vì sao?
- b. Nếu là chị H, em sẽ làm gì?

HẾT.

UBND HUYỆN NÚI THÀNH
TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN

KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I NĂM HỌC 2023 -2024
MÔN: GIÁO DỤC CÔNG DÂN – LỚP 8
Thời gian: 45 phút (không kể thời gian giao đề)

MÃ ĐỀ B

I. TRẮC NGHIỆM (5.0 điểm) Chọn phương án trả lời đúng nhất (A hoặc B, C, D) trong các câu sau, rồi ghi vào giấy làm bài.

Câu 1. Câu tục ngữ: “Một chữ cũng là thầy, nửa chữ cũng là thầy” nói về truyền thống nào của dân tộc Việt Nam?

- A. Truyền thống yêu nước
- B. Truyền thống đoàn kết
- C. Truyền thống văn hóa
- D. Truyền thống tôn sư trọng đạo

Câu 2. Hành động nào sau đây là biểu hiện của truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam?

- A. Kiên cường chống giặc ngoại xâm
- B. Thường xuyên thay đổi theo thời đại
- C. Loại trừ văn hóa các dân tộc khác
- D. Dựa dẫm phụ thuộc dân tộc khác

Câu 3. Hành vi nào sau đây thể hiện kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam?

- A. Coi nhẹ các hoạt động chân tay
- B. Sùng bái văn hóa các dân tộc khác
- C. Chỉ quan tâm đến lợi ích của chính mình
- D. Tìm hiểu phong tục tập quán địa phương

Câu 4. Cách ứng xử nào dưới đây KHÔNG phải là truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta?

- A. Đoàn kết, chia sẻ giúp đỡ lẫn nhau
- B. Viết, vẽ, khắc tên mình lên di tích lịch sử
- C. Kính trọng, lễ phép với thầy, cô giáo
- D. Thực hiện nghĩa vụ quân sự khi đến tuổi

Câu 5. Tôn trọng sự đa dạng của dân tộc khác góp phần

- A. nước ta sẽ bị lạc hậu
- B. học hỏi hết tất cả của nước ngoài
- C. đưa đất nước hội nhập với quốc tế
- D. làm nước ta bị mất nền văn hóa riêng

Câu 6. Việc tôn trọng sự đa dạng của dân tộc khác phải chú ý đến điều gì?

- A. Học hỏi cả mặt tích cực và hạn chế
- B. Chỉ học hỏi mặt tích cực và không cần chọn lọc
- C. Học hỏi tất cả các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội của dân tộc khác
- D. Học hỏi các mặt tích cực phải chọn lọc và phù hợp với bản sắc dân tộc mình

Câu 7. Biểu hiện nào dưới đây là biểu hiện tôn trọng dân tộc khác?

- A. Chạy theo một thời trang của nước ngoài
- B. Chỉ xài hàng ngoại không dùng hàng Việt Nam
- C. Có thái độ kì thị, phân biệt đối xử với người nước ngoài
- D. Thích thú tìm hiểu phong tục, tập quán của các nước trên thế giới

Câu 8. Đối với mỗi quốc gia dân tộc, việc tôn trọng sự đa dạng và nền văn hóa của các dân tộc sẽ mang lại điều gì đối với văn hóa của dân tộc mình ?

- A. Có nền kinh tế phát triển
- B. Làm nâng tầm vị thế dân tộc
- C. Làm bá chủ các dân tộc khác
- D. Làm phong phú văn hóa dân tộc

Câu 9. Một cá nhân lao động sáng tạo thì trong công việc họ luôn luôn có xu hướng

- A. chờ đợi kết quả người khác
- B. tìm tòi, cải tiến phương pháp
- C. sao chép kết quả người khác
- D. hưởng lợi từ việc làm của bạn bè

Câu 10. Để rèn luyện sự cần cù, sáng tạo trong học tập và lao động, em cần tránh điều nào sau đây?

- A. Tự giác giúp bố mẹ làm việc nhà
- B. Đợi bố mẹ nhắc nhở mới học bài
- C. Thực hiện đúng thời gian biểu hàng ngày
- D. Tích cực tìm hiểu những điều mình chưa biết

PHẦN II. TỰ LUẬN (5.0 điểm)

Câu 1. (1.0 điểm)

Em hãy nhận xét hành vi, việc làm của bản thân và những người xung quanh trong việc thể hiện lòng tự hào về truyền thống dân tộc Việt Nam.

Câu 2. (2.0 điểm)

Sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hóa trên thế giới được biểu hiện như thế nào? Việc tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hóa trên thế giới mang lại lợi ích gì?

Câu 3. (2.0 điểm) Đọc tình huống và trả lời câu hỏi.

Hai bạn Ninh và Hải là học sinh lớp 8, cả hai bạn đều rất chăm chỉ và cần mẫn học tập. Ngoài giờ học, các bạn còn tham gia các hoạt động ngoại khóa và làm đồ thủ công để bán. Thu nhập có được từ những hoạt động trên, hai bạn đã gửi vào quỹ khuyến học của trường để chia sẻ với các bạn học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

b. Em đã làm gì để thể hiện sự cần cù, sáng tạo trong lao động?

HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

MÔN: GD CD 8

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (5.0 điểm) Mỗi câu đúng được 0.5 điểm.

<i>Câu</i>	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
<i>Đáp án</i>	D	A	A	D	C	A	D	C	C	C

Câu	Nội dung đạt được	Điểm
1 <i>(1.0 điểm)</i>	* Học sinh nêu được: + Trong đại dịch Covid-19, nhân dân Việt Nam đã phát huy nhiều truyền thống tốt đẹp của dân tộc như: yêu nước, dũng cảm, đoàn kết, tương thân tương ái,.. + Giá trị của những truyền thống này: - Là nền tảng tạo nên bản sắc văn hóa của dân tộc - Là nguồn sức mạnh để dân tộc Việt Nam vượt qua mọi khó khăn, thử thách trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. - Là tiền đề quan trọng để mỗi cá nhân sống tốt, có ích hơn cho cộng đồng, xã hội.	0.5 0.5
2	* Học sinh nêu được: + Biểu hiện sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hóa trên thế giới: Tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới là tôn trọng tính cách, truyền thống, phong tục tập quán,...của các dân tộc, luôn tích cực tìm hiểu và tiếp thu những giá trị tốt đẹp của các dân tộc; đồng thời thể hiện lòng tự hào chính đáng	1.0

(2.0 điểm)	về dân tộc mình; phê phán những hành vi kì thị, phân biệt chủng tộc và văn hoá. + Việc tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hóa trên thế giới mang lại lợi ích: - Làm cho nền văn hóa nhân loại thêm phong phú, đặc sắc - Tạo nền tảng để các dân tộc trên thế giới giao lưu, học hỏi, hợp tác với nhau - Giúp cho các nước có cơ hội vươn lên phát triển, góp phần thực hiện bình đẳng giữa các dân tộc và bảo vệ nền hòa bình trên thế giới	1.0
3 (2.0 điểm)	* Học sinh nêu được: a. Em không đồng tình với ý kiến của chị H. Vì: nếu chỉ duy trì phương thức làm việc cũ, không chịu suy nghĩ, tìm tòi để cải tiến, đổi mới cách thức làm việc, thì khó có thể nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm. b. Nếu là chị H, em sẽ: + Chú ý quan sát, theo dõi thường xuyên về quy trình làm việc của dây chuyền sản xuất, suy nghĩ xem: quy trình làm việc như vậy có hạn chế nào không? Nếu có hạn chế, thì biện pháp khắc phục là gì? + Không ngừng suy nghĩ, tìm tòi, học hỏi để có thể cải tiến, đổi mới phương thức làm việc, giúp nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm.	1.0 0.5 0.5

HẾT.

HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
NĂM HỌC: 2023 - 2024
MÔN: GDCD 8
ĐỀ B

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (5.0 điểm) Mỗi câu đúng được 0.5 điểm

<i>Câu</i>	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
<i>Đáp án</i>	D	A	D	B	C	D	D	D	B	B

II. PHẦN TỰ LUẬN (5.0 điểm)

Câu	Nội dung đạt được	Điểm
1 (1.0 điểm)	* Học sinh nhận xét đánh giá được những hành vi, việc làm tốt và chưa tốt của bản thân và những người xung quanh: - Hành vi, việc làm tốt: + Tích cực tham gia các hoạt động thiện nguyện, đền ơn đáp nghĩa và các hoạt động sinh hoạt văn hóa cộng đồng do địa phương và nhà trường tổ chức. + Có ý thức tìm hiểu về truyền thống, phong tục tập quán, nét đặc sắc về văn hóa của dân tộc. + Kính trọng, biết ơn ông bà, cha mẹ, thầy cô giáo. + Biết giúp đỡ ông bà, cha mẹ những việc làm phù hợp với lứa tuổi, như: dọn dẹp nhà cửa, rửa bát, nấu những món ăn đơn giản, chăm sóc em,... - Hành vi, việc làm chưa tốt: - Thiếu tích cực, tự giác trong học tập; đôi khi còn lười biếng, ỷ lại,...	1.0
2 (2.0 điểm)	* Học sinh nêu được: + Biểu hiện sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hóa trên thế giới: Tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới là tôn trọng tính cách, truyền thống, phong tục tập quán,...của các dân tộc, luôn tích cực tìm hiểu và tiếp thu những giá trị tốt đẹp của các dân tộc; đồng thời thể hiện lòng tự hào chính đáng về dân tộc mình; phê phán những hành vi kì thị, phân biệt chủng tộc và văn hoá. + Việc tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hóa trên thế giới mang lại lợi ích: - Làm cho nền văn hóa nhân loại thêm phong phú, đặc sắc - Tạo nền tảng để các dân tộc trên thế giới giao lưu, học hỏi, hợp tác với nhau	1.0 1.0

	- Giúp cho các nước có cơ hội vươn lên phát triển, góp phần thực hiện bình đẳng giữa các dân tộc và bảo vệ nền hòa bình trên thế giới	
3 <i>(2.0 điểm)</i>	a. Nhận xét: - Việc làm của bạn Ninh và bạn Hải đã cho thấy hai bạn có đức tính chăm chỉ, cần cù và sáng tạo trong quá trình học tập, lao động. - Đồng thời, hai bạn cũng biết quan tâm, yêu thương và chia sẻ với những người có hoàn cảnh khó khăn. * Bài học rút ra: cần rèn luyện đức tính chăm chỉ, sáng tạo và yêu thương mọi người.	0.5
	b. Những việc làm thể hiện sự cần cù, sáng tạo trong lao động của bản thân em: + Thường xuyên giúp đỡ bố mẹ những công việc phù hợp với sức khỏe, lứa tuổi, như: quét dọn nhà cửa, rửa bát, nấu những món ăn đơn giản, chăm sóc em,...	0.5
	+ Luôn cố gắng hết mình để hoàn thành những nhiệm vụ được giao.	
	+ Suy nghĩ, tìm tòi những phương pháp học tập mới, khoa học và hiệu quả hơn. Ví dụ như: tổng kết kiến thức đã học bằng sơ đồ tư duy; học tiếng Anh thông qua việc đọc truyện tranh song ngữ,... + Tái chế các phế liệu thành đồ thủ công để sử dụng hoặc đem bán. Ví dụ: Làm ống đựng đồ dùng học tập từ bìa carton; làm chuông gió từ vỏ chai nhựa,...	0.5

HẾT.

Ngày soạn: 13/11/2023

Ngày dạy: 22,29/11; 6/12/2023

TUẦN: 12,13,14- TIẾT: 12,13,14

BÀI 5: BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức: Sau bài học này, HS sẽ:

- Giải thích được sự cần thiết phải bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên. Nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường một phần là do bom mìn, vật nổ còn sót lại sau chiến tranh.
- Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên; một số biện pháp cần thiết để bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.
- Nêu được trách nhiệm của học sinh trong việc bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.
- Thực hiện được việc bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên bằng những việc làm phù hợp với lứa tuổi.
- Phê phán, đấu tranh với những hành vi gây ô nhiễm môi trường và phá hoại tài nguyên thiên nhiên như sử dụng vật nổ để đánh cá hoặc khai thác đá....

Tích hợp nội dung quyền con người mức độ bộ phận hoặc liên hệ: Yêu cầu cần đạt số 1, 5 (thực hiện Quyền được bảo vệ quyền được sống trong môi trường, tài nguyên thiên nhiên; phê phán, tố cáo những hành vi gây ô nhiễm môi trường, phá hoại tài nguyên thiên nhiên).

Cách thức tích hợp: thông qua tình huống, tranh ảnh về mức độ ô nhiễm môi trường, sự cạn kiệt của tài nguyên.

2. Năng lực

Năng lực chung:

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.
- *Năng lực tự chủ và tự học:* biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.
- *Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

Năng lực riêng:

- *Năng lực phát triển bản thân:* tự nhận thức được sở thích, điểm mạnh, điểm yếu của bản thân trong việc tham gia bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên; lập và thực hiện được kế hoạch bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên ở địa phương.
- *Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội:* Nhận biết được một số hiện tượng, vấn đề của đời sống xã hội về bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên; bước đầu biết cách thu thập, xử lý thông tin, tìm hiểu một số hiện tượng, sự kiện, tình huống về bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên cũng như cách phòng tránh tai nạn bom mìn vật nổ; lựa chọn, đề xuất được cách giải quyết và tham gia giải quyết được một số vấn đề bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên trong đời sống thực tế.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ, tích cực, tự giác tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên **và PTTNBM VN.**

- Có trách nhiệm trong việc bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.

THIẾT BỊ DẠY HỌC

Đối với giáo viên

KHBD, SGK, SGV, SBT Giáo dục công dân 8.

Một số hình ảnh, thông tin, khẩu hiệu, câu chuyện, tình huống,... có liên quan đến chủ đề bài học. Máy tính, video, bản đồ ô nhiễm bom mìn, vật nổ.

Đối với học sinh

SHS Giáo dục công dân 8.

Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm có liên quan đến nội dung bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV. Phiếu học tập, bảng nhóm hoặc vở thảo luận của nhóm,...

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Giới thiệu ý nghĩa bài học, khai thác vốn sống, trải nghiệm của bản thân HS về bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên; Tạo tâm thế tích cực, hứng thú học tập của HS và kết nối với bài học mới.

b. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS kể về một số hoạt động góp phần bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS vận dụng hiểu biết thực tế, suy nghĩ và trả lời câu hỏi.

- GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ.

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV mời đại diện 1 – 2 HS trả lời câu hỏi.

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ s.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá và kết luận.

- GV dẫn dắt HS vào bài học: *Môi trường và tài nguyên thiên nhiên là điều kiện quan trọng, thiết yếu cho sự tồn tại, phát triển của con người và sinh vật. Hiện nay, môi trường nhiều nơi đang bị ô nhiễm nghiêm trọng, tài nguyên thiên nhiên bị cạn kiệt,... ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của con người và sinh vật. Vì vậy, bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên là vấn đề cấp bách trong việc phát triển bền vững của mỗi quốc gia.*

Để tìm hiểu rõ hơn về đề này, chúng ta sẽ cùng nhau đi tìm hiểu trong bài học hôm nay

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (Khám phá)

Hoạt động 1. Tìm hiểu sự cần thiết phải bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên

a. Mục tiêu:

- Thông qua hoạt động, HS giải thích được sự cần thiết phải bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.

- **Xác định được một trong những nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường do BMVN còn sót lại trong chiến tranh.**

b. Tổ chức thực hiện:

Nhiệm vụ 1: Sự cần thiết phải bảo vệ môi trường và mức độ gây ô nhiễm môi trường của BMVN.

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV mời HS đọc thông tin a SHS tr.25, 26 và quan sát hình ảnh bản đồ ô nhiễm bom mìn vật nổ (PL1). - GV chia HS cả lớp thành 4 nhóm và yêu cầu các nhóm thực hiện nhiệm vụ: + Nhóm 1, 2: Đọc thông tin a và trả lời câu hỏi a: <i>Môi trường bị ô nhiễm đã ảnh hưởng tới động, thực vật và con người như thế nào? Em hãy lấy thêm ví dụ minh chứng cho việc ảnh hưởng của ô nhiễm môi trường tới đời sống và sản xuất của con người?</i> + Nhóm 3, 4: Đọc thông tin a và trả lời câu hỏi b: <i>Theo em, việc bảo vệ môi trường cần thiết như thế nào đối với cuộc sống của người dân và mỗi quốc gia? Vì sao nói “ BMVN còn sót lại sau chiến tranh” là một trong những nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường?</i> - GV tổng hợp các ý kiến trên bảng lớp. - GV hướng dẫn HS rút ra kết luận và nêu lí do của sự cần thiết của bảo vệ môi trường. Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập - HS làm việc theo nhóm, đọc thông tin SHS, thảo luận và trả lời câu hỏi. - HS rút ra kết luận về kết luận sự cần thiết của bảo vệ môi trường.	1. Tìm hiểu sự cần thiết phải bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên - <i>Tầm quan trọng của môi trường và tài nguyên thiên nhiên:</i> + Có tầm quan trọng đặc biệt đối với đời sống của con người, là cơ sở để phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, tạo cho con người phương tiện sinh sống, phát triển trí tuệ, đạo đức, tinh thần. - <i>Sự cần thiết phải bảo vệ môi trường:</i> + Bảo vệ môi trường sẽ giúp cho môi trường trong lành, sạch đẹp, bảo đảm cân bằng sinh thái. + Ngăn chặn, khắc phục các hậu quả xấu do con người và thiên nhiên gây ra. - <i>Sự cần thiết phải bảo vệ tài nguyên thiên nhiên:</i> Bảo vệ tài nguyên thiên nhiên sẽ giúp cho nguồn tài nguyên không bị cạn kiệt. => Bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên là quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của mọi cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân. Nhà nước có chính sách bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên; bảo tồn thiên nhiên; đa dạng sinh học; chủ động phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu.

- GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời đại diện các nhóm lần lượt trả lời các câu hỏi:

+ Câu hỏi a:

- Ô nhiễm không khí, đặc biệt là ô nhiễm bụi mịn, đang trở thành vấn đề của các quốc gia đang phát triển như Việt Nam. Việc phơi nhiễm với hàm lượng bụi cao trong không khí, đặc biệt là bụi mịn, làm tăng nguy cơ mắc các bệnh như nhiễm khuẩn cấp tính đường hô hấp dưới, đột quỵ, đau tim, bệnh tắc nghẽn phổi mãn tính và ung thư phổi. Khí thải từ hoạt động giao thông và hoạt động công nghiệp chứa nhiều thành phần độc hại như CO, NO₂,... có thể gây ung thư hoặc gây kích thích, một số chất độc khác còn có thể ngấm vào máu, gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới sức khỏe con người.

- Ảnh hưởng của ô nhiễm nguồn nước đối với sức khỏe con người thông qua uống nước bị ô nhiễm hay các loại rau quả, thủy hải sản được nuôi trồng trong nước bị ô nhiễm,... gây nên một số bệnh như: các bệnh về đường tiêu hóa, bệnh giun sán, các bệnh do muỗi truyền, các bệnh về mắt, ngoài da,...

- Ô nhiễm đất không chỉ ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp và chất lượng nông sản mà còn ảnh hưởng đến sức khỏe con người và động vật thông qua chuỗi thức ăn.

+ Câu hỏi b: Việc bảo vệ môi trường cần thiết đối với con người và sự phát triển của mỗi quốc gia vì hiện nay môi trường đang bị ô nhiễm trầm trọng, ảnh hưởng rất lớn đối với đời sống xã hội và sự phát

triển bền vững. Bảo vệ môi trường chính là bảo vệ sự sống của chúng ta.

Vì: - Làm cho công tác quản lí và khai thác nguồn TNTN gặp nhiều khó khăn.

- BMVN còn tồn tại trong lòng đất có thể bị hoen gỉ, hư hỏng làm cho lượng thuốc nổ bị thẩm thấu ra bên ngoài, làm ô nhiễm nguồn nước và đất đai.

- Hậu quả gây ảnh hưởng đến sức khỏe, thương vong.

- GV hướng dẫn HS rút ra kết luận về sự cần thiết của bảo vệ môi trường.

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá và chốt đáp án.

- GV chuyển sang nhiệm vụ mới.

Nhiệm vụ 2: Sự cần thiết phải bảo vệ tài nguyên thiên nhiên

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV mời 1 HS đọc thông tin b SHS tr.26, 27.

- GV chia HS cả lớp thành 4 nhóm và yêu cầu các nhóm thực hiện nhiệm vụ:

+ **Nhóm 1, 2:** Đọc thông tin và trả lời câu hỏi a: Em hãy cho biết tài nguyên rừng có vai trò như thế nào đối với cuộc sống của con người?

+ **Nhóm 3, 4:** Theo em, việc bảo vệ và khai thác hợp lí tài nguyên thiên nhiên có ý nghĩa như thế nào đối với cuộc sống của người dân và sự phát triển của mỗi quốc gia?

- GV tổng hợp các ý kiến trên bảng lớp.

- GV hướng dẫn HS rút ra kết luận và nêu lí do của sự cần thiết của bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS làm việc theo nhóm, đọc thông tin SHS, thảo luận và trả lời câu hỏi.
- HS rút ra kết luận về kết luận sự cần thiết của bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời đại diện các nhóm lần lượt trả lời 2 câu hỏi:

+ **Câu hỏi a:** *Tài nguyên rừng có ý nghĩa vô cùng to lớn đối với cuộc sống của con người:*

- *Rừng có 5 vai trò chính: nuôi dưỡng đất, lưu trữ các-bon, cung cấp thực phẩm lành mạnh cho hàng triệu con người, điều tiết nước và là nhà của khoảng 80% các giống loài sống trên cạn.*

- *Rừng chính là lá phổi xanh, điều hòa khí hậu, bảo tồn một số loài động vật quý hiếm; cung cấp lâm sản xuất khẩu; thảm thực vật rừng có vai trò quan trọng trong công việc chống xói mòn, sạt lở, hạn chế lũ lụt cũng như giữ được nguồn nước ngầm, tránh hạn hán;...*

+ **Câu hỏi b:** *Việc bảo vệ và khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên có ý nghĩa vô cùng to lớn đối với cuộc sống của người dân và sự phát triển của mỗi quốc gia:*

- *Đối với người dân: con người khai thác tài nguyên thiên nhiên để phục vụ cuộc sống của con người.*

- *Đối với mỗi quốc gia: tài nguyên thiên nhiên đóng một vai trò vô cùng quan trọng đối với nền kinh tế cũng như sự phát triển ổn định của đất nước. Tài nguyên thiên nhiên là điều kiện cần để giúp phát triển nền kinh tế, mỗi khi chúng ta biết cách khai thác những tài nguyên thiên nhiên này một cách hợp lý và hiệu quả sẽ giúp*

<i>nền kinh tế phát triển tốt hơn. Những tài nguyên như quặng kim loại (sắt, đồng, vàng, bạc,...) sẽ giúp nền kinh tế phát triển, giúp phát triển các ngành sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, sản xuất thủy tinh, vật liệu xây dựng, sành sứ,... Ngoài ra, tài nguyên thiên nhiên còn tạo ra nguồn tích lũy vốn ban đầu cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; thu hút vốn đầu tư nước ngoài.</i> - GV hướng dẫn HS rút ra kết luận về sự cần thiết của bảo vệ tài nguyên thiên nhiên. - GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá và chốt đáp án. - GV chuyển sang nội dung mới.	
--	--

Hoạt động 2. Tìm hiểu một số quy định cơ bản của pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên.

b. Tổ chức thực hiện:

Nhiệm vụ 1: Quy định cơ bản của pháp luật về bảo vệ môi trường Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV chia HS cả lớp thành 6 nhóm (2 nhóm cùng thực hiện một nhiệm vụ). - GV nêu nhiệm vụ cho các nhóm: + Nhóm 1, 2: <i>Quan sát bức tranh 1 SHS tr.28 và trả lời câu hỏi: Căn cứ vào các quy định của pháp luật, em hãy cho biết trong bức tranh 1, chủ thể đã thực hiện đúng hay vi phạm các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường? Vì sao?</i> + Nhóm 3, 4: <i>Quan sát bức tranh 2 SHS tr.28 và trả lời câu hỏi: Căn cứ vào các</i>	2. Tìm hiểu một số quy định cơ bản của pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên - <i>Pháp luật Việt Nam quy định:</i> + Nghiêm cấm các hoạt động chặt, phá, lấn chiếm, đốt rừng; đưa chất cháy nổ, săn bắn, nuôi nhốt, giết, tàng trữ, buôn bán động vật rừng trái quy định; khai thác tài nguyên thiên nhiên trái quy định của pháp luật. + Chỉ được tiến hành hoạt động khoáng sản khi được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép. + Nghiêm cấm hủy hoại nguồn lợi thủy sản, nơi cư trú của các loài thủy
---	---

quy định của pháp luật, em hãy cho biết trong bức tranh 2, chủ thể đã thực hiện đúng hay vi phạm các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường? Vì sao?

+ Nhóm 5, 6: *Quan sát bức tranh 3 SHS tr.28 và trả lời câu hỏi: Căn cứ vào các quy định của pháp luật, em hãy cho biết trong bức tranh 2, chủ thể đã thực hiện đúng hay vi phạm các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường? Vì sao?*

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS thảo luận theo nhóm, đọc thông tin và quan sát 3 bức tranh SHS tr.27, 28 và trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận sau khi đọc thông tin và quan sát các bức tranh SHS tr.27, 28:

+ Bức tranh 1: *Chủ thể thực hiện đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường vì đã phân loại rác thải sinh hoạt. Đây là một việc làm đúng, thực hiện tốt khoản 1 Điều 4 Luật Bảo vệ môi trường năm 2010 (Bảo vệ môi trường là quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của mọi cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân).*

+ Bức tranh 2: *Chủ thể vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường vì đã đổ rác thải xuống hè phố, gây ô nhiễm môi trường. Việc làm này vi phạm khoản 1 Điều 6: Các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động bảo vệ môi trường: Vận chuyển, chôn, lấp, đổ, thải, đốt chất thải rắn, chất thải nguy hại không đúng quy trình kỹ thuật, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.*

sản; khai thác, nuôi trồng thủy sản ảnh hưởng đến môi trường.

+ Nghiêm cấm đổ chất thải, chất độc hại làm ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước; xả thải khí độc hại trực tiếp vào nguồn nước, lòng đất; khai thác trái phép khoáng sản, cát, sỏi trên sông, suối, kênh rạch, gây sạt lở, biến dạng dòng chảy;...

+ **Bức tranh 3:** Chủ thể vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường vì đã vận chuyển vật liệu xây dựng nhưng không bảo quản, che chắn khiến chất thải rơi xuống lòng đường, hè phố, gây ô nhiễm môi trường. Việc làm này vi phạm khoản 1 Điều 6: Các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động bảo vệ môi trường: Vận chuyển, chôn, lấp, đổ, thải, đốt chất thải rắn, chất thải nguy hại không đúng quy trình kỹ thuật, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá và chốt đáp án.
- GV giới thiệu với HS một số nội dung trong Hiến pháp và các luật liên quan: Hiến pháp năm 2013 (Điều 43), Bộ luật Hình sự năm 2015 (Điều 235, 236),...
- GV kết luận về những quy định cơ bản của pháp luật về bảo vệ môi trường.
- GV chuyển sang nhiệm vụ mới.

Nhiệm vụ 2: Quy định cơ bản của pháp luật về bảo vệ tài nguyên thiên nhiên

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV chia HS cả lớp thành 4 nhóm (2 nhóm cùng thực hiện một nhiệm vụ).
- GV nêu nhiệm vụ cho các nhóm:

+ **Nhóm 1, 2:** Dựa vào thông tin 1, em hãy cho biết các chủ thể nào trong trường hợp 2 và hai bức tranh đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ tài nguyên thiên nhiên? Vì sao?

+ **Nhóm 3, 4:** Dựa vào thông tin 1, em hãy cho biết các chủ thể nào trong trường hợp 2 và hai bức tranh đã thực hiện chưa đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ tài nguyên thiên nhiên? Vì sao?

- GV hướng dẫn HS rút ra kết luận về quy định cơ bản của pháp luật về bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS thảo luận theo nhóm, đọc thông tin và quan sát 2 bức tranh SHS tr.28, 29, 30 và trả lời câu hỏi.

- HS rút ra kết luận về quy định cơ bản của pháp luật về bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận sau khi đọc thông tin và quan sát các bức tranh SHS tr.28, 29, 30:

+ **Nhóm 1, 2:** *Trong trường hợp 2, chủ thể thực hiện đúng pháp luật về bảo vệ tài nguyên thiên nhiên là: Hải và một số người dân vì đã có việc làm đúng đắn: tố cáo hành vi khai thác cát trái phép của Công ty T gây ảnh hưởng tới môi trường và cuộc sống của người dân nơi đây. Chính quyền đã thực hiện đúng quy định của pháp luật khi xử lý vi phạm đối với Công ty T theo quy định của pháp luật.*

+ **Nhóm 3, 4:** *Chủ thể vi phạm pháp luật về bảo vệ tài nguyên thiên nhiên là công ty T vì có hành vi khai thác cát trái phép, gây ảnh hưởng tới môi trường, cạn kiệt tài nguyên, gây sạt lở, sụt lún,... khiến diện tích đất canh tác bị thu hẹp,...*

- GV kết luận về những quy định cơ bản của pháp luật về bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá và chốt đáp án.

- GV giới thiệu với HS một số nội dung trong các luật liên quan: Luật Lâm nghiệp năm 2017 (Điều 4), Luật Khoáng sản năm 2010 (Điều 8), Bộ luật Hình sự năm 2015 (Điều 242, 243, 244),... - GV chuyển sang nội dung mới.	
--	--

Hoạt động 3. Tìm hiểu một số biện pháp bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên

a. Mục tiêu:- Thông qua hoạt động, HS nêu được một số biện pháp bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.

- Tham gia tuyên truyền đến người dân địa phương các biện pháp phòng chống ô nhiễm môi trường như dùng thuốc nổ để khai thác đá, hoặc đào móng xây nhà, ...
- Phê phán những hành vi gây ô nhiễm môi trường và phá hoại TNTN như sử dụng thuốc nổ để đánh cá hoặc khai thác đá, khoáng sản.

b. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV chia HS cả lớp thành 6 nhóm (2 nhóm cùng thực hiện một nhiệm vụ). - GV nêu nhiệm vụ cho các nhóm: + Nhóm 1, 2: Đọc thông tin 1 và trả lời câu hỏi: Những biện pháp nêu ở thông tin trên có tác dụng bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên như thế nào? + Nhóm 3, 4: Đọc thông tin 2 và trả lời câu hỏi: Những biện pháp nêu ở thông tin trên có tác dụng bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên như thế nào? + Nhóm 5,6: Giải quyết tình huống sau: <i>“Nhà bạn An chuẩn bị xây nhà. Hôm đó, An vô tình nghe ba bàn với mẹ sẽ nhờ ông B đầu xóm dùng thuốc nổ để phá tảng đá lớn phía sau nhà để xây móng”.</i> Trước tình huống trên, nếu là An em phải làm gì?” - GV mời 5-7 HS lên bảng tham gia trò chơi “Đổi mặt” (5 phút), khi tới lượt HS nào thì HS đó phải kể một biện pháp bảo	3. Tìm hiểu một số biện pháp bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên - Chấp hành các quy định pháp luật về bảo vệ tài nguyên, môi trường. - Tích cực tham gia vào các phong trào, hoạt động bảo vệ môi trường tại địa phương. - Thường xuyên tổ chức tuyên truyền nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho người dân, cộng đồng, doanh nghiệp, thực hiện tăng trưởng xanh, phát triển kinh tế ít chất thải, kinh tế tuần hoàn, trồng rừng,... - Nghiêm cấm mọi hoạt động làm suy kiệt nguồn tài nguyên, hủy hoại môi trường. - Phê phán, đấu tranh với các hành vi gây ô nhiễm môi trường và phá hoại tài nguyên thiên nhiên.
--	--

vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên, không lặp lại đáp án các bạn trước đã nêu.

- GV cho HS liên hệ việc bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên ở chính địa phương các em.

- GV hướng dẫn HS rút ra kết luận về một số biện pháp bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS thảo luận theo nhóm, đọc thông tin SHS tr.30, 31 và trả lời câu hỏi.

- HS tìm hiểu dựa vào hiểu biết của bản thân, thông tin tìm hiểu trên sách, báo, internet,... nêu thêm một số biện pháp bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.

- Liên hệ tới việc bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên ở chính địa phương các em.

HS rút ra kết luận về một số biện pháp bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận sau khi đọc thông tin và quan sát các bức tranh SHS tr.30, 31:

+Nhóm 1,2: *Thông tin 1 Việc Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án trồng 1 tỷ cây xanh giúp cả nước trồng được 1 tỷ cây xanh, góp phần bảo vệ môi trường sinh thái, cải thiện cảnh quan và ứng phó với biến đổi khí hậu, phát triển kinh tế xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân và sự phát triển bền vững của đất nước.*

+ Nhóm 3,4: *Thông tin 2: Việc ứng dụng nông nghiệp hữu cơ giúp hạn chế tối đa các hóa chất gây độc hại cho cây trồng và môi trường, góp phần bảo vệ môi trường, đồng thời bảo vệ nguồn nước, nguồn đất.*

+ Nhóm 5,6:

HS cần phân tích cho ba mẹ hiểu được tác hại của việc dùng thuốc nổ để khai thác đá vừa nguy hiểm đến tính mạng, vừa ô nhiễm môi trường và vi phạm pháp luật, để ba mẹ không nhờ ông B dùng thuốc nổ phá tảng đá, cũng như tuyên truyền, giải thích để ông B không làm công việc nguy hiểm đó nữa.

GV mời 5-7 HS lên bảng tham gia trò chơi “Đổi mặt”: kể một biện pháp bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.

+ Một số biện pháp bảo vệ môi trường: Dọn dẹp vệ sinh nhà ở, đường phố tại địa phương mình sống; Vứt rác đúng nơi quy định, không xả rác bừa bãi; Hạn chế sử dụng túi ni-lông; Tích cực trồng cây xanh; Không tiếp tay cho hành vi gây tổn hại đến môi trường;...

+ Một số biện pháp bảo vệ tài nguyên thiên nhiên: Tiết kiệm nước sạch; khó vòi nước khi không sử dụng; sửa chữa và khắc phục đường ống nước bị rò rỉ; tái sử dụng nước sinh hoạt để tưới cho cây trồng; tắm bằng vòi hoa sen thay vì tắm bồn; tiết kiệm năng lượng: lắp đặt bình nước nóng bằng năng lượng mặt trời; tận dụng nguồn nước để phát điện;...

- GV cho HS liên hệ việc bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên ở chính địa phương các em.

- GV rút ra kết luận về một số biện pháp bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung...

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá và chốt đáp án.

- GV chuyển sang nội dung mới.

Hoạt động 4. Tìm hiểu trách nhiệm của HS trong việc bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên

a.Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS nêu được trách nhiệm của HS trong việc bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên.

b. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu cả lớp cùng thực hiện một nhiệm vụ.
- Học sinh thực hiện và cử đại diện lên trình bày kết quả.
- GV cho HS liên hệ việc bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên ở chính địa phương các em.
- GV hướng dẫn HS rút ra kết luận về một số biện pháp bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập.

- GV cho HS quan sát tranh SGK; Xem TH
- GV nêu nhiệm vụ cho các nhóm thảo luận...
 - a. Các bạn trong tranh đã làm gì để bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên?
 - b. Em đã có những hành động và việc làm nào để bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên?
- HS rút ra kết luận về một số biện pháp bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.
- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả.
 - a) Các bạn trong tranh đã làm gì để bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên?
 - Tranh 1: các bạn học sinh tham gia quét dọn đường làng, ngõ xóm.
 - Tranh 2: bạn học sinh nam tố cáo hành vi chặt phá rừng
 - Tranh 3: các bạn học sinh tham gia vẽ tranh về đề tài bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.
 - b) Em đã có những hành động và việc làm nào để bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên?

Một số hành động và việc làm nào để bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên của em:

- + Không xả rác bừa bãi;
- + Hạn chế sử dụng túi ni lông, đồ nhựa;
- + Tiết kiệm điện, nước,...
- + Đi bộ hoặc sử dụng xe đạp hay phương tiện giao thông công cộng (xe bus, tàu điện,...) khi di chuyển.
- + Nghiêm túc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên;
- + Tích cực hưởng ứng, tham gia các phong trào, hoạt động bảo vệ môi trường tại địa phương. Ví dụ: hưởng ứng phong trào Ngày Trái Đất; tham gia các hoạt động dọn

đẹp rác thải tại địa phương; tham gia Ngày hội “Môi trường Xanh – Nếp sống xanh”,...

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV:nhận xét, đánh giá và chốt đáp án.

C. LUYỆN TẬP:

a. Mục tiêu:

HS củng cố kiến thức đã học để đưa ra những ý kiến nhằm giải quyết một số vấn đề thực tiễn.

b. Nội dung:

* Học sinh làm việc cá nhân vào phiếu học tập suy nghĩ về các ý kiến trong SGK và giải thích

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh:

Bài 1: Em đồng tình hay không đồng tình với ý kiến nào dưới đây? Vì sao?

Ý kiến a) Không đồng tình. Vì: để đảm bảo sự phát triển bền vững của kinh tế đất nước, chúng ta cần phải quan tâm bảo vệ môi trường và sử dụng hợp lý, tiết kiệm các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

- Ý kiến b) Đồng ý. Vì: khi xả thải ra môi trường, phải mất thời gian rất lâu thì túi ni-lông mới có thể phân hủy, do đó, việc thường xuyên sử dụng túi ni-lông, đồ nhựa dùng một lần (ống hút, thìa, đĩa nhựa,...) góp phần làm trầm trọng tình trạng ô nhiễm.

- Ý kiến c) Không đồng tình. Vì: sử dụng quá nhiều thuốc trừ sâu hóa học có thể gây hại đến cây trồng, khiến cây trồng bị nhiễm độc, từ đó, gián tiếp ảnh hưởng đến sức khỏe của con người và gây ô nhiễm môi trường, suy thoái tài nguyên đất. Để bảo vệ cây trồng, đồng thời giúp giảm tình trạng ô nhiễm, thoái hóa đất, chúng ta có thể lựa chọn sử dụng các chế phẩm sinh học.

- Ý kiến d) Không đồng tình. Vì: Giáo dục, tuyên truyền, xây dựng ý thức trách nhiệm về bảo vệ môi trường là trách nhiệm của mọi công dân.

Bài 2: Hành vi nào dưới đây thực hiện đúng, hành vi nào vi phạm pháp luật về bảo vệ tài nguyên thiên nhiên? Vì sao?

- Các hành vi thực hiện đúng pháp luật về bảo vệ tài nguyên thiên nhiên là:

+ Khai thác rừng trồng theo quy hoạch của Nhà nước.

+ Tổ cáo hành vi khai thác khoáng sản trái phép.

+ Sử dụng tiết kiệm điện, nước.

- Các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ tài nguyên thiên nhiên là:

+ Săn, bắn, bẫy, bắt động vật quý hiếm để bán => vi phạm khoản 3 điều 9 Luật lâm nghiệp năm 2017.

+ Dùng mìn, điện để đánh bắt cá => vi phạm khoản 7 điều 7 Luật Thủy sản năm 2017

+ Phá rừng nguyên sinh để trồng cà phê => vi phạm khoản 1 điều 9 Luật Lâm nghiệp năm 2017.

Bài 3: Em hãy đọc tình huống dưới đây và trả lời câu hỏi:

a. + Bạn H đã có ý thức bảo vệ môi trường (thể hiện qua hành vi: muốn trình báo công an để tố cáo hành vi sai phạm của chiếc ô tô)

+ Bạn Đ chưa có ý thức bảo vệ môi trường (thể hiện qua hành vi: từ chối việc tố cáo hành vi sai phạm của chiếc ô tô)

- Nếu là H, em sẽ:

+ Bí mật dùng điện thoại để chụp ảnh/ quay lại video về hành vi đổ phế thải xuống bờ mương thoát nước.

+ Nhanh chóng đến gặp lực lượng công an xã để cung cấp bằng chứng, tố cáo hành vi sai phạm của chủ chiếc ô tô.

b)

- Nếu là người dân trong xã T, em sẽ đề xuất sáng kiến tiết kiệm tài nguyên nước. Vì:

+ Nước là tài nguyên quý giá, rất cần thiết cho sự sống của con người và các loài sinh vật, nhưng nước không phải là vô tận.

+ Việc tiết kiệm nước còn giúp ngăn ngừa cạn kiệt nguồn nước ngầm và góp phần bảo vệ môi trường.

+ Hàng triệu người trên thế giới đang phải đối mặt với tình trạng thiếu nước sinh hoạt.

Bài 4: Em hãy đưa ra lời khuyên cho mỗi nhân vật trong các tình huống dưới đây:

a) Khuyên bác A không nên thực hiện ý định trên. Vì: việc chặt cây gỗ trong rừng phòng hộ để bán lấy tiền là hành vi vi phạm khoản 1 điều 9 luật Lâm nghiệp năm 2017. Nếu thực hiện ý định trên, bác B sẽ phải chịu các hình phạt theo quy định của pháp luật.

b) Trong tình huống này, bạn V nên:

+ Từ chối tham gia đào vàng cùng Y và mọi người trong xóm.

+ Giải thích để Y và mọi người hiểu: hành vi vào núi đào vàng là vi phạm pháp luật (khai thác trái phép tài nguyên khoáng sản) và sẽ phải chịu các hình phạt theo quy định. Yêu cầu mọi người nên chấm dứt hành vi đó và tới cơ quan công an đầu thú để hưởng sự khoan hồng.

+ Nếu Y và mọi người trong xóm vẫn tiếp tục thực hiện hoạt động khai thác vàng trái phép, V nên trình báo thông tin tới lực lượng công an.

Bài 5: Hãy kể những việc em đã làm để góp phần bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.

+ Không xả rác bừa bãi; thực hiện phân loại rác và vứt rác đúng nơi quy định.

+ Hạn chế sử dụng túi ni lông, đồ nhựa; tăng cường sử dụng các loại túi đựng được làm từ nguyên liệu: giấy, vải,...

+ Tiết kiệm điện, nước,...

+ Tăng cường việc đi bộ hoặc sử dụng xe đạp hay phương tiện giao thông công cộng (xe bus, tàu điện,...) khi di chuyển.

+ Tích cực hưởng ứng, tham gia các phong trào, hoạt động bảo vệ môi trường tại địa phương. Ví dụ: hưởng ứng phong trào Ngày Trái Đất; tham gia các hoạt động dọn dẹp rác thải tại địa phương; tham gia Ngày hội “Môi trường Xanh – Nếp sống xanh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Giáo viên yêu cầu học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ và đưa ra quan điểm của mình về từng ý kiến trên

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Các học sinh suy nghĩ và trả lời câu hỏi, viết nội dung câu hỏi và vở ghi, có thể trao đổi với các bạn xung quanh để hoàn thiện câu trả lời.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên gọi một số học sinh trình bày ý kiến của mình, các học sinh khác bổ sung và hoàn thiện

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Giáo viên nhận xét việc trả lời của các học sinh và kết luận

D. VẬN DỤNG:

a. Mục tiêu:

HS vận dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống, **phê phán, lên án với những hành vi gây ô nhiễm môi trường và phá hoại TNTN như cưa đục bom mìn; dùng thuốc nổ...**

b. Nội dung: **Viết 1 đoạn văn hay vẽ 1 bức tranh về việc không sử dụng thuốc nổ gây ô nhiễm môi trường.**

Chia lớp ra thành hai đội:

Mỗi đội cử 2 bạn xuất sắc nhất

Đại diện hai đội lên bảng trình bày

c. Sản phẩm: Bài viết của học sinh:

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- **Viết đoạn văn hay vẽ 1 bức tranh tuyên truyền người dân không sử dụng thuốc nổ gây ô nhiễm môi trường.**

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập:

- Các nhóm thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Các nhóm lên bảng trình bày.

- Các nhóm trưng bày sản phẩm và nêu lên ý nghĩa của bức tranh trong tiết sau.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

- GV nhận xét đánh giá.

- GV tổng hợp và kết luận.

IV. TỔNG KẾT VÀ HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ (2 phút)

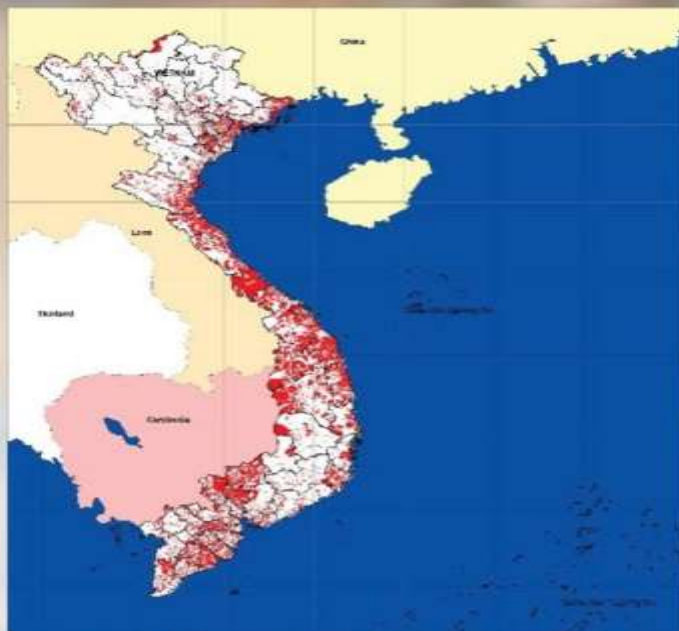
- Học bài cũ, làm bài tập SBT trang

- Chuẩn bị bài mới: Bài 6
- + Tìm hiểu tình huống 1,2 trang 35,36 SGK.
- * Gợi ý thông điệp: “Hãy nói không với việc sử dụng thuốc nổ để đánh bắt cá hoặc khai thác khoáng sản”.

Hình ảnh bản đồ ô nhiễm bom mìn⁷



HẾT.



BẢN ĐỒ Ô NHIỄM BOM Mìn, VẬT NỔ TRÊN ĐẤT LIỀN TẠI VIỆT NAM
THEO KẾT QUẢ ĐIỀU TRA TỪ NĂM 2010 - 2013

SỐ LIỆU DO VNMAC CÔNG BỐ NGÀY 4/4/2018

6,1
TRIỆU HÉC-TA ĐẤT BỊ Ô NHIỄM

18,71%
DIỆN TÍCH ĐẤT BỊ Ô NHIỄM

9.116/11.134
XÃ, PHƯỜNG BỊ Ô NHIỄM

HẾT.

Ngày soạn 6/12/2023

Ngày dạy: 13, 20/12; 3/1 /2024

TUẦN 15, 16, 18 - TIẾT 15, 16, 18.

BÀI 6: XÁC ĐỊNH MỤC TIÊU CÁ NHÂN

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nhận biết được thế nào là mục tiêu cá nhân; các loại mục tiêu cá nhân.
- Hiểu vì sao phải xác định mục tiêu cá nhân.
- Nêu được cách xác định mục tiêu và lập kế hoạch thực hiện mục tiêu cá nhân.
- Xây dựng được mục tiêu cá nhân của bản thân và kế hoạch hành động nhằm đạt mục tiêu đó.

2. Năng lực

Năng lực chung:

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.
- *Năng lực tự chủ và tự học:* biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.
- *Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

Năng lực riêng:

- *Năng lực phát triển bản thân:* tự nhận thức được sở thích, điểm mạnh, điểm yếu của bản thân trong việc xác định mục tiêu và lập kế hoạch thực hiện mục tiêu cá nhân; xây dựng được mục tiêu của bản thân và kế hoạch hành động nhằm đạt mục tiêu đó.
- *Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội:* Nhận biết được một số hiện tượng, vấn đề của đời sống xã hội về xác định mục tiêu cá nhân; bước đầu biết cách thu thập, xử lý thông tin, tìm hiểu một số hiện tượng, tình huống về xác định mục tiêu cá nhân; lựa chọn, đề xuất được cách giải quyết và tham gia giải quyết được một số vấn đề về xác định mục tiêu cá nhân trong đời sống thực tế.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ, luôn vươn lên để đạt kết quả tốt trong học tập, lao động và các hoạt động xã hội phù hợp với lứa tuổi.
- Có trách nhiệm trong việc xác định mục tiêu và lập kế hoạch thực hiện mục tiêu cá nhân.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC

1. Đối với giáo viên

- Giáo án, SGK, SGV, SBT Giáo dục công dân 8.
- Câu chuyện, tấm gương, những ví dụ thực tế gắn liền với nội dung bài học.
- Máy chiếu.

2. Đối với học sinh

- SGK Giáo dục công dân 8.

- Câu chuyện, tấm gương, tư liệu sưu tầm có liên quan đến nội dung bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Khơi gợi, dẫn dắt HS vào bài học và giúp HS có hiểu biết ban đầu về bài học mới.

b. Nội dung:

- GV mời một số HS chia sẻ trải nghiệm về việc đặt mục tiêu cá nhân của mình.
- GV dẫn dắt HS vào bài học.

c. Sản phẩm:

- Những chia sẻ trải nghiệm của HS về việc đặt mục tiêu cá nhân của mình.
- HS lắng nghe và hiểu định nghĩa về xác định mục tiêu cá nhân.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS chia sẻ trải nghiệm về việc đặt mục tiêu cá nhân của mình.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS vận dụng hiểu biết thực tế, suy nghĩ và trả lời câu hỏi.
- GV quan sát, hướng dẫn.

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV mời đại diện 1 – 2 HS trả lời câu hỏi.
- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá và kết luận.
- GV dẫn dắt HS vào bài học: *Mục tiêu giống như chiếc la bàn định hướng cho cuộc sống. Khi nghĩ về những gì mình muốn đạt được và đặt mục tiêu hướng tới, ta sẽ trở nên tự chủ và tích cực hơn. Vì vậy, xác định mục tiêu cá nhân là một việc cần làm cần thiết để sống có mục đích, làm việc có kế hoạch, từ đó có khả năng thực hiện được ước mơ, đạt được thành công trong cuộc sống.*

Để tìm hiểu rõ hơn về đề này, chúng ta sẽ cùng nhau đi tìm hiểu trong bài học ngày hôm nay – Bài 6 – Xác định mục tiêu cá nhân.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1. Tìm hiểu khái niệm mục tiêu cá nhân và các loại mục tiêu cá nhân

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS nhận biết được thế nào là mục tiêu cá nhân và các loại mục tiêu cá nhân.

b. Nội dung:

- GV mời HS quan sát 4 bức tranh Sgk tr.36.
- GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm, quan sát 4 bức tranh SGK tr.36 và trả lời câu hỏi.
- GV cùng HS rút ra kết luận về xác định mục tiêu cá nhân và các loại mục tiêu cá nhân.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về khái niệm mục tiêu cá nhân và các loại mục tiêu cá nhân và chuẩn kiến thức của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV hướng dẫn HS quan sát 4 bức tranh SGK tr.36. - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi: + <i>Em hãy cho biết các bạn trong mỗi bức tranh có mong muốn gì. Các bạn có xác định khoảng thời gian để thực hiện mong muốn đó không? Từ đó, em hãy cho biết thế nào là mục tiêu cá nhân.</i> - GV hướng dẫn HS rút ra kết luận và nêu khái niệm xác định mục tiêu cá nhân và các loại mục tiêu cá nhân. Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập - HS làm việc theo nhóm, quan sát 4 bức tranh SGK, thảo luận và trả lời câu hỏi. - HS rút ra kết luận và nêu khái niệm xác định mục tiêu cá nhân và các loại mục tiêu cá nhân. - GV quan sát, hướng dẫn.	1. Tìm hiểu khái niệm mục tiêu cá nhân và các loại mục tiêu cá nhân - <i>Khái niệm:</i> Mục tiêu cá nhân là những kết quả cụ thể mà mỗi người mong muốn đạt được trong một khoảng thời gian nhất định. - <i>Phân loại mục tiêu cá nhân:</i> + Mục tiêu cá nhân có thể được phân loại theo lĩnh vực: phát triển bản thân, gia đình và bạn bè, sức khỏe, học tập, tài chính, trao tặng và cống hiến xã hội,... + Mục tiêu cá nhân có thể được phân loại theo thời gian: mục tiêu ngắn hạn và mục tiêu dài hạn.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận - GV mời đại diện các nhóm lần lượt trả lời các câu hỏi và tổng hợp ý kiến (<i>bảng đính kèm phía dưới hoạt động</i>). - GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá và chốt đáp án. - GV hướng dẫn HS rút ra kết luận và nêu khái niệm xác định mục tiêu cá nhân và các loại mục tiêu cá nhân. - GV chuyển sang nội dung mới.	
--	--

Hoạt động 2. Tìm hiểu sự cần thiết của việc xác định mục tiêu cá nhân

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS biết vì sao phải xác định mục tiêu cá nhân.

b. Nội dung:

- GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm, đọc 2 thông tin trong SHS tr.36, 37 và trả lời câu hỏi.

- GV cùng HS rút ra kết luận về sự cần thiết phải xác định mục tiêu cá nhân.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về sự cần thiết phải xác định mục tiêu cá nhân.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV chia HS cả lớp thành 6 nhóm (2 nhóm cùng thực hiện một nhiệm vụ). - GV nêu nhiệm vụ cho các nhóm: + Nhóm 1, 2: <i>Đọc thông tin 1 và trả lời câu hỏi a: Em hãy cho biết việc có một mục tiêu rõ ràng đã mang lại kết quả như thế nào cho các bạn trong trường hợp trên.</i> + Nhóm 3, 4: <i>Đọc thông tin 2 và trả lời câu hỏi a: Em hãy cho biết việc có một mục tiêu rõ ràng đã mang lại kết quả như thế nào cho các bạn trong trường hợp trên.</i> + Nhóm 5, 6: <i>Theo em, vì sao phải xác định mục tiêu cá nhân?</i> Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập.	2. Tìm hiểu sự cần thiết của việc xác định mục tiêu cá nhân Việc xác định mục tiêu cá nhân sẽ giúp mỗi người có động lực hơn trong cuộc sống, hoàn thiện bản thân, hướng đến những mục đích cao đẹp và thực hiện được những ước mơ của mình.

- HS thảo luận theo nhóm, đọc thông tin và trả lời câu hỏi. - GV hướng dẫn, hỗ trợ . Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận - GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận sau khi đọc thông tin: + <i>Câu hỏi a:</i> <i>Thông tin 1: Với Hùng, việc có mục tiêu “hè này biết bơi” và thực hiện hóa mục tiêu này bằng các hành động cụ thể như đăng kí học bơi, rủ thêm bạn học cùng đã giúp Hùng biết bơi và tự tin hơn mỗi khi đi biển.</i> <i>Thông tin 2: Với Bình, việc có mục tiêu là kết quả học tập đạt loại Tốt và từ đó, có kế hoạch học tập và các hành động cụ thể như tập trung nghe giảng, tích cực phát biểu,... cùng với quyết tâm thực hiện nên đến cuối năm Bình đã có kết quả học tập loại Tốt, tiến bộ hẳn so với năm học trước – khi Bình không có mục tiêu cụ thể nào.</i> + <i>Câu hỏi b: Cần phải xác định mục tiêu cá nhân vì có mục tiêu cá nhân sẽ giúp mỗi người có động lực hơn trong cuộc sống, hoàn thiện bản thân, hướng đến những mục đích tích cao đẹp và thực hiện được những ước mơ của mình.</i> - GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá và chốt đáp án. - GV kết luận về sự cần thiết của việc xác định mục tiêu cá nhân. - GV chuyển sang nội dung mới.	
---	--

Hoạt động 3. Cách xác định mục tiêu và các bước lập kế hoạch thực hiện mục tiêu cá nhân

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS biết cách xác định mục tiêu cá nhân và các bước lập kế hoạch thực hiện mục tiêu cá nhân.

b. Nội dung:

- GV hướng dẫn HS đọc những nội dung trong bảng hướng dẫn cách xác định mục tiêu cá nhân và biểu đồ các bước lập kế hoạch thực hiện mục tiêu cá nhân trong SGK tr.37, 38 và trả lời câu hỏi.

- GV cùng HS rút ra kết luận về cách xác định mục tiêu và các bước lập kế hoạch thực hiện mục tiêu cá nhân.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về cách xác định mục tiêu và các bước lập kế hoạch thực hiện mục tiêu cá nhân.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi và trả lời câu hỏi: <i>a) Em hãy viết lại những mục tiêu dưới đây theo nguyên tắc S.M.A.R.T:</i> - <i>Biết trượt pa-tanh.</i> - <i>Tự tin thuyết trình trước lớp.</i> - <i>Khám phá các di sản của địa phương nơi em sinh sống.</i> <i>b) Em hãy lập kế hoạch thực hiện các mục tiêu vừa xác định theo 6 bước nêu trên và cho biết cần chú ý điều gì khi xây dựng kế hoạch đó.</i> Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập. - HS thảo luận theo nhóm đôi, đọc thông tin SHS tr.37, 38 và trả lời câu hỏi. - GV hướng dẫn, hỗ trợ. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận - GV mời đại diện 2-3 HS trình bày kết quả thảo luận sau khi đọc thông tin SGK tr.37, 38: + <i>Biết trượt pa-tanh: Thực hành được kỹ thuật trượt pa-tanh cơ bản sau 5 buổi học.</i> + <i>Tự tin thuyết trình trước lớp: Sau 1 tháng sẽ tự tin thuyết trình một chủ đề dài 15 phút trước tập thể lớp.</i> + <i>Khám phá các di sản của địa phương nơi em sinh sống: Trong vòng 2 năm, sẽ</i>	3. Cách xác định mục tiêu và các bước lập kế hoạch thực hiện mục tiêu cá nhân Một mục tiêu cá nhân cần phải cụ thể, đo lường được, có thể đạt được, có liên quan và có thời hạn xác định. - <i>Các bước lập kế hoạch thực hiện mục tiêu cá nhân:</i> + Liệt kê những việc cần làm để đạt được mục tiêu. + Ưu tiên công việc cần thực hiện trước. + Xác định thời gian và nguồn lực cần thiết. + Thường xuyên đánh giá việc thực hiện mục tiêu của bản thân.

<i>khám phá hết các di sản của địa phương nơi em sinh sống.</i> - GV hướng dẫn HS lập kế hoạch thực hiện các mục tiêu trên (<i>bảng đính kèm phía dưới hoạt động</i>). - GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá và chốt đáp án. - GV kết luận về cách xác định mục tiêu và các bước lập kế hoạch thực hiện mục tiêu cá nhân. - GV chuyển sang nội dung mới.	
--	--

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU

Thực hành được các kĩ thuật trượt pa-tanh cơ bản sau 5 buổi học:

Bước 1	- Xin bố mẹ tiền học và mua giày trượt pa-tanh - Đăng kí khóa học trượt pa-tanh - Mua giày trượt pa-tanh - Rửa bạn học cùng - Sắp xếp thời gian để học và tập trượt pa-tanh - Xem clip hướng dẫn tập
Bước 2	Ba công việc cần ưu tiên làm trước: - Xin bố mẹ tiền học và mua giày trượt pa-tanh - Sắp xếp thời gian để học và tập trượt pa-tanh - Mua giày trượt pa-tanh
Bước 3	- Thời gian cần thiết: mỗi tuần học một buổi, mỗi buổi 45 phút - Nguồn lực cần thiết: tài chính, thời gian, bạn bè học và tập cùng, nếu có
Bước 4	Đánh giá sự tiến bộ của mình sau mỗi buổi tập.
Bước 5	Điều chỉnh thời gian tập, số lượng buổi tập tùy theo thời gian và kế hoạch học tập ở trường và nguồn lực tài chính (nếu không đủ tiền đăng kí học có thể tự xem các clip hướng dẫn và tự tập theo, nếu không đủ tiền mua giày mới có thể mua lại giày đã qua sử dụng,...).
Bước 6	Cam kết thực hiện kế hoạch bằng cách viết ra giấy, dán lên bảng kế hoạch, nhờ bố mẹ nhắc nhở, động viên,...

Sau 1 tháng sẽ tự tin thuyết trình một chủ đề 15 phút trước lớp.

Bước 1	- Lựa chọn chủ đề thuyết trình - Viết ra trước nội dung thuyết trình để tập
--------	--

	- Dành thời gian mỗi ngày hoặc mỗi tuần tập thuyết trình 30 phút - Tập thuyết trình trước nhóm bạn thân quen hoặc gia đình - Ghi âm/ ghi hình lại lúc thuyết trình để rút kinh nghiệm - Xem clip các diễn giả thuyết trình để học hỏi kinh nghiệm - Đăng kí khóa học kỹ năng thuyết trình.
Bước 2	- Lựa chọn chủ đề thuyết trình - Viết ra trước nội dung thuyết trình để tập - Dành thời gian mỗi ngày hoặc mỗi tuần tập thuyết trình 30 phút.
Bước 3	Thời gian: Mỗi tuần ba buổi tập thuyết trình, mỗi buổi tập 15-30 phút. Nguồn lực cần thiết: thời gian, tài chính cho việc đăng kí khóa học (nếu cần thiết), thiết bị kết nối internet để xem thêm các clip.
Bước 4	Đánh giá việc thực hiện mục tiêu của bản thân bằng cách xem thời gian mình dành cho việc chuẩn bị và tập luyện, xem lại các bản ghi âm, ghi hình để đánh giá sự tiến bộ hoặc nhờ gia đình, bạn bè xem mình thuyết trình và phản hồi giúp.
Bước 5	Điều chỉnh cách thực hiện: Nếu tự làm, tự tập mà thấy khó khăn, có thể thay đổi cách làm như: đăng kí khóa học, nhờ thầy cô, anh chị đi trước hướng dẫn, nhờ bạn bè phản hồi,... Tự đánh giá bản thân sau mỗi tuần thực hiện kế hoạch.
Bước 6	Cam kết thực hiện kế hoạch bằng cách viết ra giấy, dán lên bảng kế hoạch, nhờ bố mẹ nhắc nhở, động viên,...

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS củng cố kiến thức đã học và thực hành một số tình huống cụ thể liên quan đến xác định mục tiêu cá nhân.

b. Nội dung:

- GV yêu cầu HS trả lời nhanh các câu hỏi trắc nghiệm.
- GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân, thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi bài tập phần Luyện tập.

c. Sản phẩm: HS chọn được đáp án đúng cho các câu hỏi trắc nghiệm, hoàn thành câu hỏi bài tập phần Luyện tập và chuẩn kiến thức của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động 1: Trả lời câu hỏi trắc nghiệm

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV lần lượt đọc các câu hỏi trắc nghiệm và yêu cầu HS xung phong trả lời nhanh:

Câu 1: Phát triển bản thân thuộc loại mục tiêu cá nhân nào?

A. Mục tiêu cá nhân có thể được phân loại theo lĩnh vực.

- B. Mục tiêu cá nhân có thể được phân loại theo thời gian.
- C. Mục tiêu cá nhân được phân loại theo tính chất.
- D. Mục tiêu cá nhân được phân loại theo đặc điểm

Câu 2: Đâu được coi là mục tiêu cá nhân trong các câu dưới đây?

- A. Bài kiểm tra của Lan có số điểm cao nhất lớp.
- B. Kiên muốn giành được được giải nhất trong lần thi học sinh giỏi toán năm nay.
- C. Cây hoa hồng của Mỹ trồng sai trĩu những bông hoa.
- D. Chiếc áo đồng phục của Mạnh đã không còn mặc vừa nữa

Câu 3: “Tiết kiệm được một khoản tiền tiêu vặt” thuộc loại mục tiêu cá nhân nào?

- A. Học tập và nghề nghiệp.
- B. Tài chính cá nhân.
- C. Sức khỏe.
- D. Trao tặng và cống hiến xã hội

Câu 4: Lan học hơi đuối môn Toán, em đặt mục tiêu sẽ trở thành học sinh học khá môn học này trong năm tới. Em tập trung ôn luyện các bài tập đó trong thời gian nghỉ hè, sưu tầm làm thêm bài tập của các dạng làm thêm. Sau một năm thành tích môn toán của Lan đã tiến bộ vượt bậc, không chỉ dừng lại ở học khá mà thành tích về môn Toán của Lan đứng nhất nhì lớp. Theo em, thành công trong việc học môn Toán của bạn Lan là từ đâu?

- A. Vì bản thân Lan đã học tốt môn toán từ trước.
- B. Lan học tốt môn Toán là do bạn có kế hoạch cụ thể trong việc học tập và rèn luyện môn Toán.
- C. Lan học tốt môn Toán lên là nhờ ăn may.
- D. Lan học tốt môn Toán vì bạn được bạn khác giúp đỡ trong học tập

Câu 5: Nếu đặt ra một mục tiêu không có định hướng rõ ràng, em có thể thực hiện được mục tiêu đó không?

- A. Mục tiêu đó sẽ khó thực hiện được.
- B. Nếu không có định hướng rõ ràng em sẽ dễ bị mất phương hướng trong khi thực hiện mục tiêu.
- C. Có thể thực hiện được vì trong khi thực hiện chúng ta có thể chỉnh sửa và điều chỉnh dần các hệ thống.
- D. Định hướng rõ ràng mục tiêu sẽ không thể thực hiện được

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS vận dụng kiến thức đã học và hiểu biết thực tế của bản thân về xác định mục tiêu cá nhân để trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời đại diện 1 – 2 HS trả lời lần lượt các câu hỏi:

Câu	1	2	3	4	5
Đáp án	A	B	B	B	B

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, chốt đáp án.
- GV chuyển sang hoạt động mới.

Hoạt động 2: Trả lời câu hỏi bài tập phần Luyện tập (SGK tr.39, 40)

Nhiệm vụ 1: Phân loại các mục tiêu cá nhân theo lĩnh vực và thời gian

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV yêu cầu HS thảo luận nhóm và hoàn thành bài phân loại các mục tiêu cá nhân sau theo lĩnh vực và theo thời gian:

- Bạn T đặt mục tiêu năm 18 tuổi sẽ chinh phục đỉnh Phan-xi-păng, đỉnh núi cao nhất Việt Nam.*
- Anh K quyết tâm mỗi sáng sẽ dậy sớm chạy 3 vòng quanh khu chung cư.*
- Chị M đặt mục tiêu trong tháng này sẽ đọc xong cuốn sách về kỹ năng làm việc nhóm và giải quyết vấn đề.*
- Bạn G đặt mục tiêu năm 24 tuổi sẽ trở thành nhà văn viết truyện cho thiếu nhi.*
- Mùa đông này, anh S sẽ quyên góp hai thùng quần áo ấm cho trẻ em nghèo.*

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS vận dụng kiến thức đã học về tự hào về xác định mục tiêu cá nhân để hoàn thành bài tập.
- GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận và tổng hợp vào bảng sau:

Mục tiêu	Phân loại
a) Bạn T	Mục tiêu phát triển bản thân
b) Anh K	Mục tiêu sức khỏe
c) Chị M	Mục tiêu học tập
d) Bạn G	Mục tiêu nghề nghiệp
e) Anh S	Mục tiêu trao tặng và cống hiến xã hội

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.
- GV chuyển sang nhiệm vụ mới.

Nhiệm vụ 2: Nhận xét về mục tiêu và đưa ra góp ý

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm bài tập 2 SHS tr.39 và trả lời câu hỏi:

Em hãy nêu mục tiêu và kế hoạch hành động của các bạn dưới đây và đưa ra góp ý để giúp bạn hoàn thiện:

- Bạn K đặt mục tiêu cá nhân là có sức khỏe tốt. Kế hoạch hành động của K là sẽ ăn đúng bữa và ăn nhiều rau xanh.*
- Bạn B lập mục tiêu và kế hoạch hành động như sau:*

- Mục tiêu: Học tốt môn Khoa học tự nhiên

- Những việc cần làm:

+ Làm bài tập đầy đủ

+ Tìm nhóm bạn cùng học

- Cam kết:

+ Đến cuối năm học sẽ học tốt môn

+ Khoa học tự nhiên.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS vận dụng kiến thức đã học và hiểu biết thực tế về xác định mục tiêu cá nhân và trả lời câu hỏi.

- GV quan sát, hướng dẫn.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động thảo luận

- GV mời một số HS lần lượt trả lời câu hỏi:

Trường hợp a: Mục tiêu của K còn thiếu thời hạn và chưa đo lường được.

+ Để cụ thể hơn, K có thể đặt ra mục tiêu: Trong vòng 6 tháng sẽ có sức khỏe tốt với cân nặng là 55 kg.

+ Kế hoạch hành động của K cũng có thể chi tiết hơn theo các bước lập kế hoạch. Cụ thể như:

A. Những việc cần làm: Ngoài ăn đúng bữa và nhiều rau xanh, mỗi ngày sẽ đi bộ hoặc chạy bộ 30 phút; lập nhóm bạn cùng nhắc nhở nhau và rủ nhau chạy bộ.

B. Công việc ưu tiên: Lưu ý chế độ ăn uống và tập luyện hằng ngày.

C. Thời gian: trong vòng 6 tháng; Nguồn lực cần thiết: thời gian tập luyện, chế độ ăn uống, thức ăn mỗi ngày, sự hỗ trợ và đồng hành của gia đình.

D. Cam kết thực hiện: viết ra giấy, dán lên bảng kế hoạch, nhờ bố mẹ nhắc nhở, đồng viên, có bạn đồng hành cùng lên kế hoạch.

Trường hợp b: Mục tiêu của bạn B còn chung chung, chưa cụ thể.

+ B có thể lập mục tiêu chi tiết hơn như sau:

- Dành thêm 30 phút mỗi ngày để làm thêm bài tập, đọc sách tham khảo hoặc tìm hiểu thêm trên internet.

- Lập nhóm các bạn cùng yêu thích môn Khoa học tự nhiên để trao đổi, hỗ trợ nhau học tập, thảo luận.

- Đăng kí tham gia Câu lạc bộ Khoa học của trường.

- GV yêu cầu các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.

- GV chuyển sang nhiệm vụ mới.

Nhiệm vụ 3: Bày tỏ quan điểm (SGK tr.40)

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV hướng dẫn HS đọc trường hợp trong SHS tr.40 và làm việc cá nhân trả lời câu hỏi: Em đồng tình với ý kiến của bạn nào? Hãy giải thích lí do vì sao?

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS vận dụng kiến thức đã học và nội dung tình huống và bày tỏ quan điểm.
- GV quan sát, hướng dẫn .

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động thảo luận

- GV mời đại diện 1-2 HS trả lời câu hỏi:
- + Em đồng tình với ý kiến của bạn Y.
- + Vì việc học tập là việc quan trọng của HS nhưng học tập cũng cần có mục tiêu, kế hoạch cụ thể, phù hợp với mục đích sống và khả năng hiện tại của HS. Bên cạnh đó, cuộc sống của HS không phải chỉ xoay quanh việc học. Ngoài mục tiêu liên quan đến việc học tập thì mục tiêu về sức khỏe, gia đình, bạn bè,... cũng rất cần thiết để có một cuộc sống khỏe mạnh, hạnh phúc.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.
- GV chuyển sang nội dung mới.

HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Ôn lại kiến thức đã học:
- + *Khái niệm mục tiêu cá nhân và các loại mục tiêu cá nhân*
- + *Sự cần thiết của việc xác định mục tiêu cá nhân*
- + *Cách xác định mục tiêu và các bước lập kế hoạch thực hiện mục tiêu cá nhân.*
- Trả lời câu hỏi bài tập 4 (phần Luyện tập) và hoàn thành nhiệm vụ phần Vận dụng.
- Làm bài tập Bài 6 – Sách bài tập Giáo dục công dân 8.
- Đọc và tìm hiểu trước nội dung **Bài 7 – Phòng, chống bạo lực gia đình.**

HẾT.

Ngày soạn: 11/01/2024

Ngày dạy: 18,25,01; 1,15/02/2024

TUẦN 19,20,21,22- TIẾT: 19,20,21,22
BÀI 7: PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Kể được các hình thức bạo lực gia đình phổ biến.
- Phân tích được tác hại của hành vi bạo lực gia đình đối với cá nhân, gia đình và xã hội.
- Nêu được một số quy định của pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình.
- Biết cách phòng, chống bạo lực gia đình.
- Phê phán các hành vi bạo lực gia đình trong gia đình và cộng đồng.

*** Tích hợp giáo dục Pháp luật về phòng chống tệ nạn xã hội. Giúp các em hiểu hình thức bạo lực gia đình thông qua hình ảnh. Ảnh hưởng của bạo lực gia đình đến xã hội. Một số quy định của Pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình.**

2. Năng lực

Năng lực chung:

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.
- *Năng lực tự chủ và tự học:* biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.
- *Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

Năng lực riêng:

- *Năng lực điều chỉnh hành vi:* thể hiện bằng lời nói và việc làm, ngăn chặn hành vi bạo lực gia đình. Ngoài ra, biết cách phòng, chống bạo lực gia đình.
- *Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội:* Tìm hiểu, phân tích được một số hiện tượng bạo lực gia đình trong thực tiễn cuộc sống. Vận dụng được các kiến thức đã học để phân tích, đánh giá, xử lý tình huống, tham gia các hoạt động phòng, chống bạo lực gia đình trong thực tiễn.

3. Phẩm chất

- Trung thực, trách nhiệm, dũng cảm đấu tranh phòng, chống các hành vi bạo lực trong gia đình và cộng đồng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC

1. Đối với giáo viên

- Giáo án, SGK, SGV, SBT Giáo dục công dân 8.
- Tranh ảnh, truyện, thơ ca, trường hợp, tình huống, trò chơi, những ví dụ thực tế gắn với chủ đề bài học.

- Máy tính, bài giảng powerpoint,....

2. Đối với học sinh

- SGK Giáo dục công dân 8.
- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm có liên quan đến nội dung bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Khai thác vốn hiểu biết của HS về bạo lực gia đình để kết nối vào bài học.

b. Nội dung:

- GV tổ chức cho HS chia sẻ về hành vi bạo lực gia đình và trả lời các câu hỏi.
- GV dẫn dắt HS vào bài học.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về một số hành vi bạo lực gia đình và chuẩn kiến thức của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV tổ chức cho HS chia sẻ về một số hành vi bạo lực gia đình và trả lời câu hỏi:

- *Hãy kể về một số hành vi bạo lực gia đình mà em biết?*
- *Em có ý kiến gì về hành vi đó?*

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS quan sát hình ảnh, vận dụng hiểu biết thực tế, suy nghĩ và trả lời câu hỏi.
- GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ.

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV mời đại diện 1 – 2 HS trả lời câu hỏi.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá và lấy ví dụ thêm về một số hành vi bạo lực gia đình:

+ *Cưỡng ép tảo hôn, cưỡng ép kết hôn,...*

+ *Lãng mạ, cố ý xúc phạm danh dự, nhân phẩm*

- GV dẫn dắt HS vào bài học: *Gia đình là nơi mỗi người được chăm sóc, nuôi dưỡng và yêu thương, góp phần hình thành và phát triển nhân cách. Tuy nhiên, không phải gia đình nào cũng đem lại cho con người niềm hạnh phúc ấy. Bạo lực gia đình đã và đang gây hậu quả nghiêm trọng, nhất là đối với phụ nữ và trẻ em.*

Để tìm hiểu rõ hơn về đề này, chúng ta sẽ cùng nhau đi tìm hiểu trong bài học ngày hôm nay – Bài 7: Phòng, chống bạo lực gia đình.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1. Tìm hiểu các hình thức và hậu quả của bạo lực gia đình

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS nêu được các hình thức và hậu quả của bạo lực gia đình.

b. Nội dung:

- GV hướng dẫn HS đọc các thông tin trong Sgk tr.41, 42 và trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn HS kể thêm những hình thức bạo lực gia đình khác.
- GV cùng HS rút ra kết luận về các hình thức và hậu quả của bạo lực gia đình.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về các hình thức và hậu quả của bạo lực gia đình và chuẩn kiến thức của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập. Tích hợp giáo dục Pháp luật về phòng chống tệ nạn xã hội. - GV mời 2 HS đọc lần lượt thông tin 1, 2, 3, 4, 5 sgk tr.41, 42. - GV hướng dẫn HS cả lớp thành 6 nhóm và yêu cầu các nhóm thực hiện nhiệm vụ: + Nhóm 1, 2: Đọc thông tin 1, 2 và trả lời câu hỏi: Em hãy nêu những hình thức bạo lực gia đình trong các trường hợp trên? Tác hại của nó? + Nhóm 3, 4: Đọc thông tin 3, 4 và trả lời câu hỏi: Em hãy nêu những hình thức bạo lực gia đình trong các trường hợp trên? Tác hại của nó? + Nhóm 5, 6: Đọc thông tin 5 và trả lời câu hỏi: Bạo lực gia đình đã gây ra tác hại gì cho cá nhân, gia đình và xã hội? - GV yêu cầu HS kể thêm những hình thức bạo lực gia đình khác. - GV tổng hợp các ý kiến trên bảng lớp. - GV hướng dẫn HS rút ra kết luận và nêu các hình thức và hậu quả của bạo lực gia đình. Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập - HS làm việc theo nhóm, đọc thông tin Sgk thảo luận và trả lời câu hỏi.	1. Tìm hiểu các hình thức và hậu quả của bạo lực gia đình - Các hình thức phổ biến : + Bạo lực về thể chất: là hành vi ngược đãi, đánh đập làm tổn thương sức khỏe, tính mạng của thành viên gia đình. + Bạo lực về tinh thần: là những lời nói, thái độ, hành vi làm tổn thương tới danh dự, nhân phẩm,... + Bạo lực về kinh tế: hành vi xâm phạm các quyền lợi kinh tế của thành viên gia đình (quyền sở hữu tài sản, quyền tự do lao động,...). + Bạo lực về tình dục: là hành vi mang tính chất cưỡng ép thành viên trong gia đình quan hệ tình dục, cưỡng ép mang thai, sinh con. - Hậu quả: + Gây ảnh hưởng xấu đến hạnh phúc gia đình và trật tự xã hội, gây thương tích về thân thể, thậm chí gây tử vong. + Làm tổn thương về tinh thần đối với những người bị bạo lực,...

- HS dựa vào hiểu biết của bản thân để kể thêm những hình thức bạo lực gia đình khác.

- HS rút ra kết luận về các hình thức và hậu quả của bạo lực gia đình theo hướng dẫn của GV.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận:

+ Nhóm 1, 2:

Trường hợp 1: Bạo lực về thể chất.

Hậu quả: Không khí gia đình nặng nề, mẹ con P bị đánh và đuổi ra khỏi nhà.

Trường hợp 2: Bạo lực về tinh thần.

Hậu quả: Không khí gia đình nặng nề, ngột ngạt.

+ Nhóm 3, 4:

Trường hợp 3: Bạo lực về kinh tế.

Hậu quả: Bố mẹ và anh cả của anh K không có nhà ở, phải về quê ở nhờ nhà họ hàng.

Trường hợp 4: Bạo lực về tình dục.

Hậu quả: Chị Y vừa mệt mỏi về thể xác vừa căng thẳng về tinh thần.

+ Nhóm 5, 6: Bạo lực gia đình gây ảnh hưởng xấu đến hạnh phúc gia đình và trật tự xã hội, gây tổn hại về thân thể, tổn hại kinh tế, tổn thương về tinh thần đối với những người bị bạo lực.

- GV mời đại diện 1 – 2 HS kể thêm những hình thức bạo lực gia đình khác:

+ Bạo lực về thể chất: ngược đãi, đánh đập làm tổn thương sức khỏe,...

+ Bạo lực về tinh thần: là những lời nói, thái độ, hành vi làm tổn thương tới danh dự, nhân phẩm,...

+ <i>Bạo lực về kinh tế: hành vi xâm phạm các quyền lợi kinh tế của thành viên gia đình,...</i> + <i>Bạo lực về tình dục: Cưỡng ép quan hệ tình dục, cưỡng ép mang thai, sinh con,...</i> - GV mời đại diện 1 – 2 HS rút ra kết luận về các hình thức và hậu quả của bạo lực gia đình. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá và kết luận. - GV chuyển sang nội dung mới.	
---	--

Hoạt động 2. Tìm hiểu một số quy định của pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình. Tích hợp giáo dục Pháp luật về phòng chống tệ nạn xã hội.

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS nêu được một số quy định của pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình.

b. Nội dung:

- GV hướng dẫn HS đọc các thông tin SGK tr.42, 43, 44 và trả lời câu hỏi.
- GV cùng HS rút ra kết luận về một số quy định của pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về một số quy định của pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình và chuẩn kiến thức của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV hướng dẫn HS đọc thông tin SGK tr.42, 43, 44, thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi: + <i>Qua bốn trường hợp ở mục 1, em hãy cho biết ai vi phạm, ai là nạn nhân của hành vi vi phạm luật về phòng, chống bạo lực gia đình?</i> Bước 2: HS tiếp nhận thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc các thông tin SGK, thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi.	2. Tìm hiểu một số quy định của pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình - Việc phòng, chống bạo lực gia đình được Nhà nước quy định trong Luật Phòng chống bạo lực gia đình và một số văn bản khác (Hiến pháp, Bộ luật Dân sự, Bộ luật Hình sự, Luật Hôn nhân và Gia đình, Luật Trẻ em hiện hành,...).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận - GV mời đại diện báo cáo kết quả thảo luận, ghi vào phiếu thảo luận (<i>bảng đính kèm phía dưới hoạt động</i>). Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá, chốt đáp án. - GV chuyển sang nội dung mới.	
---	--

PHIẾU KẾT QUẢ THẢO LUẬN VỀ CÁC HÀNH VI VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH

Trường hợp	Người vi phạm	Nạn nhân
1	Bố bạn P	Mẹ con bạn P
2	Mẹ bạn H	Bố con bạn H
3	Vợ chồng anh K	Vợ chồng bác T và con trai cả
4	Chồng chị Y	Chị Y

Hoạt động 3. Tìm hiểu cách phòng, chống bạo lực gia đình

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS biết được các cách phòng, chống bạo lực gia đình.

b. Nội dung:

- GV hướng dẫn HS quan sát các bức tranh SGK tr.44, 45 và trả lời câu hỏi.
- GV cùng HS rút ra kết luận về cách phòng, chống bạo lực gia đình.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về cách phòng, chống bạo lực gia đình và chuẩn kiến thức của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập. Tích hợp giáo dục Pháp luật về phòng chống tệ nạn xã hội. - GV hướng dẫn HS quan sát các bức tranh Sgk tr.44, 45. - GV hướng dẫn HS cả lớp thành 6 nhóm và yêu cầu các nhóm thực hiện nhiệm vụ: + Nhóm 1, 2: Quan sát tranh thể hiện trường hợp trước khi xảy ra bạo lực gia đình và trả lời câu hỏi:	3. Tìm hiểu cách phòng, chống bạo lực gia đình. Các cách phòng, chống bạo lực gia đình : - Để phòng tránh bạo lực gia đình: + Tôn trọng, bình đẳng, chia sẻ, yêu thương các thành viên trong gia đình; kiềm chế cảm xúc tiêu cực.

- Các bạn trong những trường hợp trên đã làm gì để phòng tránh bạo lực gia đình?

- Theo em, còn có cách nào khác để phòng tránh bạo lực gia đình?



+ **Nhóm 3, 4:** Quan sát tranh thể hiện trường hợp khi xảy ra bạo lực gia đình và trả lời câu hỏi:

- Các bạn trong những bức tranh trên đã làm gì để phòng tránh bạo lực gia đình?

- Theo em, còn có cách xử lý nào khác để phòng tránh bạo lực gia đình?



+ **Nhóm 5, 6:** Quan sát tranh thể hiện trường hợp sau khi xảy ra bạo lực gia đình và trả lời câu hỏi:

- Nêu cách xử lý sau khi xảy ra bạo lực gia đình ở các trường hợp trên?

- Theo em, còn có cách xử lý nào khác để phòng tránh bạo lực gia đình?

+ Rời khỏi nơi có nguy cơ xảy ra bạo lực gia đình, nói với người đáng tin cậy để nhờ can thiệp.

+ Không nên dùng lời nói, thái độ tích cực để tỏ thái độ thách thức, nhờ người khác can thiệp bằng cách thức tiêu cực.

- Khi xảy ra bạo lực gia đình:

+ Cần bình tĩnh, kiềm chế cảm xúc, tìm đường thoát, chủ động nhờ người giúp đỡ.

+ Không nên dùng lời nói, thái độ tiêu cực hoặc sử dụng hành vi bạo lực để đáp trả.

- Để xử lý hậu quả của bạo lực gia đình:

+ Nên thông báo sự việc cho người thân, những người tin cậy.

+ Nhờ sự trợ giúp từ bệnh viện, cơ sở tư vấn tâm lý, tổ hòa giải,...

+ Không nên giấu giếm, bao che cho đối phương, tự tìm cách giải quyết bằng những biện pháp tiêu cực.

- Cần phê phán, đấu tranh chống những hành vi bạo lực trong gia đình và cộng đồng.



- GV tổng hợp các ý kiến trên bảng lớp.
- GV hướng dẫn HS rút ra kết luận và nêu các cách phòng, chống bạo lực gia đình.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS làm việc theo nhóm, quan sát các bức tranh SGK, thảo luận và trả lời câu hỏi.
- HS rút ra kết luận về các cách phòng, chống bạo lực gia đình theo hướng dẫn của GV.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận:

+ **Nhóm 1, 2:** *Trước khi xảy ra bạo lực gia đình:*

Tranh 1: Kiểm chế cảm xúc tiêu cực.

Tranh 2: Nhờ người can thiệp.

Tranh 3: Ghi số điện thoại của người/ tổ chức tin cậy để khi xảy ra bạo lực gia đình có thể gọi điện nhờ can thiệp.

Cách khác: Rời khỏi nơi có khả năng xảy ra bạo lực gia đình.

+ **Nhóm 3, 4:** *Khi xảy ra bạo lực gia đình:*

Tranh 1: Nhờ hàng xóm can thiệp.

Tranh 2: Khuyến can.

Tranh 3: Gọi điện cho người thân.

Cách khác: Bình tĩnh, kiềm chế cảm xúc, tìm đường thoát, chủ động nhờ

người giúp đỡ. Không nên dùng lời nói, thái độ tiêu cực hoặc sử dụng hành vi bạo lực để đáp trả.

+ **Nhóm 5, 6:** Sau khi xảy ra bạo lực gia đình:

Tranh 1: Đưa nạn nhân đến cơ sở y tế.

Tranh 2: Thể hiện mong muốn gia đình hạnh phúc, người thân kiềm chế, không gây ra bạo lực gia đình.

Tranh 3: Báo với người có thẩm quyền nhờ can thiệp.

Cách khác: Nhờ sự trợ giúp của cơ sở tư vấn tâm lý, tổ hòa giải,...

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá và chốt đáp án.
- GV kết luận về các cách phòng, chống bạo lực gia đình.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS củng cố kiến thức, rèn luyện kỹ năng phòng, chống bạo lực gia đình.

b. Nội dung:

- GV yêu cầu HS trả lời nhanh các câu hỏi trắc nghiệm.
- GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân, thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi bài tập phần Luyện tập.

c. Sản phẩm: HS chọn được đáp án đúng cho các câu hỏi trắc nghiệm, hoàn thành câu hỏi bài tập phần Luyện tập và chuẩn kiến thức của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động 1: Trả lời câu hỏi trắc nghiệm

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV lần lượt đọc các câu hỏi trắc nghiệm và yêu cầu HS xung phong trả lời nhanh:

Câu 1: Những người thường có xu hướng gây ra bạo lực gia đình là người nào?

- A. Người mẹ hết mực yêu thương con cái.
- B. Ông bà luôn cố gắng dạy dỗ con cháu thành người tốt.
- C. Các anh chị em hòa thuận trong gia đình.
- D. Người bố thường xuyên uống rượu.

Câu 2: Bạo lực về thể chất là những hành vi nào sau đây?

- A. Những hành vi gây tổn thương tới nhân phẩm, danh dự của các thành viên trong gia đình.
- B. Những hành vi gây tổn thương tới thể xác, tính mạng của các thành viên trong gia đình.
- C. Là những hành vi cố tình gây tổn hại về kinh tế của một số thành viên trong gia đình.
- D. Là các hành vi cố tình lăng mạ một thành viên trong gia đình.

Câu 3: Nguyên nhân chính dẫn đến việc cha mẹ bạo hành con cái là gì?

- A. Vì cha mẹ không yêu thương con cái.
- B. Vì tâm lý có rên giữa nghiêm ngặt thì con cái mới không hư hỏng.
- C. Vì con cái trong gia đình thua kém con nhà hàng xóm.
- D. Vì cha mẹ luôn muốn bản thân có được tiếng nói lớn trong gia đình.

Câu 4: Một đứa trẻ lớn lên trong một gia đình truyền thống bạo lực gia đình thì sẽ có tâm lý như thế nào?

- A. Cảm nhận được đầy đủ tình thương từ gia đình.
- B. Cảm thấy lo lắng bất an, sợ hãi, mất niềm tin vào chính gia đình nơi mình được sinh ra.
- C. Chuyện của bố mẹ không ảnh hưởng gì tới con cái.
- D. Những đứa trẻ đó sẽ không bị ảnh hưởng từ những việc mà bố mẹ chúng đã làm.

Câu 5: Ba của B hay đi làm về khuya, thi thoảng ba uống rượu say khướt về đến nhà lại hay nổi cáu. Mỗi lần như thế là ba lại dùng những lời lẽ lăng nhê để chì chiết mẹ, có khi còn là những trận đòn roi. Theo em, nếu B chứng kiến cảnh ba đánh đập mẹ, B sẽ có suy nghĩ như thế nào?

- A. B cảm thấy thương mẹ.
- B. B sẽ cảm thấy ba là một người không đáng kính.
- C. B sẽ dần dần hình thành định kiến về ba của mình, không còn tin tưởng vào giá trị âm áp của gia đình.
- D. B sẽ học các tính cách của ba khi lớn lên.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS vận dụng kiến thức đã học và hiểu biết thực tế của bản thân về phòng, chống bạo lực gia đình để trả lời câu hỏi.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời đại diện 1 – 2 HS trả lời lần lượt các câu hỏi:

Câu	1	2	3	4	5
Đáp án	D	B	B	B	C

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, chốt đáp án.
- GV chuyển sang hoạt động mới.

Hoạt động 2: Trả lời câu hỏi bài tập phần Luyện tập (SGK tr.8, 9)

*Nhiệm vụ 1: Em đồng tình hay không đồng tình với ý kiến/ việc làm nào dưới đây?
Vì sao?*

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV hướng dẫn HS trả lời câu hỏi bài tập 1 dưới dạng Phiếu học tập:

Quan điểm	Đồng tình	Không đồng tình	Giải thích
a. Bạo lực gia đình chỉ gây nên đau đớn về thể xác cho nạn nhân.			
b. Bạo lực gia đình gây nên những tổn hại về kinh tế cho gia đình và xã hội.			
c. Người gây ra hành vi bạo lực gia đình chỉ bị xã hội lên án chứ không bị pháp luật trừng phạt.			
d. Kích động người khác thực hiện hành vi bạo lực gia đình là vi phạm pháp luật.			
e. Nạn nhân bị bạo lực gia đình có quyền im lặng khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu nói ra sự thật.			
g. Cần lên án, tố cáo hành vi bạo lực gia đình dù mình không liên quan tới nạn nhân.			

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS làm việc cá nhân, vận dụng kiến thức đã học về phòng, chống bạo lực gia đình để trả lời câu hỏi.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời HS trả lời câu hỏi và thu Phiếu học tập:

Quan điểm	Đồng tình	Không đồng tình	Giải thích
a. Bạo lực gia đình chỉ gây nên đau đớn về thể xác cho nạn nhân.		x	Bạo lực gia đình còn gây tổn hại về kinh tế và tổn thương tinh thần cho nạn nhân.
b. Bạo lực gia đình gây nên những tổn hại về kinh tế cho gia đình và xã hội.	x		Thông tin 5 trong mục 1 phần Khám phá.
c. Người gây ra hành vi bạo lực gia đình chỉ bị xã hội lên án chứ không bị pháp luật trừng phạt.		x	Người gây ra hành vi bạo lực gia đình vừa bị xã hội lên án vừa bị pháp luật trừng phạt vì đó là hành vi vi phạm pháp luật.
d. Kích động người khác thực hiện hành vi bạo lực gia đình là vi phạm pháp luật.	x		Kích động người khác thực hiện hành vi bạo lực gia đình là tiếp tay cho bạo lực gia đình.
e. Nạn nhân bị bạo lực gia đình có quyền im lặng khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu nói ra sự thật.		x	Luật Phòng, chống bạo lực gia đình quy định: Người bị bạo lực gia đình có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin liên quan đến hành vi bạo lực gia đình khi có yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền.
g. Cần lên án, tố cáo hành vi bạo lực gia đình dù mình không liên quan tới nạn nhân.	x		Dù mình không liên quan tới nạn nhân thì vẫn cần lên án, tố cáo hành vi bạo lực gia đình để góp phần cho một xã hội ổn định và phát triển bền vững.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.
- GV chuyển sang nhiệm vụ mới.

Nhiệm vụ 2: Xếp các hành vi bạo lực gia đình vào các hình thức tương ứng

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân và trả lời câu hỏi bài tập 2:

Em hãy sắp xếp các hành vi bạo lực gia đình dưới đây vào hình thức tương ứng (SGK tr.47):

- Mỗi khi làm gì sai, bạn Y lại bị bố đánh.*
- Chị X ngăn cản chồng cũ không được đến thăm con.*
- Đặt kì vọng quá lớn vào con trai, bố mẹ bạn C bắt con học quá nhiều, không có thời gian nghỉ ngơi, khiến bạn bị trầm cảm.*
- Mặc dù mới 14 tuổi, bạn Q đã bị bố mẹ bắt làm việc nặng nhọc, quá sức.*
- Mỗi lần tức giận, ông M lại bị đập phá đồ đạc trong nhà.*

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc tình huống, vận dụng kiến thức đã học và hiểu biết thực tế về phòng, chống bạo lực gia đình để trả lời câu hỏi.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động thảo luận

- GV mời đại diện 1-2 HS sắp xếp các hành vi bạo lực gia đình vào các hình thức tương ứng:

- a - Bạo lực thể chất b - Bạo lực tinh thần c - Bạo lực tinh thần*
d - Bạo lực thể chất e - Bạo lực kinh tế

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.
- GV chuyển sang nhiệm vụ mới.

Nhiệm vụ 3: Xử lý tình huống

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV chia HS cả lớp thành 4 nhóm và giao nhiệm vụ cụ thể cho các nhóm:

- **Nhóm 1:** *Xây dựng tiểu phẩm và sắm vai về nội dung tình huống a: Em sẽ làm gì nếu ở trong những tình huống sau: Đang học ở trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh, chị H bị bố mẹ ép nghỉ học để lấy chồng.*
- **Nhóm 2:** *Xây dựng tiểu phẩm và sắm vai về nội dung tình huống b: Em sẽ làm gì nếu ở trong những tình huống sau: Nhiều lần chứng kiến chú hàng xóm đánh con nhỏ, bạn B rất thương em bé nhưng chưa biết làm thế nào để giúp em.*
- **Nhóm 3:** *Xây dựng tiểu phẩm và sắm vai về nội dung tình huống c: Em sẽ làm gì nếu ở trong những tình huống sau: Bố mẹ li hôn. Bạn C sống cùng với bố và mẹ kế. Trước mặt bố, mẹ kế luôn ngọt ngào, nhưng khi bố vừa đi ra khỏi nhà, bạn đã bị mắng chửi, thậm chí bị đánh đập.*

- **Nhóm 4:** Xây dựng tiểu phẩm và sắm vai về nội dung tình huống d: Em sẽ làm gì nếu ở trong những tình huống sau: Bạn T ở cùng với bác họ. Hằng này, bác bắt bạn phải thức khuya dậy sớm, lao động nặng nhọc. Vì vậy, đã 14 tuổi mà T còi cọc chỉ như đứa trẻ lên mười.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong nhóm, vận dụng kiến thức đã học và hiểu biết thực tế về phòng chống bạo lực gia đình để sắm vai và xử lý tình huống.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động thảo luận

- GV mời các đại diện 4 nhóm lần lượt sắm vai và diễn tiểu phẩm:

+ **Tình huống a:** Chị H nên thuyết phục bố mẹ bằng cả lý và tình: Nói với bố mẹ quy định của Pháp luật về tuổi kết hôn, tác hại của việc kết hôn sớm, về bạo lực gia đình,... Nếu không được, chị H nên nhờ người can thiệp (thầy cô giáo, người có uy tín trong bản làng,...)

+ **Tình huống b:** Bạn B nên tìm người có trách nhiệm (công an, tổ trưởng dân phố,...) để báo cho họ biết và can thiệp, giúp em bé thoát khỏi tình trạng này.

+ **Tình huống c:** Bạn C nên tìm thời điểm thuận lợi, nói với bố về điều này. Nếu bố không tin, C có thể nhờ sự can thiệp của người lớn có trách nhiệm. C nên tìm cách lưu lại những bằng chứng để có căn cứ cho bố tin vào điều C nói. C cũng có thể nói thẳng với mẹ kể là mình sẽ báo người lớn về hành vi đối xử không tốt của mẹ kế.

+ **Tình huống d:** T nên nhờ người thân (nếu có) can thiệp giúp đỡ. Nếu không, T nên tìm người có thẩm quyền nhờ giúp đỡ và tìm cách để thoát khỏi hoàn cảnh đó.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.

- GV chuyển sang nội dung mới.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng những kiến thức đã học vào thực tế cuộc sống để thực hiện được vào việc phòng chống bạo lực gia đình bằng lời nói, việc làm phù hợp với lứa tuổi.

b. Nội dung: GV hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ tại nhà.

c. Sản phẩm:

- Áp phích với nội dung “Nói không với bạo lực gia đình”.

- Tiểu phẩm về chủ đề “Phòng, chống bạo lực gia đình”.

d. Tổ chức thực hiện:

Nhiệm vụ 1: Thiết kế một áp phích với nội dung “Nói không với bạo lực gia đình”

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS làm việc nhóm đôi và thực hiện nhiệm vụ: Thiết kế một áp phích với nội dung “Nói không với bạo lực gia đình”.

- GV trình chiếu cho HS tham khảo một số hình ảnh về chủ đề “Nói không với bạo lực gia đình”:



Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thảo luận, sưu tầm thông tin, tư liệu, hình ảnh trên sách, báo, internet,...để thiết kế áp phích.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

HS nộp sản phẩm vào bài học sau.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV chuyển sang nhiệm vụ mới.

Nhiệm vụ 2: *Em hãy cùng các bạn trong nhóm xây dựng và biểu diễn một tiểu phẩm về chủ đề “Phòng, chống bạo lực gia đình”*

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV chia HS thành 4 nhóm.
- GV yêu cầu các nhóm thực hiện nhiệm vụ: *Em hãy cùng các bạn trong nhóm xây dựng và biểu diễn một tiểu phẩm về chủ đề “Phòng, chống bạo lực gia đình”.*
- GV hướng dẫn HS: Để chuẩn bị nội dung dựng tiểu phẩm, có thể dựa vào một số gợi ý sau:
 - + *Tiểu phẩm viết về vấn đề, hành vi nào liên quan tới bạo lực gia đình?*
 - + *Có mấy nhân vật, gồm những ai?*
 - + *Diễn biến câu chuyện, ai đúng, ai vi phạm luật pháp về phòng chống bạo lực gia đình?*
 - + *Hậu quả, biện pháp được sử dụng trong tiểu phẩm?*
 - + *Ý nghĩa của những hành động đó?*

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS làm việc nhóm, phân chia công việc cho từng thành viên, lên ý tưởng, thảo luận và thực hiện.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

HS nộp sản phẩm vào bài học sau.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV nhận xét, củng cố, dặn dò và kết thúc bài học.

HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Ôn lại kiến thức đã học:
 - + *Các hình thức và hậu quả của hành vi bạo lực gia đình.*
 - + *Một số quy định của pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình.*
 - + *Cách phòng, chống bạo lực gia đình.*
- Trả lời câu hỏi bài tập 3 (phần Luyện tập) và hoàn thành nhiệm vụ phần Vận dụng.
- Làm bài tập Bài 7 – Sách bài tập Giáo dục công dân 8.
- Đọc và tìm hiểu trước nội dung **Bài 8 – Lập kế hoạch chi tiêu.**

HẾT.

Ngày soạn: 15/2/2024

Ngày dạy: 22,29/2; 7/3/2024

TUẦN 22-24- TIẾT: 23,24,25
BÀI 8: LẬP KẾ HOẠCH CHI TIÊU

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Sau bài học này, HS sẽ:

- Nhận biết được sự cần thiết phải thiết lập kế hoạch chi tiêu.
- Nêu được cách lập kế hoạch chi tiêu.
- Lập được kế hoạch chi tiêu và tạo thói quen chi tiêu hợp lý.
- Giúp đỡ bạn bè, người thân lập kế hoạch chi tiêu hợp lý.

2. Năng lực

Năng lực chung:

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.
- *Năng lực tự chủ và tự học:* biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.
- *Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

Năng lực riêng:

- *Năng lực điều chỉnh hành vi:* Lập được kế hoạch chi tiêu cá nhân phù hợp theo hướng dẫn; Thực hiện được kế hoạch chi tiêu đã đề ra.
- *Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội:* Nhận biết được một số hiện tượng, vấn đề của đời sống xã hội về lập kế hoạch chi tiêu; Bước đầu biết cách thu thập, xử lý thông tin, tìm hiểu một số hiện tượng, sự kiện, tình huống về lập kế hoạch chi tiêu; Vận dụng các kiến thức đã học để phân tích, đánh giá, xử lý tình huống trong thực tiễn cuộc sống về lập kế hoạch chi tiêu.

3. Phẩm chất

- Có trách nhiệm khi lập và thực hiện kế hoạch chi tiêu.
- Giúp đỡ bạn bè, người thân lập kế hoạch chi tiêu hợp lý.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC

1. Đối với giáo viên

- Giáo án, SGK, SGV, SBT Giáo dục công dân 8.
- Giấy A4, Phiếu học tập.
- Tranh ảnh, clip, mẫu chuyện, tục ngữ, ca dao về lập kế hoạch chi tiêu.
- Đồ dùng đơn giản để sắm vai.
- Máy chiếu, bài giảng powerpoint,...

2. Đối với học sinh

- SGK Giáo dục công dân 8.
- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm có liên quan đến nội dung bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Khai thác vốn sống, trải nghiệm của HS, tạo hứng thú và những hiểu biết ban đầu của HS về chủ đề lập kế hoạch chi tiêu.

b. Nội dung:

- GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi “Giải bài toán thu chi”.
- GV dẫn dắt HS vào bài học.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về cách lập kế hoạch chi tiêu.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Giải bài toán thu chi” với nội dung:

Giả sử mẹ đưa cho em 150.000 đồng để mua thức ăn cho cả nhà dùng trong một ngày. Em hãy nêu phương án thực hiện nhiệm vụ này và giải thích vì sao em chọn như vậy ?

- GV tiếp tục yêu cầu HS trả lời câu hỏi: *Theo em, vì sao phải tính toán như vậy?*

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS lắng nghe nội dung trò chơi, vận dụng hiểu biết thực tế, suy nghĩ và lập kế hoạch chi tiêu hợp lí.

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV mời đại diện 2 – 3 HS trình bày phương án chi tiêu của mình với điều kiện không trùng với đáp án của bạn chơi trước (*không nói đến số người ăn trong gia đình*):

+ **Phương án 1:**

- Rau = 10.000 đ
 - Thịt lợn = 0,5 kg x 120.000 đ/kg = 60.000 đ
 - Cá = 1 kg x 50.000 đ/kg = 50.000 đ
 - Trái cây = 30.000 đ
- => Tổng cộng mua hết 150.000 đ

+ **Phương án 2:**

- Rau = 16.000 đ
- Thịt bò = 0,2 kg x 240.000 đ/kg = 48.000 đ
- Đậu phụ = 20.000 đ
- Thịt lợn = 0,3 kg x 120.000 đ/kg = 36.000 đ
- Trái cây = 30.000 đ

=> Tổng cộng 150.000 đ

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá và mời cả lớp bình chọn từng phương án. HS nào có phương án được các bạn trong lớp giơ tay bình chọn nhiều nhất thì là người thắng cuộc.

- GV dẫn dắt HS vào bài học: *Trong cuộc sống, chúng ta luôn phải tính toán chi tiêu sao cho hợp lý, phù hợp với thu nhập, thực hiện được tiết kiệm để tổ chức cuộc sống của bản thân, gia đình ổn định và phát triển.*

Để tìm hiểu rõ hơn về đề này, chúng ta sẽ cùng nhau đi tìm hiểu trong bài học ngày hôm nay – Bài 8: Lập kế hoạch chi tiêu.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1. Tìm hiểu sự cần thiết phải lập kế hoạch chi tiêu

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS nhận biết được sự cần thiết phải lập kế hoạch chi tiêu.

b. Nội dung:

- GV hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGKtr.48 và trả lời câu hỏi.

- GV cùng HS rút ra kết luận về sự cần thiết phải lập kế hoạch chi tiêu.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về sự cần thiết phải lập kế hoạch chi tiêu và chuẩn kiến thức của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV mời 1 HS đọc thông tin SGK tr.48. - GV hướng dẫn HS cả lớp thành 6 nhóm và yêu cầu các nhóm thực hiện nhiệm vụ: + Nhóm 1, 2: Đọc thông tin và trả lời câu hỏi a: <i>Việc bạn Phương chi tiêu tùy tiện đã dẫn đến khó khăn gì trong cuộc sống? Nếu mẹ không đủ tiền để đưa thêm thì điều gì sẽ xảy ra?</i> + Nhóm 3, 4: Đọc thông tin và trả lời câu hỏi b: <i>Em hãy dự đoán những khó khăn có thể xảy ra nếu Phương tiếp tục chi tiêu như vậy?</i>	1. Tìm hiểu sự cần thiết phải lập kế hoạch chi tiêu - Kế hoạch chi tiêu xác định các tài khoản chi tiêu dựa trên những nguồn lực hiện có để thực hiện những mục tiêu tài chính của cá nhân, gia đình. - Lập kế hoạch chi tiêu giúp cân bằng được tài chính, tránh những khoản chi tiêu không cần thiết, thực hiện được tiết kiệm, góp phần tạo dựng cuộc sống ổn định, âm no.

+ **Nhóm 5, 6:** *Đọc thông tin và trả lời câu hỏi c: Em hãy nêu lí do cần phải lập kế hoạch chi tiêu?*

- GV tổng hợp các ý kiến trên bảng lớp.
- GV hướng dẫn HS rút ra kết luận về sự cần thiết phải lập kế hoạch chi tiêu.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS làm việc theo nhóm, đọc thông tin SHS, thảo luận và trả lời câu hỏi.
- HS rút ra kết luận về sự cần thiết phải lập kế hoạch chi tiêu theo hướng dẫn của GV.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận:

+ **Câu hỏi a:** *Việc chi tiêu tùy tiện của bạn Phương đã dẫn đến sinh hoạt của gia đình bạn bị đảo lộn: những thứ cần thiết như rau, cá, thịt,... bị thiếu và 5 ngày bạn đã chi tiêu hết tiền.*

Nếu mẹ không có đủ tiền để đưa thêm thì sẽ bất ổn trong sinh hoạt gia đình, có thể vay mượn tiền để đi chợ.

+ **Câu hỏi b:** *Nếu vẫn tiếp tục chi tiêu không có kế hoạch sẽ dẫn đến những vấn đề: nợ nhiều hơn, không đảm bảo sức khỏe cho các thành viên trong gia đình, không có khoản tiền dự phòng cho những lúc cần thiết, không tiết kiệm được tiền để đầu tư, mua sắm những vật dụng thiết yếu trong gia đình, đi du lịch, thực hiện những kế hoạch khác,...*

+ **Câu hỏi c:** *Lập kế hoạch chi tiêu giúp cân bằng tài chính, tránh những khoản chi không cần thiết, thực hiện được tiết kiệm, góp phần tạo dựng cuộc*

<i>sống ổn định, ấm no và không ngừng phát triển.</i> - GV mời đại diện 1 – 2 HS rút ra kết luận về sự cần thiết phải lập kế hoạch chi tiêu. - GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá và kết luận. - GV chuyển sang nội dung mới.	
---	--

Hoạt động 2. Tìm hiểu cách lập kế hoạch chi tiêu

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS nêu được cách lập kế hoạch chi tiêu.

b. Nội dung:

- GV hướng dẫn HS đọc các thông tin SGK tr.49, 50 và viết ra khổ giấy lớn các bước lập kế hoạch chi tiêu.

- GV cùng HS rút ra kết luận về các bước lập kế hoạch chi tiêu.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về các bước lập kế hoạch chi tiêu và chuẩn kiến thức của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV chia lớp thành 5 nhóm, hướng dẫn các nhóm đọc các thông tin SGK tr.49, 50 và viết ra khổ giấy lớn các bước lập kế hoạch chi tiêu. - GV giao nhiệm vụ cho mỗi HS tự lập một kế hoạch chi tiêu cá nhân theo các bước vừa học. Bước 2: HS tiếp nhận thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc thông tin SGK, thảo luận nhóm và viết các bước lập kế hoạch chi tiêu. - HS vận dụng kiến thức được học, lập kế hoạch chi tiêu cá nhân. - GV quan sát, hướng dẫn.	2. Tìm hiểu cách lập kế hoạch chi tiêu <i>- Các bước lập kế hoạch chi tiêu:</i> + Bước 1: Xác định mục tiêu và thời hạn thực hiện dựa trên nguồn lực hiện có. + Bước 2: Xác định các khoản cần chi. + Bước 3: Thiết lập quy tắc thu, chi. + Bước 4: Thực hiện kế hoạch chi tiêu. + Bước 5: Kiểm tra và điều chỉnh kế hoạch chi tiêu.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận - GV mời đại diện từng nhóm trình bày (mỗi nhóm chỉ trình bày 1 nội dung của một bước).. - GV mời 2-3 HS trình bày kế hoạch chi tiêu của mình. - GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến. Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá, chốt đáp án. - GV chuyển sang nội dung mới.	
---	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS củng cố kiến thức, rèn luyện kỹ năng xử lý tình huống, liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân với những vấn đề liên quan đến lập kế hoạch chi tiêu.

b. Nội dung:

- GV yêu cầu HS trả lời nhanh các câu hỏi trắc nghiệm.
- GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân, thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi bài tập phần Luyện tập.

c. Sản phẩm: HS chọn được đáp án đúng cho các câu hỏi trắc nghiệm, hoàn thành câu hỏi bài tập phần Luyện tập và chuẩn kiến thức của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động 1: Trả lời câu hỏi trắc nghiệm

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV lần lượt đọc các câu hỏi trắc nghiệm và yêu cầu HS xung phong trả lời nhanh:

Câu 1: Nếu chi tiêu không có kế hoạch thì sẽ dẫn đến hậu quả gì?

A. Mua thừa đồ này, thiếu đồ kia; chi phí bị tổn hao bởi các khoản chi không chính đáng.

B. Tích ra được các khoản tiền tiết kiệm.

C. Có thể mua được nhiều đồ dùng mà mình yêu thích.

D. Không bị phụ thuộc ràng buộc bởi các nguyên tắc.

Câu 2: Khi thực hiện kế hoạch chi tiêu, cần tập trung vào các khoản chi nào?

A. Chi phát sinh.

B. Chi thiết yếu, chi cần thiết nhưng có thể linh hoạt.

C. Chi thiết yếu, chi cần thiết nhưng có thể linh hoạt, chi phát sinh.

D. Chi cần thiết nhưng có thể linh hoạt.

Câu 3: Em tán thành với những ý kiến nào dưới đây?

- A. Sau khi đã lập được kế hoạch cần chi tiêu một cách hợp lý để thực hiện được những mục tiêu đã đề ra.
- B. Chỉ cần có kế hoạch là chúng ta đã có thể có chi tiêu hợp lý.
- C. Không cần kiểm tra hay thực hiện thêm bất cứ điều gì sau khi đã lập được kế hoạch chi tiêu.
- D. Kế hoạch chi tiêu là một trong những điều giúp chúng ta có thể xóa đói giảm nghèo.

Câu 4: Sắp vào năm học, em cần mua thêm một số đồ dùng học tập nhưng số tiền tiêu vặt mẹ cho hằng ngày không quá nhiều để có thể mua được số đồ dùng mà em mong muốn em phải làm như thế nào?

- A. Xin mẹ thêm tiền để mua các đồ dùng mà mình muốn.
- B. Lên danh sách những món đồ mà mình cần mua, thực hiện tiết kiệm mỗi ngày từ số tiền mà mẹ cho để có thể mua được những món đồ mà mình cần.
- C. Bỏ bớt các món đồ cần mua để có thể mua được với số tiền tiêu vặt mà mẹ cho.
- D. Hỏi vay thêm bạn bè để có đủ số tiền cần thiết dùng để mua đồ dùng học tập khi vào trong năm học.

Câu 5: Ngọc muốn mua được bộ sách mới ra của tác giả Antoine de Saint-Exupéry nhưng số tiền mà Ngọc đang có chưa đủ. Theo em, Ngọc có thể thực hiện tiết kiệm chi tiêu như thế nào để đạt được mục tiêu mua bộ sách mới?

- A. Ngọc có thể xin thêm mẹ tiền để mua bộ sách yêu thích.
- B. Ngọc có thể kêu gọi bạn bè cùng góp tiền mua chung bộ sách.
- C. Để có được tiền mua bộ sách mới Ngọc có thể tiết kiệm tiền từ các khoản tiền tiêu vặt hằng ngày, kiếm thêm một số tiền từ các kế hoạch nhỏ của bản thân.
- D. Ngọc có thể lên kế hoạch xin người thân thêm tiền để thực hiện kế hoạch mua sách, vì mua sách là một mục tiêu tốt nên chắc chắn người thân sẽ sẵn sàng giúp đỡ Ngọc.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS vận dụng kiến thức đã học và hiểu biết thực tế của bản thân về lập kế hoạch chi tiêu để trả lời câu hỏi.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời đại diện 1 – 2 HS trả lời lần lượt các câu hỏi:

Câu	1	2	3	4	5
Đáp án	A	C	B	B	C

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu đáp án khác (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, chốt đáp án.
- GV chuyển sang hoạt động mới.

Hoạt động 2: Trả lời câu hỏi bài tập phần Luyện tập (SGK tr.8, 9)

*Nhiệm vụ 1: Em tán thành hay không tán thành với ý kiến/ việc làm nào dưới đây?
Vì sao?*

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV hướng dẫn HS trả lời câu hỏi bài tập 1 dưới dạng Phiếu học tập:

Quan điểm	Tán thành	Không tán thành	Giải thích
a) Lập kế hoạch chi tiêu chủ yếu để thực hiện mục tiêu tiết kiệm.			
b) Đảm bảo các khoản chi thiết yếu là nội dung quan trọng trong kế hoạch chi tiêu.			
c) Chỉ những người có thói quen chi tiêu tùy tiện mới cần lập kế hoạch chi tiêu.			
d) Chỉ những người có ít tiền mới cần lập kế hoạch chi tiêu.			

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong nhóm, vận dụng kiến thức đã học về lập kế hoạch chi tiêu để trả lời câu hỏi.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời HS trả lời câu hỏi và thu Phiếu học tập:

Quan điểm	Tán thành	Không tán thành	Giải thích
a) Lập kế hoạch chi tiêu chủ yếu để thực hiện mục tiêu tiết kiệm.		x	Lập kế hoạch chi tiêu trước hết thường hướng đến mục tiêu cân đối thu chi.

b) Đảm bảo các khoản chi thiết yếu là nội dung quan trọng trong kế hoạch chi tiêu.	x		Việc lập kế hoạch chi tiêu để đạt được nhiều mục tiêu khác nhau nhưng trước hết phải đảm bảo các khoản chi thiết yếu để đảm bảo cuộc sống.
c) Chỉ những người có thói quen chi tiêu tùy tiện mới cần lập kế hoạch chi tiêu.		x	Ai cũng cần lập kế hoạch chi tiêu để tạo một thói quen chi tiêu có kế hoạch và tránh được việc chi tiêu tùy tiện.
d) Chỉ những người có ít tiền mới cần lập kế hoạch chi tiêu.		x	Ai cũng cần lập kế hoạch chi tiêu để tạo một thói quen chi tiêu có kế hoạch và tránh được việc chi tiêu tùy tiện.

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

- GV chuyển sang nhiệm vụ mới.

Nhiệm vụ 2: Thói quen chi tiêu dưới đây chưa hợp lí? Vì sao?

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân và trả lời câu hỏi bài tập 2 theo dạng Phiếu bài tập:

Thói quen	Hợp lí	Chưa hợp lí	Giải thích
a) Xác định thứ tự ưu tiên những thứ cần mua.			
b) Xác định giá tiền những thứ cần mua.			
c) Liệt kê những thứ cần mua.			
d) Khảo giá những loại đồ muốn mua ở vài nơi để lựa chọn nơi nào có đồ cùng chất lượng nhưng giá rẻ hơn thì mua.			

e) Chỉ chi tiêu cho những việc thực sự cần thiết.			
g) Chỉ chọn những đồ đắt tiền để mua.			
h) Chỉ chọn mua những trường đồ có giá rẻ nhất.			

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc tình huống, vận dụng kiến thức đã học và hiểu biết thực tế về lập kế hoạch chi tiêu để trả lời câu hỏi.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động thảo luận

- GV mời HS trả lời câu hỏi và thu Phiếu học tập:

Thói quen	Hợp lí	Chưa hợp lí	Giải thích
a) Xác định thứ tự ưu tiên những thứ cần mua.	x		Khi số tiền có hạn, việc sắp xếp thứ tự ưu tiên những thứ cần mua sẽ đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng ở mức tốt nhất.
b) Xác định giá tiền những thứ cần mua.	x		Đây là cách tình được có thể mua tất cả những thứ đó với số tiền được chi hay không. Nếu không, sẽ có căn cứ để lựa chọn mua những gì cần thiết cho phù hợp.
c) Liệt kê những thứ cần mua.	x		Làm như vậy sẽ mua được đúng và đủ những thứ cần thiết, tránh mua tùy tiện.
d) Khảo giá những loại đồ muốn mua ở vài nơi để lựa chọn nơi nào có đồ cùng chất lượng nhưng giá rẻ hơn thì mua.	x		Làm như vậy sẽ đảm bảo mua được hàng với chi phí ít nhất có thể.

e) Chỉ chi tiêu cho những việc thực sự cần thiết.	x		Làm như vậy sẽ luôn đảm bảo những nhu cầu thực sự cần thiết, tránh chi tiêu tùy tiện, lãng phí.
g) Chỉ chọn những đồ đắt tiền để mua.		x	Nếu chỉ mua đồ đắt sẽ rất tốn tiền, nhiều khi không phù hợp với số tiền mình đang có.
h) Chỉ chọn mua những trường đồ có giá rẻ nhất.		x	Những đồ có giá rẻ nhất nhiều khi có chất lượng kém, không an toàn cho sức khỏe (nhất là đồ ăn, thức uống,...)

- GV yêu cầu các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung cho nhóm bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.

- GV chuyển sang nhiệm vụ mới.

Nhiệm vụ 3: Em hãy đọc các trường hợp và thực hiện yêu cầu

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV hướng dẫn HS làm việc theo nhóm đôi và hoàn thành bài tập 3 SGK tr.51: *Em hãy đọc các trường hợp và thực hiện yêu cầu:*

a) *Theo em, bạn H nên quyết định như thế nào? Vì sao?*

b) *Hãy nêu phương án lựa chọn của em và giải thích vì sao?*

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc các trường hợp SHS, vận dụng kiến thức đã học và hiểu biết thực tế về lập kế hoạch chi tiêu và trả lời câu hỏi.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động thảo luận

- GV mời đại diện 1-2 trình bày ý kiến của mình đối với từng trường hợp:

+ **Trường hợp a:** *Đây là tình huống giải quyết bài toán chi tiêu sao cho phù hợp với điều kiện hoàn cảnh cụ thể, giải quyết được hài hòa các mối quan hệ trong đời sống:*

- *Đồng ý chi 400.000 đ để mua vé tham gia vui chơi, nếu số tiền còn lại 600.000 đ vẫn thực hiện được những dự định chi tiêu khác như mua quà biếu bà, sách, áo và góp quỹ từ thiện.*

- *Nếu phần còn lại ít quá, ảnh hưởng đến những dự định chi tiêu đề ra, H có thể đề nghị các bạn chơi những trò chơi khác không phải chi nhiều tiền như vậy, có thể chỉ là 200.000 đ để các bạn vẫn vui.*

- Không loại trừ phương án H sẽ từ chối mua vé vui chơi để thực hiện các mục tiêu đã đặt ra. Trong trường hợp này cũng cần ủng hộ vì đây là một cách thực hiện nghiêm túc kế hoạch chi tiêu đã được lập ra.

+ **Trường hợp b:** Đây là một tình huống giải quyết bài toán chi tiêu. Vấn đề là 200.000 đ mẹ cho để mua sách học tiếng Anh – một khoản thiết yếu. Nếu quyết định mua áo len thì số tiền còn lại là 50.000 đ không đủ để mua sách, do đó không nên mua. Nếu muốn mua phải lên kế hoạch tiết kiệm, kiếm thêm,... khi đủ tiền thì mới thực hiện, nếu không sẽ vi phạm nguyên tắc chi vượt quá nguồn thu.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.

- GV chuyển sang nội dung mới.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng những kiến thức đã học vào thực tế cuộc sống với không gian mới, tình huống mới nhằm tăng cường ý thức và kỹ năng thường xuyên vận dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết vấn đề có liên quan đến lập kế hoạch chi tiêu.

b. Nội dung: GV hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ tại nhà.

c. Sản phẩm:

- Bản kế hoạch khắc phục thói quen chi tiêu chưa hợp lí.

- Bài chia sẻ về thói quen chi tiêu hợp lí mà em tâm đắc.

d. Tổ chức thực hiện:

Nhiệm vụ 1: Em hãy lập và thực hiện kế hoạch để khắc phục thói quen chi tiêu chưa hợp lí

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân và thực hiện nhiệm vụ: Em hãy lập và thực hiện kế hoạch để khắc phục thói quen chi tiêu chưa hợp lí.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS vận dụng kiến thức được học, sưu tầm thông tin, tư liệu, ... để lập bản kế hoạch khắc phục thói quen chi tiêu chưa hợp lí.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

HS nộp sản phẩm vào bài học sau.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV chuyển sang nhiệm vụ mới.

Nhiệm vụ 2: Em hãy viết bài chia sẻ về một thói quen chi tiêu hợp lí mà em tâm đắc

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ: Em hãy viết bài chia sẻ về một thói quen chi tiêu hợp lí mà em tâm đắc.

- GV hướng dẫn HS: Để viết bài chia sẻ, có thể dựa vào một số gợi ý sau:
- + *Thói quen chi tiêu hợp lý đó là gì?*
- + *Em đã thực hiện nó được bao lâu? Ở hoàn cảnh, điều kiện nào?*
- + *Thói quen đó đã giúp em thay đổi cách chi tiêu như thế nào? Lợi ích của nó?*
- + *Em sẽ làm gì để duy trì thói quen đó?*

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS làm việc cá nhân, vận dụng hiểu biết của bản thân và viết bài.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

HS nộp sản phẩm vào bài học sau.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV nhận xét, củng cố, dặn dò và kết thúc bài học.

HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Ôn lại kiến thức đã học:
- + *Sự cần thiết phải lập kế hoạch chi tiêu.*
- + *Cách lập kế hoạch chi tiêu.*
- Trả lời câu hỏi bài tập 4, 5 (phần Luyện tập) và hoàn thành nhiệm vụ phần Vận dụng.
- Làm bài tập Bài 8 – Sách bài tập Giáo dục công dân 8.
- Đọc và tìm hiểu trước nội dung Bài 9 – *Phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.*

HẾT.

Ngày soạn: 7/03/2024

Ngày dạy: 14,21,28/03; 11/4/2024

TUẦN 25, 26,27,29- TIẾT 26,27,28,30
BÀI 9. PHÒNG NGỪA TAI NẠN VŨ KHÍ,
CHÁY, NỔ VÀ CÁC CHẤT ĐỘC HẠI

I. MỤC TIÊU.

1) Về kiến thức

- **Nêu được đặc điểm bom mìn, vật nổ, dấu hiệu nhận biết khu vực có thể có bom mìn, vật nổ.**

- **Kể được tên một số tai nạn vũ khí, cháy, nổ và chất độc hại; nhận diện được một số nguy cơ dẫn đến tai nạn vũ khí, cháy, nổ và chất độc hại.**

- **Trình bày được hậu quả của tai nạn vũ khí, cháy, nổ và chất độc hại.**

- **Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.**

- **Nhắc nhở, tuyên truyền, vận động người thân, bạn bè chủ động phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.**

*** Tích hợp QPAN: Ví dụ bằng hình ảnh về các vụ tai nạn, cháy nổ gây ra.**

2) Về năng lực

- **Năng lực chung:**

+ **Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.**

+ **Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.**

+ **Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.**

- **Năng lực đặc thù:**

+ **Năng lực điều chỉnh hành vi: Có thói quen tự bảo vệ bản thân, tuyên truyền vận động mọi người cùng nâng cao cảnh giác đề phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.**

+ **Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Tìm hiểu, phân tích được một số tai nạn vũ khí, cháy, nổ và chất độc hại trong thực tiễn cuộc sống; Vận dụng được các kiến thức đã học để phân tích, đánh giá, xử lý tình huống, tham gia các hoạt động phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại trong đời sống thực tiễn.**

3) Về phẩm chất

- **Có trách nhiệm trong phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.**

- **Nhân ái: Trân trọng danh dự, sức khỏe của mình và người khác; không đồng tình với các hành vi sử dụng vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại làm ảnh hưởng đến sức khỏe của người khác**

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Công dân 8;

- Tranh/ảnh, clip, câu chuyện, trò chơi, ví dụ thực tế,... liên quan tới bài học;

- Trích một số điều luật liên quan nội dung bài học;

- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng PowerPoint,....

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động: Mở đầu

a) Mục tiêu. Tạo tâm thế tích cực và giúp HS có hiểu biết ban đầu về bài học mới.

b) Nội dung. Học sinh làm việc theo nhóm, quan sát các hình ảnh trong sách giáo khoa đưa ra và thực hiện yêu cầu:

Hãy kể về một vụ tai nạn vũ khí, cháy, nổ, các chất độc hại mà em biết và nêu những việc nên làm để phòng, tránh tai nạn đó.

c) Sản phẩm. Học sinh bước đầu biết và chỉ ra được những một số nguy cơ và hiểm họa cũng có thể gặp phải trong cuộc sống hàng ngày liên quan đến vũ khí, cháy nổ và chất độc hại như:

- Một số vụ tai nạn vũ khí, cháy, nổ, các chất độc hại mà em biết:
- + Cháy quán Karaoke An Phú ở Bình Dương (tháng 9/2022) khiến 32 người thiệt mạng
- + Ngộ độc thực phẩm tại trường Ischool Nha Trang (tháng 11/2022) khiến 665 học sinh phải nhập viện, trong đó có 1 trường hợp học sinh tử vong.
- + Nổ do cưa bom tại khu đô thị Văn Phú (Hà Đông) vào tháng 3/2016 khiến 4 người tử vong.
- Những việc nên làm để phòng, tránh tai nạn vũ khí, cháy, nổ, các chất độc hại:
- + Tự giác tìm hiểu, nâng cao nhận thức và thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.
- + Tích cực tuyên truyền, vận động gia đình, bạn bè và mọi người xung quanh thực hiện tốt các quy định của pháp luật về phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập:

Học sinh làm việc theo nhóm, quan sát các hình ảnh trong sách giáo khoa đưa ra và thực hiện yêu cầu:

Hãy kể về một vụ tai nạn vũ khí, cháy, nổ, các chất độc hại mà em biết và nêu những việc nên làm để phòng, tránh tai nạn đó.

Thực hiện nhiệm vụ

Giáo viên gọi từ một đến hai HS lên chia sẻ, các HS khác nhận xét về câu trả lời của bạn

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên yêu cầu một số học sinh trình bày việc chuẩn bị của bản thân mình
- Các học sinh khác chủ động tìm hiểu, góp ý, bổ sung hoàn thiện

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét đánh giá về quá trình thực hiện nhiệm vụ của học sinh

Gv nhấn mạnh:

Tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại luôn là nỗi ám ảnh đối với con người vì nó gây ra những tổn thất to lớn cho cá nhân, gia đình và toàn xã hội. Do đó, mỗi chúng ta cần chủ động tìm hiểu, nâng cao nhận thức cho bản thân về tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại đồng thời có thái độ, hành vi tích cực trong cuộc sống góp phần phòng ngừa các loại tai nạn nguy hiểm này.

2. Hoạt động: Khám phá

Nội dung 1: Tìm hiểu nội dung: Tìm hiểu về đặc điểm của bom mìn, vật nổ, dấu hiệu nhận biết khu vực có thể có bom mìn. Phân loại, nguy cơ, hậu quả của tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.

a. Mục tiêu.

- Nêu được đặc điểm bom mìn, vật nổ, dấu hiệu nhận biết khu vực có thể có bom mìn, vật nổ và hành vi nguy cơ dẫn đến tai nạn bom mìn, vật nổ và các loại vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.

- Trình bày được hậu quả của tai nạn Bom mìn, vũ khí, cháy, nổ và chất độc hại.
- HS nêu biết phân loại, nguy cơ, hậu quả của tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.

b) Nội dung.

- GV chia lớp thành các nhóm nhỏ và yêu cầu làm rõ các nội dung sau:

Nhóm 1: Nêu được đặc điểm bom mìn, vật nổ, dấu hiệu nhận biết khu vực có thể có bom mìn, vật nổ và hành vi nguy cơ dẫn đến tai nạn bom mìn, vật nổ.

Nhóm 2: Theo em, bên cạnh bom, mìn còn có những loại tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại nào khác?

Nhóm 3: Em hãy làm rõ các nguy cơ dẫn đến tai nạn bom, mìn và các loại vũ khí cháy, nổ.

Nhóm 4: Em hãy kể một số hậu quả do tai nạn bom, mìn và các loại vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại gây ra.

HS làm việc theo nhóm, đọc trường hợp 1,2,3, quan sát các bức tranh và thông tin trong mỗi bức tranh đưa ra và trả lời câu hỏi

a) Các thông tin, trường hợp trên đề cập đến những loại tai nạn nào? Theo em, còn có những loại tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại nào khác?

b) Hành vi của một số nhân vật trong các bức tranh trên có nguy cơ dẫn đến những tai nạn gì? Hãy kể thêm một số nguy cơ khác mà em biết.

c) Trong các thông tin, trường hợp trên, tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại đã gây ra những hậu quả gì? Hãy kể thêm một số hậu quả khác do tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại gây ra.

c) Sản phẩm.

- Đặc điểm bom mìn, vật nổ:

+ Chất liệu: Được làm từ nhiều chất liệu khác nhau (sắt, thép, gang, đồng, nhôm, nhựa, gỗ.v.v...).

+ Hình dạng, kích thước: Có hình dạng và kích thước khác nhau (dài, ngắn, tròn, dẹt, hình quả dứa, quả ôi, to, nhỏ.v.v).

- + Màu sắc: Có nhiều màu sắc khác nhau.

* Dấu hiệu nhận biết khu vực có bom mìn, vật nổ:

- Khu vực có biển cảnh báo về bom mìn, vật nổ
- Khu vực có tìm thấy bom mìn, vật nổ
- Khu vực có các dấu hiệu cho thấy đây là vùng chiến sự cũ.

- Các loại tai nạn được phản ánh trong những đoạn thông tin trên:

- + Thông tin 1: Tai nạn cháy, nổ do chập điện
- + Thông tin 2: Tai nạn nổ do hoạt động của bom
- + Thông tin 3: Tai nạn ngộ độc thực phẩm

- Những loại tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại khác:

+ Cháy nổ do hoạt động: rà phá bom, mìn,...

+ Cháy, nổ do: rò rỉ khí ga; nắng nóng kéo dài; sét đánh hoặc do để những vật liệu dễ cháy gần nguồn nhiệt.

+ Tai nạn do tự chế tạo pháo, súng hoặc cất giấu vũ khí trong nhà.

+ Ngộ độ thủy ngân;

+ Ngộ độc thực phẩm do chế biến và bảo quản thực phẩm sai cách.

- Nguy cơ tai nạn trong các bức tranh: (Tích hợp QPAN)

+ Tranh số 1: sử dụng điện thoại, thiết bị điện tử tại trạm đổ xăng, dầu => nguy cơ dẫn đến tai nạn cháy, nổ.

+ Tranh 2: tự chế súng để săn bắt thú rừng => nguy cơ dẫn đến: nổ, ảnh hưởng đến sức khỏe và tính mạng của bản thân cùng những người xung quanh.

- Một số nguy cơ khác: : (Tích hợp QPAN)

+ Cháy nổ ro hoạt động: rà phá bom, mìn,...; dò rỉ khí ga; nắng nóng kéo dài; sét đánh hoặc do để những vật liệu dễ cháy gần nguồn nhiệt.

+ Tai nạn do tự chế tạo pháo hoặc cất giấu vũ khí trong nhà.

Hậu quả từ tai nạn do: vũ khí, cháy, nổ và chất độc hại gây ra:

+ Ảnh hưởng đến sức khỏe (thể chất, tinh thần) thậm chí là tính mạng của các cá nhân.

+ Thiệt hại tài sản, kinh tế của các cá nhân, gia đình và xã hội

+ Gây ra tình trạng ô nhiễm môi trường.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Giao nhiệm vụ học tập - GV chia lớp thành các nhóm nhỏ và yêu cầu làm rõ các nội dung sau: Nhóm 1: Nêu được đặc điểm bom mìn, vật nổ, dấu hiệu nhận biết khu vực có thể có bom mìn, vật nổ và hành vi nguy cơ dẫn đến tai nạn bom mìn, vật nổ. Nhóm 2: Theo em, bên cạnh bom, mìn còn có những loại tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại nào khác? Nhóm 3: Em hãy làm rõ các nguy cơ dẫn đến tai nạn bom, mìn và các loại vũ khí cháy, nổ. Nhóm 4: Em hãy kể một số hậu quả do tai nạn bom, mìn và các loại vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại gây ra. HS làm việc theo nhóm, đọc trường hợp 1,2,3, quan sát các bức tranh và thông tin trong mỗi bức tranh đưa ra và trả lời câu hỏi a) Các thông tin, trường hợp trên đề cập đến những loại tai nạn nào? Theo em, còn có những loại tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại nào khác? b) Hành vi của một số nhân vật trong các bức tranh trên có nguy cơ dẫn đến những tai nạn gì? Hãy kể thêm một số nguy cơ khác mà em biết. c) Trong các thông tin, trường hợp trên, tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại đã gây ra những hậu quả gì? Hãy kể thêm một số hậu quả khác do tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại gây ra. Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh đọc thông tin. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra. Báo cáo, thảo luận	1. Phân loại, nguy cơ, hậu quả của tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại. - Một số nguy cơ dẫn đến tai nạn vũ khí, cháy, nổ, các chất độc hại, như: + Thiết bị điện quá tải; + Rò rỉ khí ga; + Thiết bị điện kém chất lượng; + Nắng nóng kéo dài; + Nguyên vật liệu xây dựng dễ cháy; + Trang, thiết bị phòng cháy, chữa cháy không đảm bảo; + Chế biến, bảo quản thực phẩm sai cách; + Cất giấu vũ khí trong nhà; + Sấm sét khi mưa giông,... b. Hậu quả - Tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại để lại hậu quả: + Ảnh hưởng đến sức khỏe, thiệt hại tài sản gia đình, cá nhân, xã hội; + Ô nhiễm môi trường; + Chết người;...

- Giáo viên gọi một số học sinh đại diện các nhóm đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra - Các học sinh còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. Kết luận, nhận định - Giáo viên nhận xét câu trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét. - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm rõ các hiểm họa cũng như hậu quả to lớn do tai nạn vũ khí, cháy nổ và các chất độc hại gây ra. - Tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại để lại hậu quả: Ảnh hưởng đến sức khỏe thiệt hại tài sản gia đình, cá nhân, xã hội; ô nhiễm môi trường; chết người: ...	
---	--

Nội dung 2: Tìm hiểu nội dung: Quy định cơ bản của pháp luật về phòng, ngừa tai nạn, vũ khí, cháy nổ và các chất độc hại.

a) Mục tiêu. HS chỉ ra được các quy định của pháp luật về phòng, ngừa tai nạn, vũ khí, cháy nổ và các chất độc hại.

b) Nội dung. HS làm việc theo nhóm, đọc các quy định của pháp luật về phòng, ngừa tai nạn, vũ khí, cháy nổ và các chất độc hại mà sách giáo khoa đưa ra căn cứ vào đó để giải quyết các trường hợp sách giáo khoa đưa ra

a) Dựa vào thông tin pháp luật, em hãy chỉ ra các chủ thể trong thông tin, trường hợp 2, 3, 4, 5 đã thực hiện quy định của pháp luật về phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại như thế nào.

b) Em hãy nêu một số quy định khác của pháp luật về phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.

c) Sản phẩm.

- Trường hợp 2:

+ Anh X có ý định mua vật liệu về nhà tự quân pháo. Nếu thực hiện hành vi này, anh X sẽ vi phạm khoản 2 điều 5 Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2017.

+ Anh D từ chối tham gia và khuyên anh X không nên làm pháo. Hành vi của anh D là thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Trường hợp 3:

+ Hành vi chế tạo, tàng trữ, mua bán vũ khí, công cụ hỗ trợ của 10 đối tượng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đã vi phạm khoản 2 điều 5 Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2017.

+ Cơ quan công an tỉnh Kiên Giang đã thực hiện đúng quy định của pháp luật khi khởi tố và bắt tạm giam 10 đối tượng có hành vi chế tạo, tàng trữ, mua bán vũ khí, công cụ hỗ trợ.

- Trường hợp 4:

+ Người hàng xóm khuyên gia đình ông B dùng hóa chất để làm sạch đồ ăn từ nội tạng động vật. Hành vi này vi phạm quy định của khoản 3 điều 7 Luật hóa chất năm 2007.

+ Gia đình ông B đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về phòng chống tai nạn do chất độc hại gây ra.

- Trường hợp 5: Anh Q và nhóm bạn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về phòng, chống tai nạn cháy nổ.

Một số quy định khác của pháp luật về phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại:

- **Khoản 2 điều 8** Luật Hóa chất năm 2007 nghiêm cấm thực hiện hành vi: không công bố thông tin cần thiết, cung cấp thông tin không đầy đủ, thông tin sai lệch, che giấu thông tin về đặc tính nguy hiểm của hóa chất, sản phẩm chứa chất nguy hiểm.

- **Khoản 3 điều 5** Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2017, sửa đổi, bổ sung năm 2020 nghiêm cấm thực hiện hành vi: mang trái phép vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ vào/ ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc nơi cấm, khu vực cấm, khu vực bảo vệ và mục tiêu bảo vệ.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Giao nhiệm vụ học tập HS làm việc theo nhóm, đọc các quy định của pháp luật về phòng, ngừa tai nạn, vũ khí, cháy nổ và các chất độc hại mà sách giáo khoa đưa ra căn cứ vào đó để giải quyết các trường hợp sách giáo khoa đưa ra a) Dựa vào thông tin pháp luật, em hãy chỉ ra các chủ thể trong thông tin, trường hợp 2, 3, 4, 5 đã thực hiện quy định của pháp luật về phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại như thế nào. b) Em hãy nêu một số quy định khác của pháp luật về phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại. Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh đọc thông tin. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra. Báo cáo, thảo luận - Giáo viên gọi một số học sinh đại diện các nhóm đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra - Các học sinh còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. Kết luận, nhận định - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm rõ các quy định của pháp luật về phòng, ngừa tai nạn, vũ khí, cháy nổ và các chất độc hại Gv nhấn mạnh: Các quy định của pháp luật về phòng, ngừa tai nạn, vũ khí, cháy nổ và các chất độc hại được quy định cụ thể trong các luật như: + Luật phòng cháy và chữa cháy năm 2011 sửa đổi, bổ sung năm 2013 + Luật quản lý vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2017 sửa đổi bổ sung năm 2020 + Luật bảo vệ môi trường năm 2020	2. Quy định cơ bản của pháp luật về phòng, ngừa tai nạn, vũ khí, cháy nổ và các chất độc hại. - Pháp luật Việt Nam quy định: + Cấm tàng trữ, vận chuyển, buôn bán, sử dụng trái phép các loại vũ khí, chất nổ, chất cháy, chất phóng xạ và các chất độc hại khác,... + Chỉ những cơ quan, tổ chức, cá nhân được Nhà nước giao nhiệm vụ và cho phép mới được giữ, chuyên chở và sử dụng vũ khí, chất nổ, chất cháy, chất phóng xạ và chất độc hại; + Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm bảo quản, chuyên chở và sử dụng vũ khí, chất nổ, chất cháy, chất phóng xạ và chất độc hại phải được huấn luyện về chuyên môn, có đủ phương tiện cần thiết và luôn tuân thủ quy định về an toàn.

Nội dung 3: Tìm hiểu nội dung: Trách nhiệm của công dân trong việc phòng, ngừa tai nạn, vũ khí, cháy nổ và các chất độc hại. (Tích hợp QPAN)

a) Mục tiêu. Học sinh nêu được trách nhiệm của công dân trong việc phòng, ngừa tai nạn, vũ khí, cháy nổ và các chất độc hại.

b) Nội dung. HS làm việc cá nhân, đọc các thông tin sách giáo khoa đưa ra và thực hiện yêu cầu sau

a) Em hãy cho biết những nhân vật trong các bức tranh trên đã làm gì để phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.

b) Em hãy chỉ ra trách nhiệm của công dân trong việc phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.

c) Nêu những việc em cần làm để phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.

c) Sản phẩm.

- Tranh số 1: khi phát hiện một vật thể lạ giống mìn, bạn học sinh nữ đã: tránh xa vật thể, cảnh báo mọi người xung quanh và báo thông tin cho người lớn tin cậy.

- Tranh số 2: các bạn học sinh tham gia hoạt động tuyên truyền về phòng chống tai nạn do vũ khí, cháy, nổ, chất độc hại.

- Tranh số 3: gia đình bạn học sinh nữ sử dụng thuốc bảo vệ thực vật đúng quy trình.

- Tranh số 4: khi phát hiện 2 bạn T và H có ý định mua đồ về để chế tạo pháo, bạn học sinh nữ đã báo cáo thông tin tới giáo viên.

Trách nhiệm của công dân trong việc phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại:

- Tự giác tìm hiểu, nâng cao nhận thức và thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.

- Tích cực tuyên truyền, vận động gia đình, bạn bè và mọi người xung quanh thực hiện tốt các quy định của pháp luật về phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.

- Tố cáo những hành vi vi phạm hoặc xúi giục người khác vi phạm các quy định của pháp luật về phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.

Những việc em cần làm để phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại:

+ Tự giác tìm hiểu và thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.

+ Tuyên truyền, vận động bạn bè và mọi người xung quanh thực hiện tốt các quy định.

+ Chủ động trang bị cho bản thân những kiến thức, kỹ năng để phòng ngừa/ ứng phó với tai nạn.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ HS làm việc cá nhân, đọc các thông tin sách giáo khoa đưa ra và thực hiện yêu cầu sau <i>Ý kiến của các bạn trong trường hợp trên đúng hay sai? Vì sao?</i> <i>Theo em, công dân có trách nhiệm gì trong việc phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại?</i> Thực hiện nhiệm vụ	3. Trách nhiệm của công dân trong việc phòng, ngừa tai nạn, vũ khí, cháy nổ và các chất độc hại. - Tự giác tìm hiểu, nâng cao nhận thức và thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.

- Học sinh cùng nhau đọc thông tin và thảo luận. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra. Báo cáo thảo luận - Giáo viên gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra qua việc trả lời câu hỏi - Các nhóm còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. Kết luận, nhận định - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét - Giáo viên chốt kiến thức giúp học sinh biết được các biện pháp để phòng, ngừa tai nạn, vũ khí, cháy nổ và các chất độc hại.	- Tích cực tuyên truyền, vận động gia đình, bạn bè và mọi người xung quanh thực hiện tốt các quy định của pháp luật về phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại. - Tố cáo những hành vi vi phạm hoặc xúi giục người khác vi phạm các quy định của pháp luật về phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.
---	---

3. Hoạt động: Luyện tập

Luyện tập 1: Em tán thành hay không tán thành với những ý kiến dưới đây? Vì sao?

a) Mục tiêu. HS củng cố kiến thức đã học thông qua thực hành xử lý tình huống cụ thể có liên quan đến nội dung bài học, có ý thức tự phòng, ngừa tai nạn, vũ khí, cháy nổ và các chất độc hại một cách phù hợp.

b) Nội dung. Học sinh làm việc cá nhân, cùng suy nghĩ, đưa ra các ý kiến để lý giải cho từng trường hợp cụ thể

c) Sản phẩm.

- **Ý kiến a)** Không đồng tình. Vì: bất cứ ai cũng có thể gặp phải tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.

- **Ý kiến b)** Không đồng tình. Vì: Phòng cháy, chữa cháy là trách nhiệm của mọi công dân, cơ quan, tổ chức và xã hội.

- **Ý kiến c)** Đồng tình. Vì: các tai nạn hóa chất độc hại có thể gây ra những ảnh hưởng lâu dài và phức tạp đối với sức khỏe của con người. Ảnh hưởng của hóa chất độc hại không dừng lại ở một thế hệ, mà có thể để lại di chứng ở nhiều thế hệ. Ví dụ: ở Việt Nam, chiến tranh đã qua đi hàng chục năm, những di chứng, ảnh hưởng của chất độc màu da cam vẫn còn để lại, gây đau khổ cho nhiều người.

- **Ý kiến d)** Đồng tình. Vì: tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại gây ảnh hưởng xấu đến sự phát triển của đất nước, xã hội và môi trường sinh thái. Do đó, thực hiện tốt các quy định của pháp luật về phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại cũng là hành động góp phần bảo vệ và phát triển đất nước.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc cá nhân

Các học sinh cùng suy nghĩ và đưa ra ý kiến của bản thân về từng trường hợp cụ thể

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau làm việc theo cá nhân

- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát để học sinh hiểu được các hình thức phòng, ngừa tai nạn, vũ khí, cháy nổ và các chất độc hại một cách phù hợp.

Câu hỏi 2: Theo em, các trường hợp sau tiềm ẩn nguy cơ dẫn đến tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại như thế nào?

a) Mục tiêu. HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống liên quan đến phòng, ngừa tai nạn, vũ khí, cháy nổ và các chất độc hại

b) Nội dung. HS làm việc cá nhân, đọc suy nghĩ và đưa ra quan điểm của bản thân cho từng tình huống

c) Sản phẩm.

- **Trường hợp a)** Mọi người đều được phép tàng trữ, sử dụng vũ khí => tiềm ẩn nguy cơ nổ hoặc các đối tượng xấu sử dụng vũ khí để xâm phạm sức khỏe, tính mạng, tài sản của người khác.

- **Trường hợp b)** Tàng trữ thuốc pháo, thuốc nổ trong nhà => tiềm ẩn nguy cơ xảy ra tai nạn cháy, nổ.

- **Trường hợp c)** Sử dụng mọi hoá chất trong sản xuất, chế biến, bảo quản thực phẩm => tiềm ẩn nguy cơ gây ngộ độc thực phẩm.

- **Trường hợp d)** Không tắt quạt điện, ti vi khi ra khỏi nhà => tiềm ẩn nguy cơ xảy ra tai nạn cháy, nổ (do cháy, chập điện).

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập

HS làm việc cá nhân, đọc suy nghĩ và đưa ra quan điểm của bản thân cho từng tình huống

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh làm việc theo cá nhân

- Hoàn thành bài viết theo yêu cầu để chia sẻ trước lớp

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát để hiểu rõ được sự cần thiết phải nâng cao nhận thức về phòng, ngừa tai nạn, vũ khí, cháy nổ và các chất độc hại.

Câu hỏi 3: Theo em, những hành vi dưới đây có thể dẫn đến những hậu quả gì?

a) Mục tiêu. HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống liên quan đến phòng, ngừa tai nạn, vũ khí, cháy nổ và các chất độc hại

b) Nội dung. Học sinh làm việc cá nhân tại nhà, suy nghĩ và chỉ ra một số nguy cơ cũng như cách phòng tránh đối với một số nguy cơ liên quan đến tai nạn, vũ khí, cháy nổ và các chất độc hại

c) Sản phẩm.

- Hành vi a) Hậu quả: chị C bị xử lý theo quy định của pháp luật (vì: hành vi báo cháy giả đã vi phạm khoản 4 điều 13 luật phòng cháy và chữa cháy năm 2001, sửa đổi, bổ sung năm 2013).

- Hành vi b) Hậu quả: bạn Q bị ngộ độc thực phẩm, có thể gây nguy hại đến sức khỏe, thậm chí là tính mạng; gia đình bà Q bị thiệt hại về kinh tế (do tốn kém kinh phí điều trị).

- Hành vi c) Hậu quả: tai nạn cháy, nổ; gây thiệt hại về sức khỏe, tính mạng và kinh tế của các cá nhân.

- Hành vi d) Hậu quả: tai nạn cháy, nổ; gây thiệt hại về sức khỏe, tính mạng và kinh tế của các cá nhân.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

Học sinh làm việc cá nhân tại nhà, suy nghĩ và chỉ ra một số nguy cơ cũng như cách phòng tránh đối với một số nguy cơ liên quan đến tai nạn, vũ khí, cháy nổ và các chất độc hại

Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh làm việc cá nhân tại nhà, suy nghĩ và chỉ ra một số nguy cơ cũng như cách phòng tránh đối với một số nguy cơ liên quan đến tai nạn, vũ khí, cháy nổ và các chất độc hại

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên tổ chức cho học sinh trình bày một số kỹ năng đã tìm hiểu

Kết luận, nhận định

- Giáo viên tổng hợp khái quát để học sinh hiểu được các cách ứng phó để phòng chống tai nạn, vũ khí, cháy nổ và các chất độc hại cho bản thân và gia đình.

Câu hỏi 4: Em hãy xử lý các tình huống dưới đây:

a) Mục tiêu. HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống thấy những cách ứng xử phù hợp khi gặp tai nạn, vũ khí, cháy nổ và các chất độc hại

b) Nội dung. HS làm việc nhóm, cùng trao đổi để đi đến thống nhất đưa ra quan điểm cho yêu cầu đặt ra

c) Sản phẩm.

- **Xử lý tình huống a)** Nếu là bạn A, em sẽ:

+ Giải thích để bố mẹ hiểu: tham gia tuyên truyền phổ biến kiến thức pháp luật về phòng cháy, chữa cháy là trách nhiệm của mọi công dân, trong đó có học sinh.

+ Hứa với bố mẹ: dù tham gia hoạt động tuyên truyền, nhưng vẫn đảm bảo hoàn thành tốt việc học tập ở trên lớp.

- **Xử lý tình huống b)** Nếu là bạn T, em sẽ:

+ Giải thích để cậu út hiểu: việc sử dụng quá nhiều thuốc trừ sâu sẽ dẫn đến nhiều hậu quả nghiêm trọng, như: gây độc cho rau, quả; gián tiếp gây hại cho sức khỏe con người; gây ô nhiễm môi trường và suy thoái tài nguyên đất.

+ Cung cấp thêm tới cậu út những thông tin, quy định của pháp luật về phòng chống tai nạn chất độc hại.

+ Khuyến cậu út nên: sử dụng những loại thuốc bảo vệ thực vật đúng quy định; có thể sử dụng các chế phẩm sinh học thay cho thuốc trừ sâu hóa học.

- **Xử lý tình huống c)** Nếu là M, em sẽ:

+ Giải thích để P hiểu: việc mang vật thể lạ (ngghi là súng) về nhà vừa vi phạm quy định của pháp luật, vừa gây nguy hiểm cho bản thân và gia đình.

+ Kiên quyết giao nộp vật thể lạ (ngghi là súng) cho cơ quan công an.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

HS làm việc nhóm, cùng nhau sắm vai để xử lý tình huống đặt ra

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh làm việc nhóm, cùng sắm vai nhân vật trong tình huống

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên mời các nhóm nhận xét về cách xử lý của các nhóm

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát để học sinh hiểu được thấy những cách ứng xử phù hợp khi gặp tai nạn, vũ khí, cháy nổ và các chất độc hại

Câu hỏi 5: Em đã thực hiện việc phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại như thế nào? Đối với những việc thực hiện chưa tốt, hãy nêu cách khắc phục theo bảng gợi ý dưới đây:

a) Mục tiêu. HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống thấy những cách ứng xử phù hợp khi gặp tai nạn, vũ khí, cháy nổ và các chất độc hại

b) Nội dung. HS làm việc nhóm, cùng trao đổi để đi đến thống nhất đưa ra quan điểm cho yêu cầu đặt ra

c) Sản phẩm.

Học sinh biết được những việc nên làm, những việc nên tránh nhằm phòng ngừa tai nạn, vũ khí, cháy nổ và các chất độc hại

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

HS làm việc nhóm, cùng trao đổi để đi đến thống nhất đưa ra quan điểm cho yêu cầu đặt ra

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh làm việc nhóm, suy nghĩ và hoàn thành bảng gợi ý

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên mời các nhóm nhận xét về cách xử lý của các nhóm

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát để học sinh hiểu được thấy những cách ứng xử phù hợp khi gặp tai nạn, vũ khí, cháy nổ và các chất độc hại

4. Hoạt động: Vận dụng

a. Mục tiêu: - HS vận dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.

- Thực hiện được việc phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.
- Nhắc nhở, tuyên truyền, vận động người thân, bạn bè chủ động phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.

b. Nội dung:

Gv: tổ chức cho Hs cử đại diện nhóm lên trình bày nội dung của bài tập 1 và 2 đã được chuẩn bị ở nhà theo sự phân công ở tiết trước.

BT1: Viết một đoạn văn về tầm quan trọng của việc phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ, các chất độc hại và chia sẻ với các bạn trong lớp.

BT2: Viết một đoạn văn ngắn để tuyên truyền cho người thân, bạn bè chủ động phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại

BT3: Tình huống : Vào dịp gần Tết, em phát hiện quầy tạp hóa bên cạnh nhà em có bán pháo nổ, một loại hàng mà Nhà nước đang cấm. Trước tình huống đó, em phải làm gì? Đại diện nhóm cử 1 bạn lên trình bày.

3. Sản phẩm: Bài viết của nhóm HS.

Bài 1: Em hãy viết một đoạn văn về tầm quan trọng của việc phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ, các chất độc hại và chia sẻ với các bạn trong lớp.

Con người luôn phải đối mặt với những thảm họa do vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại gây ra. Tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại có thể gây tổn thất về tính mạng và tài sản của cá nhân, gia đình, xã hội. Việc phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại sẽ giúp con người được an toàn, sống hạnh phúc hơn.

Do đó, mỗi chúng ta cần chủ động tìm hiểu, nâng cao nhận thức cho bản thân về tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại. Đồng thời, cần có thái độ, hành vi tích cực trong cuộc sống, góp phần phòng ngừa các loại tai nạn nguy hiểm này.

BT 2: Chiến tranh đã đi qua, nhưng tai nạn do vũ khí, bom mìn, vật nổ còn sót lại vẫn luôn là mối nguy hại đối với con người. Đặc biệt là những người dân sinh sống ở nơi xảy ra chiến sự cũ hay nơi có nhiều hố bom. Bom mìn, vật nổ còn sót lại sau chiến tranh có nguy cơ phát nổ dưới tác động vật lý(quá trình canh tác của người dân chạm vào hay rà sát, ...). Vì vậy chúng ta hãy tuyên truyền cho mọi người không nên đến khu vực có biển báo bom mìn, nếu quá trình canh tác mà phát hiện có vật lạ nghi là bom mìn thì phải báo ngay cho chính quyền địa phương xử lý, không nên tự ý nhặt lên xem, ... Để tránh gây ra những hậu quả đáng tiếc.

BT3: Em nên báo ngay cho công an địa phương để ngăn chặn kịp thời hành vi buôn bán, tàng trữ vũ khí, chất gây cháy, nổ. (tích hợp).

4. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Phân nhóm và qui định thời gian để HS báo cáo bài.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập:

- Các nhóm hội ý với nhau và cử đại diện lên trình bày.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Các nhóm lên bảng trình bày.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

- GV tổng hợp và kết luận.

- Học bài cũ, làm bài tập SBT.

IV. TỔNG KẾT VÀ HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Chuẩn bị bài mới: Bài 10: Quyền và nghĩa vụ lao động của công dân.

+ Tìm hiểu tình huống trang 59,60 SGK.

HẾT.

Ngày soạn: 7/03/2024

Ngày dạy: 14,21,28/03; 11/4/2024

TUẦN 25, 26,27,29- TIẾT 26,27,28,30
BÀI 9. PHÒNG NGỪA TAI NẠN VŨ KHÍ,
CHÁY, NỔ VÀ CÁC CHẤT ĐỘC HẠI

I. MỤC TIÊU.

1) Về kiến thức

- **Nêu được đặc điểm bom mìn, vật nổ, dấu hiệu nhận biết khu vực có thể có bom mìn, vật nổ.**

- **Kể được tên một số tai nạn vũ khí, cháy, nổ và chất độc hại; nhận diện được một số nguy cơ dẫn đến tai nạn vũ khí, cháy, nổ và chất độc hại.**

- **Trình bày được hậu quả của tai nạn vũ khí, cháy, nổ và chất độc hại.**

- **Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.**

- **Nhắc nhở, tuyên truyền, vận động người thân, bạn bè chủ động phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.**

*** Tích hợp QPAN: Ví dụ bằng hình ảnh về các vụ tai nạn, cháy nổ gây ra.**

2) Về năng lực

- **Năng lực chung:**

+ **Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.**

+ **Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.**

+ **Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.**

- **Năng lực đặc thù:**

+ **Năng lực điều chỉnh hành vi: Có thói quen tự bảo vệ bản thân, tuyên truyền vận động mọi người cùng nâng cao cảnh giác đề phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.**

+ **Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Tìm hiểu, phân tích được một số tai nạn vũ khí, cháy, nổ và chất độc hại trong thực tiễn cuộc sống; Vận dụng được các kiến thức đã học để phân tích, đánh giá, xử lý tình huống, tham gia các hoạt động phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại trong đời sống thực tiễn.**

3) Về phẩm chất

- **Có trách nhiệm trong phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.**

- **Nhân ái: Trân trọng danh dự, sức khỏe của mình và người khác; không đồng tình với các hành vi sử dụng vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại làm ảnh hưởng đến sức khỏe của người khác**

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Công dân 8;

- Tranh/ảnh, clip, câu chuyện, trò chơi, ví dụ thực tế,... liên quan tới bài học;

- Trích một số điều luật liên quan nội dung bài học;

- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng PowerPoint,....

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động: Mở đầu

a) Mục tiêu. Tạo tâm thế tích cực và giúp HS có hiểu biết ban đầu về bài học mới.

b) Nội dung. Học sinh làm việc theo nhóm, quan sát các hình ảnh trong sách giáo khoa đưa ra và thực hiện yêu cầu:

Hãy kể về một vụ tai nạn vũ khí, cháy, nổ, các chất độc hại mà em biết và nêu những việc nên làm để phòng, tránh tai nạn đó.

c) Sản phẩm. Học sinh bước đầu biết và chỉ ra được những một số nguy cơ và hiểm họa cũng có thể gặp phải trong cuộc sống hàng ngày liên quan đến vũ khí, cháy nổ và chất độc hại như:

- Một số vụ tai nạn vũ khí, cháy, nổ, các chất độc hại mà em biết:
- + Cháy quán Karaoke An Phú ở Bình Dương (tháng 9/2022) khiến 32 người thiệt mạng
- + Ngộ độc thực phẩm tại trường Ischool Nha Trang (tháng 11/2022) khiến 665 học sinh phải nhập viện, trong đó có 1 trường hợp học sinh tử vong.
- + Nổ do cưa bom tại khu đô thị Văn Phú (Hà Đông) vào tháng 3/2016 khiến 4 người tử vong.
- Những việc nên làm để phòng, tránh tai nạn vũ khí, cháy, nổ, các chất độc hại:
- + Tự giác tìm hiểu, nâng cao nhận thức và thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.
- + Tích cực tuyên truyền, vận động gia đình, bạn bè và mọi người xung quanh thực hiện tốt các quy định của pháp luật về phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập:

Học sinh làm việc theo nhóm, quan sát các hình ảnh trong sách giáo khoa đưa ra và thực hiện yêu cầu:

Hãy kể về một vụ tai nạn vũ khí, cháy, nổ, các chất độc hại mà em biết và nêu những việc nên làm để phòng, tránh tai nạn đó.

Thực hiện nhiệm vụ

Giáo viên gọi từ một đến hai HS lên chia sẻ, các HS khác nhận xét về câu trả lời của bạn

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên yêu cầu một số học sinh trình bày việc chuẩn bị của bản thân mình
- Các học sinh khác chủ động tìm hiểu, góp ý, bổ sung hoàn thiện

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét đánh giá về quá trình thực hiện nhiệm vụ của học sinh

Gv nhấn mạnh:

Tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại luôn là nỗi ám ảnh đối với con người vì nó gây ra những tổn thất to lớn cho cá nhân, gia đình và toàn xã hội. Do đó, mỗi chúng ta cần chủ động tìm hiểu, nâng cao nhận thức cho bản thân về tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại đồng thời có thái độ, hành vi tích cực trong cuộc sống góp phần phòng ngừa các loại tai nạn nguy hiểm này.

2. Hoạt động: Khám phá

Nội dung 1: Tìm hiểu nội dung: Tìm hiểu về đặc điểm của bom mìn, vật nổ, dấu hiệu nhận biết khu vực có thể có bom mìn. Phân loại, nguy cơ, hậu quả của tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.

a. Mục tiêu.

- Nêu được đặc điểm bom mìn, vật nổ, dấu hiệu nhận biết khu vực có thể có bom mìn, vật nổ và hành vi nguy cơ dẫn đến tai nạn bom mìn, vật nổ và các loại vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.

- Trình bày được hậu quả của tai nạn Bom mìn, vũ khí, cháy, nổ và chất độc hại.
- HS nêu biết phân loại, nguy cơ, hậu quả của tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.

b) Nội dung.

- GV chia lớp thành các nhóm nhỏ và yêu cầu làm rõ các nội dung sau:

Nhóm 1: Nêu được đặc điểm bom mìn, vật nổ, dấu hiệu nhận biết khu vực có thể có bom mìn, vật nổ và hành vi nguy cơ dẫn đến tai nạn bom mìn, vật nổ.

Nhóm 2: Theo em, bên cạnh bom, mìn còn có những loại tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại nào khác?

Nhóm 3: Em hãy làm rõ các nguy cơ dẫn đến tai nạn bom, mìn và các loại vũ khí cháy, nổ.

Nhóm 4: Em hãy kể một số hậu quả do tai nạn bom, mìn và các loại vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại gây ra.

HS làm việc theo nhóm, đọc trường hợp 1,2,3, quan sát các bức tranh và thông tin trong mỗi bức tranh đưa ra và trả lời câu hỏi

a) Các thông tin, trường hợp trên đề cập đến những loại tai nạn nào? Theo em, còn có những loại tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại nào khác?

b) Hành vi của một số nhân vật trong các bức tranh trên có nguy cơ dẫn đến những tai nạn gì? Hãy kể thêm một số nguy cơ khác mà em biết.

c) Trong các thông tin, trường hợp trên, tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại đã gây ra những hậu quả gì? Hãy kể thêm một số hậu quả khác do tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại gây ra.

c) Sản phẩm.

- Đặc điểm bom mìn, vật nổ:

+ Chất liệu: Được làm từ nhiều chất liệu khác nhau (sắt, thép, gang, đồng, nhôm, nhựa, gỗ.v.v...).

+ Hình dạng, kích thước: Có hình dạng và kích thước khác nhau (dài, ngắn, tròn, dẹt, hình quả dưa, quả ôi, to, nhỏ.v.v).

- + Màu sắc: Có nhiều màu sắc khác nhau.

* Dấu hiệu nhận biết khu vực có bom mìn, vật nổ:

- Khu vực có biển cảnh báo về bom mìn, vật nổ
- Khu vực có tìm thấy bom mìn, vật nổ
- Khu vực có các dấu hiệu cho thấy đây là vùng chiến sự cũ.

- Các loại tai nạn được phản ánh trong những đoạn thông tin trên:

- + Thông tin 1: Tai nạn cháy, nổ do chập điện
- + Thông tin 2: Tai nạn nổ do hoạt động của bom
- + Thông tin 3: Tai nạn ngộ độc thực phẩm

- Những loại tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại khác:

+ Cháy nổ do hoạt động: rà phá bom, mìn,...

+ Cháy, nổ do: rò rỉ khí ga; nắng nóng kéo dài; sét đánh hoặc do để những vật liệu dễ cháy gần nguồn nhiệt.

+ Tai nạn do tự chế tạo pháo, súng hoặc cất giấu vũ khí trong nhà.

+ Ngộ độ thủy ngân;

+ Ngộ độc thực phẩm do chế biến và bảo quản thực phẩm sai cách.

- Nguy cơ tai nạn trong các bức tranh: (Tích hợp QPAN)

+ Tranh số 1: sử dụng điện thoại, thiết bị điện tử tại trạm đổ xăng, dầu => nguy cơ dẫn đến tai nạn cháy, nổ.

+ Tranh 2: tự chế súng để săn bắt thú rừng => nguy cơ dẫn đến: nổ, ảnh hưởng đến sức khỏe và tính mạng của bản thân cùng những người xung quanh.

- Một số nguy cơ khác: : (Tích hợp QPAN)

+ Cháy nổ ro hoạt động: rà phá bom, mìn,...; dò rỉ khí ga; nắng nóng kéo dài; sét đánh hoặc do để những vật liệu dễ cháy gần nguồn nhiệt.

+ Tai nạn do tự chế tạo pháo hoặc cất giấu vũ khí trong nhà.

Hậu quả từ tai nạn do: vũ khí, cháy, nổ và chất độc hại gây ra:

+ Ảnh hưởng đến sức khỏe (thể chất, tinh thần) thậm chí là tính mạng của các cá nhân.

+ Thiệt hại tài sản, kinh tế của các cá nhân, gia đình và xã hội

+ Gây ra tình trạng ô nhiễm môi trường.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Giao nhiệm vụ học tập - GV chia lớp thành các nhóm nhỏ và yêu cầu làm rõ các nội dung sau: Nhóm 1: Nêu được đặc điểm bom mìn, vật nổ, dấu hiệu nhận biết khu vực có thể có bom mìn, vật nổ và hành vi nguy cơ dẫn đến tai nạn bom mìn, vật nổ. Nhóm 2: Theo em, bên cạnh bom, mìn còn có những loại tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại nào khác? Nhóm 3: Em hãy làm rõ các nguy cơ dẫn đến tai nạn bom, mìn và các loại vũ khí cháy, nổ. Nhóm 4: Em hãy kể một số hậu quả do tai nạn bom, mìn và các loại vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại gây ra. HS làm việc theo nhóm, đọc trường hợp 1,2,3, quan sát các bức tranh và thông tin trong mỗi bức tranh đưa ra và trả lời câu hỏi a) Các thông tin, trường hợp trên đề cập đến những loại tai nạn nào? Theo em, còn có những loại tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại nào khác? b) Hành vi của một số nhân vật trong các bức tranh trên có nguy cơ dẫn đến những tai nạn gì? Hãy kể thêm một số nguy cơ khác mà em biết. c) Trong các thông tin, trường hợp trên, tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại đã gây ra những hậu quả gì? Hãy kể thêm một số hậu quả khác do tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại gây ra. Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh đọc thông tin. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra. Báo cáo, thảo luận	1. Phân loại, nguy cơ, hậu quả của tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại. - Một số nguy cơ dẫn đến tai nạn vũ khí, cháy, nổ, các chất độc hại, như: + Thiết bị điện quá tải; + Rò rỉ khí ga; + Thiết bị điện kém chất lượng; + Nắng nóng kéo dài; + Nguyên vật liệu xây dựng dễ cháy; + Trang, thiết bị phòng cháy, chữa cháy không đảm bảo; + Chế biến, bảo quản thực phẩm sai cách; + Cất giấu vũ khí trong nhà; + Sấm sét khi mưa giông,... b. Hậu quả - Tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại để lại hậu quả: + Ảnh hưởng đến sức khỏe + Thiệt hại tài sản gia đình, cá nhân, xã hội; + Ô nhiễm môi trường; + Chết người;...

- Giáo viên gọi một số học sinh đại diện các nhóm đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra - Các học sinh còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. Kết luận, nhận định - Giáo viên nhận xét câu trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét. - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm rõ các hiểm họa cũng như hậu quả to lớn do tai nạn vũ khí, cháy nổ và các chất độc hại gây ra. - Tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại để lại hậu quả: Ảnh hưởng đến sức khỏe thiệt hại tài sản gia đình, cá nhân, xã hội; ô nhiễm môi trường; chết người: ...	
---	--

Nội dung 2: Tìm hiểu nội dung: Quy định cơ bản của pháp luật về phòng, ngừa tai nạn, vũ khí, cháy nổ và các chất độc hại.

a) Mục tiêu. HS chỉ ra được các quy định của pháp luật về phòng, ngừa tai nạn, vũ khí, cháy nổ và các chất độc hại.

b) Nội dung. HS làm việc theo nhóm, đọc các quy định của pháp luật về phòng, ngừa tai nạn, vũ khí, cháy nổ và các chất độc hại mà sách giáo khoa đưa ra căn cứ vào đó để giải quyết các trường hợp sách giáo khoa đưa ra

a) Dựa vào thông tin pháp luật, em hãy chỉ ra các chủ thể trong thông tin, trường hợp 2, 3, 4, 5 đã thực hiện quy định của pháp luật về phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại như thế nào.

b) Em hãy nêu một số quy định khác của pháp luật về phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.

c) Sản phẩm.

- Trường hợp 2:

+ Anh X có ý định mua vật liệu về nhà tự quân pháo. Nếu thực hiện hành vi này, anh X sẽ vi phạm khoản 2 điều 5 Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2017.

+ Anh D từ chối tham gia và khuyên anh X không nên làm pháo. Hành vi của anh D là thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Trường hợp 3:

+ Hành vi chế tạo, tàng trữ, mua bán vũ khí, công cụ hỗ trợ của 10 đối tượng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đã vi phạm khoản 2 điều 5 Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2017.

+ Cơ quan công an tỉnh Kiên Giang đã thực hiện đúng quy định của pháp luật khi khởi tố và bắt tạm giam 10 đối tượng có hành vi chế tạo, tàng trữ, mua bán vũ khí, công cụ hỗ trợ.

- Trường hợp 4:

+ Người hàng xóm khuyên gia đình ông B dùng hóa chất để làm sạch đồ ăn từ nội tạng động vật. Hành vi này vi phạm quy định của khoản 3 điều 7 Luật hóa chất năm 2007.

+ Gia đình ông B đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về phòng chống tai nạn do chất độc hại gây ra.

- Trường hợp 5: Anh Q và nhóm bạn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về phòng, chống tai nạn cháy nổ.

Một số quy định khác của pháp luật về phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại:

- **Khoản 2 điều 8** Luật Hóa chất năm 2007 nghiêm cấm thực hiện hành vi: không công bố thông tin cần thiết, cung cấp thông tin không đầy đủ, thông tin sai lệch, che giấu thông tin về đặc tính nguy hiểm của hóa chất, sản phẩm chứa chất nguy hiểm.

- **Khoản 3 điều 5** Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2017, sửa đổi, bổ sung năm 2020 nghiêm cấm thực hiện hành vi: mang trái phép vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ vào/ ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc nơi cấm, khu vực cấm, khu vực bảo vệ và mục tiêu bảo vệ.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Giao nhiệm vụ học tập HS làm việc theo nhóm, đọc các quy định của pháp luật về phòng, ngừa tai nạn, vũ khí, cháy nổ và các chất độc hại mà sách giáo khoa đưa ra căn cứ vào đó để giải quyết các trường hợp sách giáo khoa đưa ra a) <i>Dựa vào thông tin pháp luật, em hãy chỉ ra các chủ thể trong thông tin, trường hợp 2, 3, 4, 5 đã thực hiện quy định của pháp luật về phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại như thế nào.</i> b) <i>Em hãy nêu một số quy định khác của pháp luật về phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.</i> Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh đọc thông tin. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra. Báo cáo, thảo luận - Giáo viên gọi một số học sinh đại diện các nhóm đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra - Các học sinh còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. Kết luận, nhận định - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm rõ các quy định của pháp luật về phòng, ngừa tai nạn, vũ khí, cháy nổ và các chất độc hại Gv nhấn mạnh: Các quy định của pháp luật về phòng, ngừa tai nạn, vũ khí, cháy nổ và các chất độc hại được quy định cụ thể trong các luật như: + <i>Luật phòng cháy và chữa cháy năm 2011 sửa đổi, bổ sung năm 2013</i> + <i>Luật quản lý vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2017 sửa đổi bổ sung năm 2020</i> + <i>Luật bảo vệ môi trường năm 2020</i>	2. Quy định cơ bản của pháp luật về phòng, ngừa tai nạn, vũ khí, cháy nổ và các chất độc hại. - Pháp luật Việt Nam quy định: + Cấm tàng trữ, vận chuyển, buôn bán, sử dụng trái phép các loại vũ khí, chất nổ, chất cháy, chất phóng xạ và các chất độc hại khác,... + Chỉ những cơ quan, tổ chức, cá nhân được Nhà nước giao nhiệm vụ và cho phép mới được giữ, chuyên chở và sử dụng vũ khí, chất nổ, chất cháy, chất phóng xạ và chất độc hại; + Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm bảo quản, chuyên chở và sử dụng vũ khí, chất nổ, chất cháy, chất phóng xạ và chất độc hại phải được huấn luyện về chuyên môn, có đủ phương tiện cần thiết và luôn tuân thủ quy định về an toàn.

Nội dung 3: Tìm hiểu nội dung: Trách nhiệm của công dân trong việc phòng, ngừa tai nạn, vũ khí, cháy nổ và các chất độc hại. (Tích hợp QPAN)

a) Mục tiêu. Học sinh nêu được trách nhiệm của công dân trong việc phòng, ngừa tai nạn, vũ khí, cháy nổ và các chất độc hại.

b) Nội dung. HS làm việc cá nhân, đọc các thông tin sách giáo khoa đưa ra và thực hiện yêu cầu sau

a) Em hãy cho biết những nhân vật trong các bức tranh trên đã làm gì để phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.

b) Em hãy chỉ ra trách nhiệm của công dân trong việc phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.

c) Nêu những việc em cần làm để phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.

c) Sản phẩm.

- Tranh số 1: khi phát hiện một vật thể lạ giống mìn, bạn học sinh nữ đã: tránh xa vật thể, cảnh báo mọi người xung quanh và báo thông tin cho người lớn tin cậy.

- Tranh số 2: các bạn học sinh tham gia hoạt động tuyên truyền về phòng chống tai nạn do vũ khí, cháy, nổ, chất độc hại.

- Tranh số 3: gia đình bạn học sinh nữ sử dụng thuốc bảo vệ thực vật đúng quy trình.

- Tranh số 4: khi phát hiện 2 bạn T và H có ý định mua đồ về để chế tạo pháo, bạn học sinh nữ đã báo cáo thông tin tới giáo viên.

Trách nhiệm của công dân trong việc phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại:

- Tự giác tìm hiểu, nâng cao nhận thức và thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.

- Tích cực tuyên truyền, vận động gia đình, bạn bè và mọi người xung quanh thực hiện tốt các quy định của pháp luật về phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.

- Tố cáo những hành vi vi phạm hoặc xúi giục người khác vi phạm các quy định của pháp luật về phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.

Những việc em cần làm để phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại:

+ Tự giác tìm hiểu và thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.

+ Tuyên truyền, vận động bạn bè và mọi người xung quanh thực hiện tốt các quy định.

+ Chủ động trang bị cho bản thân những kiến thức, kỹ năng để phòng ngừa/ ứng phó với tai nạn.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ HS làm việc cá nhân, đọc các thông tin sách giáo khoa đưa ra và thực hiện yêu cầu sau <i>Ý kiến của các bạn trong trường hợp trên đúng hay sai? Vì sao?</i> <i>Theo em, công dân có trách nhiệm gì trong việc phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại?</i> Thực hiện nhiệm vụ	3. Trách nhiệm của công dân trong việc phòng, ngừa tai nạn, vũ khí, cháy nổ và các chất độc hại. - Tự giác tìm hiểu, nâng cao nhận thức và thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.

- Học sinh cùng nhau đọc thông tin và thảo luận. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra. Báo cáo thảo luận - Giáo viên gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra qua việc trả lời câu hỏi - Các nhóm còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. Kết luận, nhận định - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét - Giáo viên chốt kiến thức giúp học sinh biết được các biện pháp để phòng, ngừa tai nạn, vũ khí, cháy nổ và các chất độc hại.	- Tích cực tuyên truyền, vận động gia đình, bạn bè và mọi người xung quanh thực hiện tốt các quy định của pháp luật về phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại. - Tố cáo những hành vi vi phạm hoặc xúi giục người khác vi phạm các quy định của pháp luật về phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.
---	---

3. Hoạt động: Luyện tập

Luyện tập 1: Em tán thành hay không tán thành với những ý kiến dưới đây? Vì sao?

a) Mục tiêu. HS củng cố kiến thức đã học thông qua thực hành xử lý tình huống cụ thể có liên quan đến nội dung bài học, có ý thức tự phòng, ngừa tai nạn, vũ khí, cháy nổ và các chất độc hại một cách phù hợp.

b) Nội dung. Học sinh làm việc cá nhân, cùng suy nghĩ, đưa ra các ý kiến để lý giải cho từng trường hợp cụ thể

c) Sản phẩm.

- **Ý kiến a)** Không đồng tình. Vì: bất cứ ai cũng có thể gặp phải tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.

- **Ý kiến b)** Không đồng tình. Vì: Phòng cháy, chữa cháy là trách nhiệm của mọi công dân, cơ quan, tổ chức và xã hội.

- **Ý kiến c)** Đồng tình. Vì: các tai nạn hóa chất độc hại có thể gây ra những ảnh hưởng lâu dài và phức tạp đối với sức khỏe của con người. Ảnh hưởng của hóa chất độc hại không dừng lại ở một thế hệ, mà có thể để lại di chứng ở nhiều thế hệ. Ví dụ: ở Việt Nam, chiến tranh đã qua đi hàng chục năm, những di chứng, ảnh hưởng của chất độc màu da cam vẫn còn để lại, gây đau khổ cho nhiều người.

- **Ý kiến d)** Đồng tình. Vì: tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại gây ảnh hưởng xấu đến sự phát triển của đất nước, xã hội và môi trường sinh thái. Do đó, thực hiện tốt các quy định của pháp luật về phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại cũng là hành động góp phần bảo vệ và phát triển đất nước.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc cá nhân

Các học sinh cùng suy nghĩ và đưa ra ý kiến của bản thân về từng trường hợp cụ thể

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau làm việc theo cá nhân

- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát để học sinh hiểu được các hình thức phòng, ngừa tai nạn, vũ khí, cháy nổ và các chất độc hại một cách phù hợp.

Câu hỏi 2: Theo em, các trường hợp sau tiềm ẩn nguy cơ dẫn đến tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại như thế nào?

a) Mục tiêu. HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống liên quan đến phòng, ngừa tai nạn, vũ khí, cháy nổ và các chất độc hại

b) Nội dung. HS làm việc cá nhân, đọc suy nghĩ và đưa ra quan điểm của bản thân cho từng tình huống

c) Sản phẩm.

- **Trường hợp a)** Mọi người đều được phép tàng trữ, sử dụng vũ khí => tiềm ẩn nguy cơ nổ hoặc các đối tượng xấu sử dụng vũ khí để xâm phạm sức khỏe, tính mạng, tài sản của người khác.

- **Trường hợp b)** Tàng trữ thuốc pháo, thuốc nổ trong nhà => tiềm ẩn nguy cơ xảy ra tai nạn cháy, nổ.

- **Trường hợp c)** Sử dụng mọi hoá chất trong sản xuất, chế biến, bảo quản thực phẩm => tiềm ẩn nguy cơ gây ngộ độc thực phẩm.

- **Trường hợp d)** Không tắt quạt điện, ti vi khi ra khỏi nhà => tiềm ẩn nguy cơ xảy ra tai nạn cháy, nổ (do cháy, chập điện).

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập

HS làm việc cá nhân, đọc suy nghĩ và đưa ra quan điểm của bản thân cho từng tình huống

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh làm việc theo cá nhân

- Hoàn thành bài viết theo yêu cầu để chia sẻ trước lớp

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát để hiểu rõ được sự cần thiết phải nâng cao nhận thức về phòng, ngừa tai nạn, vũ khí, cháy nổ và các chất độc hại.

Câu hỏi 3: Theo em, những hành vi dưới đây có thể dẫn đến những hậu quả gì?

a) Mục tiêu. HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống liên quan đến phòng, ngừa tai nạn, vũ khí, cháy nổ và các chất độc hại

b) Nội dung. Học sinh làm việc cá nhân tại nhà, suy nghĩ và chỉ ra một số nguy cơ cũng như cách phòng tránh đối với một số nguy cơ liên quan đến tai nạn, vũ khí, cháy nổ và các chất độc hại

c) Sản phẩm.

- Hành vi a) Hậu quả: chị C bị xử lý theo quy định của pháp luật (vì: hành vi báo cháy giả đã vi phạm khoản 4 điều 13 luật phòng cháy và chữa cháy năm 2001, sửa đổi, bổ sung năm 2013).

- Hành vi b) Hậu quả: bạn Q bị ngộ độc thực phẩm, có thể gây nguy hại đến sức khỏe, thậm chí là tính mạng; gia đình bà Q bị thiệt hại về kinh tế (do tốn kém kinh phí điều trị).

- Hành vi c) Hậu quả: tai nạn cháy, nổ; gây thiệt hại về sức khỏe, tính mạng và kinh tế của các cá nhân.

- Hành vi d) Hậu quả: tai nạn cháy, nổ; gây thiệt hại về sức khỏe, tính mạng và kinh tế của các cá nhân.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

Học sinh làm việc cá nhân tại nhà, suy nghĩ và chỉ ra một số nguy cơ cũng như cách phòng tránh đối với một số nguy cơ liên quan đến tai nạn, vũ khí, cháy nổ và các chất độc hại

Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh làm việc cá nhân tại nhà, suy nghĩ và chỉ ra một số nguy cơ cũng như cách phòng tránh đối với một số nguy cơ liên quan đến tai nạn, vũ khí, cháy nổ và các chất độc hại

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên tổ chức cho học sinh trình bày một số kỹ năng đã tìm hiểu

Kết luận, nhận định

- Giáo viên tổng hợp khái quát để học sinh hiểu được các cách ứng phó để phòng chống tai nạn, vũ khí, cháy nổ và các chất độc hại cho bản thân và gia đình.

Câu hỏi 4: Em hãy xử lý các tình huống dưới đây:

a) Mục tiêu. HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống thấy những cách ứng xử phù hợp khi gặp tai nạn, vũ khí, cháy nổ và các chất độc hại

b) Nội dung. HS làm việc nhóm, cùng trao đổi để đi đến thống nhất đưa ra quan điểm cho yêu cầu đặt ra

c) Sản phẩm.

- **Xử lý tình huống a)** Nếu là bạn A, em sẽ:

+ Giải thích để bố mẹ hiểu: tham gia tuyên truyền phổ biến kiến thức pháp luật về phòng cháy, chữa cháy là trách nhiệm của mọi công dân, trong đó có học sinh.

+ Hứa với bố mẹ: dù tham gia hoạt động tuyên truyền, nhưng vẫn đảm bảo hoàn thành tốt việc học tập ở trên lớp.

- **Xử lý tình huống b)** Nếu là bạn T, em sẽ:

+ Giải thích để cậu út hiểu: việc sử dụng quá nhiều thuốc trừ sâu sẽ dẫn đến nhiều hậu quả nghiêm trọng, như: gây độc cho rau, quả; gián tiếp gây hại cho sức khỏe con người; gây ô nhiễm môi trường và suy thoái tài nguyên đất.

+ Cung cấp thêm tới cậu út những thông tin, quy định của pháp luật về phòng chống tai nạn chất độc hại.

+ Khuyến cậu út nên: sử dụng những loại thuốc bảo vệ thực vật đúng quy định; có thể sử dụng các chế phẩm sinh học thay cho thuốc trừ sâu hóa học.

- **Xử lý tình huống c)** Nếu là M, em sẽ:

+ Giải thích để P hiểu: việc mang vật thể lạ (ngghi là súng) về nhà vừa vi phạm quy định của pháp luật, vừa gây nguy hiểm cho bản thân và gia đình.

+ Kiên quyết giao nộp vật thể lạ (ngghi là súng) cho cơ quan công an.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

HS làm việc nhóm, cùng nhau sắm vai để xử lý tình huống đặt ra

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh làm việc nhóm, cùng sắm vai nhân vật trong tình huống

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên mời các nhóm nhận xét về cách xử lý của các nhóm

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát để học sinh hiểu được thấy những cách ứng xử phù hợp khi gặp tai nạn, vũ khí, cháy nổ và các chất độc hại

Câu hỏi 5: Em đã thực hiện việc phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại như thế nào? Đối với những việc thực hiện chưa tốt, hãy nêu cách khắc phục theo bảng gợi ý dưới đây:

a) Mục tiêu. HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống thấy những cách ứng xử phù hợp khi gặp tai nạn, vũ khí, cháy nổ và các chất độc hại

b) Nội dung. HS làm việc nhóm, cùng trao đổi để đi đến thống nhất đưa ra quan điểm cho yêu cầu đặt ra

c) Sản phẩm.

Học sinh biết được những việc nên làm, những việc nên tránh nhằm phòng ngừa tai nạn, vũ khí, cháy nổ và các chất độc hại

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

HS làm việc nhóm, cùng trao đổi để đi đến thống nhất đưa ra quan điểm cho yêu cầu đặt ra

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh làm việc nhóm, suy nghĩ và hoàn thành bảng gợi ý

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên mời các nhóm nhận xét về cách xử lý của các nhóm

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát để học sinh hiểu được thấy những cách ứng xử phù hợp khi gặp tai nạn, vũ khí, cháy nổ và các chất độc hại

4. Hoạt động: Vận dụng

a. Mục tiêu: - HS vận dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.

- Thực hiện được việc phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.
- Nhắc nhở, tuyên truyền, vận động người thân, bạn bè chủ động phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.

b. Nội dung:

Gv: tổ chức cho Hs cử đại diện nhóm lên trình bày nội dung của bài tập 1 và 2 đã được chuẩn bị ở nhà theo sự phân công ở tiết trước.

BT1: Viết một đoạn văn về tầm quan trọng của việc phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ, các chất độc hại và chia sẻ với các bạn trong lớp.

BT2: Viết một đoạn văn ngắn để tuyên truyền cho người thân, bạn bè chủ động phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại

BT3: Tình huống : Vào dịp gần Tết, em phát hiện quầy tạp hóa bên cạnh nhà em có bán pháo nổ, một loại hàng mà Nhà nước đang cấm. Trước tình huống đó, em phải làm gì? Đại diện nhóm cử 1 bạn lên trình bày.

3. Sản phẩm: Bài viết của nhóm HS.

Bài 1: Em hãy viết một đoạn văn về tầm quan trọng của việc phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ, các chất độc hại và chia sẻ với các bạn trong lớp.

Con người luôn phải đối mặt với những thảm họa do vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại gây ra. Tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại có thể gây tổn thất về tính mạng và tài sản của cá nhân, gia đình, xã hội. Việc phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại sẽ giúp con người được an toàn, sống hạnh phúc hơn.

Do đó, mỗi chúng ta cần chủ động tìm hiểu, nâng cao nhận thức cho bản thân về tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại. Đồng thời, cần có thái độ, hành vi tích cực trong cuộc sống, góp phần phòng ngừa các loại tai nạn nguy hiểm này.

BT 2: Chiến tranh đã đi qua, nhưng tai nạn do vũ khí, bom mìn, vật nổ còn sót lại vẫn luôn là mối nguy hại đối với con người. Đặc biệt là những người dân sinh sống ở nơi xảy ra chiến sự cũ hay nơi có nhiều hố bom. Bom mìn, vật nổ còn sót lại sau chiến tranh có nguy cơ phát nổ dưới tác động vật lý(quá trình canh tác của người dân chạm vào hay rà sát, ...). Vì vậy chúng ta hãy tuyên truyền cho mọi người không nên đến khu vực có biển báo bom mìn, nếu quá trình canh tác mà phát hiện có vật lạ nghi là bom mìn thì phải báo ngay cho chính quyền địa phương xử lý, không nên tự ý nhặt lên xem, ... Để tránh gây ra những hậu quả đáng tiếc.

BT3: Em nên báo ngay cho công an địa phương để ngăn chặn kịp thời hành vi buôn bán, tàng trữ vũ khí, chất gây cháy, nổ. (tích hợp).

4. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Phân nhóm và qui định thời gian để HS báo cáo bài.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập:

- Các nhóm hội ý với nhau và cử đại diện lên trình bày.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Các nhóm lên bảng trình bày.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

- GV tổng hợp và kết luận.

- Học bài cũ, làm bài tập SBT.

IV. TỔNG KẾT VÀ HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Chuẩn bị bài mới: Bài 10: Quyền và nghĩa vụ lao động của công dân.

+ Tìm hiểu tình huống trang 59,60 SGK.

HẾT.

TUẦN 27

BÀI KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KỲ III

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Về mục tiêu:

- Nhằm kiểm tra kiến thức học sinh đạt được trong các bài ở giữa học kỳ II lớp 8; học sinh biết được khả năng học tập của mình so với yêu cầu của chương trình.
- Giúp giáo viên nắm được tình hình học tập của lớp mình, trên cơ sở đó đánh giá đúng quá trình dạy học, từ đó có kế hoạch điều chỉnh phương pháp và hình thức tổ chức dạy học cho phù hợp để không ngừng nâng cao hiệu quả về phương pháp, hình thức tổ chức dạy học.
- Vận dụng được các kiến thức đã học vào trong cuộc sống. Từ đó, rút ra được bài học cho bản thân.
- Rèn luyện được kỹ năng khi xem xét, đánh giá được các hành vi và chuẩn mực đạo đức của bản thân, của người khác.
- Học sinh có thái độ học tập đúng đắn và điều chỉnh quá trình học tập của mình.

2. Năng lực:

- Năng lực chung:
 - + Tự chủ và tự học để bổ sung kịp thời các kiến thức cơ bản phục vụ việc kiểm tra đánh giá. Biết lập kế hoạch tự học tự tìm kiếm kiến thức trong sách vở, thông qua sách báo và các nguồn tư liệu khác nhau để hoàn thành kế hoạch học tập và đạt kết quả cao nhất trong bài kiểm tra.
 - + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.
 - + Giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua việc chủ động xây dựng những kế hoạch ôn tập hiệu quả để hoàn thành nhiệm vụ đặt ra.
- Năng lực đặc thù:
 - Năng lực điều chỉnh hành vi:* Nhận biết về bảo vệ lẽ phải, ý nghĩa của việc bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên, nhận biết mục tiêu cá nhân.
 - Năng lực phát triển bản thân:* Tự nhận thức bản thân, nâng cao nhận thức của bản thân về việc tham gia bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên. Biết lập và xác định mục tiêu cá nhân cho bản thân.

3. Phẩm chất:

Thông qua việc giảng dạy sẽ góp phần hình thành, phát triển cho học sinh các phẩm chất như:

Trung thực: Thực hiện tốt nhiệm vụ học tập hoàn thành có chất lượng bài kiểm tra giữa kỳ để đạt kết cao.

Trách nhiệm: Có trách nhiệm với bản thân, tích cực, chủ động để hoàn thành được nhiệm vụ học tập của bản thân.

Chăm chỉ: Chăm chỉ học tập, rèn luyện, tích cực áp dụng những kiến thức đã học vào đời sống. Tích cực ôn tập và củng cố kiến thức để đạt kết quả cao trong bài kiểm tra.

II. PHẠM VI KIẾN THỨC CẦN KIỂM TRA

Kiểm tra các đơn vị kiến thức đã học ở giữa học kỳ 2 gồm các bài và chủ đề sau

Bài 7: Phòng, chống bạo lực gia đình

Bài 8: Lập kế hoạch chi tiêu

III. HÌNH THỨC KIỂM TRA:

- Kiểm tra tập trung theo lịch của nhà trường.
- Kiểm tra theo hình thức kết hợp trắc nghiệm với tự luận theo tỷ lệ (70TN/30TL).
- Kiểm tra theo ma trận và đặc tả.
- Số lượng đề kiểm tra: 2 đề.

KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II Môn GD&ĐT - Lớp 8

TT	Mạch nội dung	Nội dung/chủ đề/bài	Mức độ đánh giá								Tổng		
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Tỉ lệ		Tổng điểm
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1	Giáo dục kĩ năng sống	Phòng chống bạo lực gia đình	4 câu		1 câu					1 câu	25%	10%	3.5 điểm
2	Giáo dục kinh tế	Lập kế hoạch chi tiêu	4 câu		1 câu	1 câu		1 câu			25%	40%	6.5 điểm
Tổng			8 câu		2 câu	1 câu		1 câu		1 câu	10 câu	3 câu	10 điểm
Tỉ lệ %			40%		30%		20%		10%		50%	50%	
Tỉ lệ chung			70%				30%				100%		

*** Lưu ý:** Thời gian làm bài: 45 phút.

Trong đó: 10 câu trắc nghiệm ; 3 câu tự luận.

BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II

TT	Mạch nội dung	Nội dung	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Giáo dục kĩ năng sống	Phòng chống bạo lực gia đình	Nhận biết: - Nhận biết khái niệm bạo lực gia đình. - Kể được các hình thức bạo lực gia đình phổ biến. - Nêu được một số quy định của pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình. Thông hiểu: - Hiểu được cách phòng, chống bạo lực gia đình. Vận dụng cao: - Phê phán các hành vi bạo lực trong gia đình và cộng đồng. - Em cần phải làm gì để phòng chống bạo lực gia đình.	4 câu TN	1 câu TN		1 câu TL
2	Giáo dục kinh tế	Lập kế hoạch chi tiêu	Nhận biết: Nhận biết được sự cần thiết phải lập kế hoạch chi tiêu. - Các bước lập kế hoạch chi tiêu. - Thói quen chi tiêu hợp lí. Thông hiểu: - Hiểu các cách chi tiêu nào hợp lí. - Hiểu được cách lập kế hoạch chi tiêu. Vận dụng:	4 câu TN	1 câu TN 1 câu TL	1 câu TL	

			- Lập được kế hoạch chi tiêu phù hợp. - Giúp đỡ bạn bè, lập kế hoạch chi tiêu hợp lí.				
Tổng				8 câu TN	2 câu TN 1 TL	1 câu TL	1 câu TL
Tỉ lệ %				40%	30%	20%	10%
Tỉ lệ chung				70%		30%	

UBND HUYỆN NÚI THÀNH
TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN

KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II
NĂM HỌC 2023-2024

Môn: GDCD 8

ĐỀ CHÍNH THỨC

Thời gian: 45 phút (không kể thời gian giao đề)

(Đề gồm có 02 trang)

MÃ ĐỀ: A

I. TRẮC NGHIỆM (5.0 điểm) Chọn phương án trả lời đúng (A hoặc B, C, D) trong các câu sau, rồi ghi vào giấy làm bài.

Câu 1. Hành vi cố ý của các thành viên trong gia đình gây tổn hại về thể chất, tinh thần, kinh tế đối với các thành viên khác trong gia đình là hành vi

A. bạo lực giới.

B. bạo lực gia đình.

C. bạo lực học đường.

D. bạo lực xã hội.

Câu 2. Hành vi ngược đãi, đánh đập các thành viên khác trong gia đình làm tổn thương tới sức khỏe, tính mạng của họ là hình thức bạo lực gia đình về

A. thể chất.

B. tinh thần.

C. kinh tế.

D. tình dục.

Câu 3. Quyền và trách nhiệm của người bị bạo lực gia đình được Luật phòng chống bạo lực gia đình năm 2022 quy định tại điều mấy?

A. Điều 3.

B. Điều 5.

C. Điều 9.

D. Điều 10.

Câu 4. Hành vi làm tổn thương tới danh dự của các thành viên trong gia đình là một trong những hình thức bạo lực gia đình về

A. kinh tế.

B. thể chất.

C. tình dục.

D. tinh thần.

Câu 5. Khi xảy ra bạo lực gia đình em cần phải làm gì?

A. Sử dụng lời nói và các hành động chống trả.

B. Im lặng và chịu đựng không chia sẻ với ai.

C. Bình tĩnh, kìm chế cảm xúc, tìm đường thoát, tìm người giúp đỡ.

D. Tìm cách trốn thoát và không để người xung quanh biết vì e ngại.

Câu 6. Xác định các khoản chi tiêu dựa trên những nguồn lực hiện có để thực hiện những mục tiêu tài chính của cá nhân, gia đình là

A. kế hoạch chi tiêu.

B. quản lí tiền hiệu quả.

C. kế hoạch thu - chi cá nhân.

D. mục tiêu tài chính.

Câu 7. Việc lập kế hoạch chi tiêu cá nhân bao gồm mấy bước?

A. 4 bước.

B. 5 bước.

C. 6 bước.

D. 7 bước.

Câu 8. Thói quen chi tiêu nào dưới đây là hợp lý?

A. Mua tất cả mọi thứ mà mình thích, không quan tâm đến giá cả.

B. Chỉ chọn mua những đồ có chất lượng thấp và giá cả rẻ nhất.

C. Chỉ chọn mua những hàng hóa đắt tiền và chất lượng tốt nhất.

D. Chỉ mua những thứ thực sự cần thiết và trong khả năng chi trả.

Câu 9. Em đồng ý với ý kiến nào sau đây?

A. Lập kế hoạch chi tiêu chỉ dành cho người lớn tuổi, đã làm ra tiền.

B. Lập kế hoạch chi tiêu chỉ dành cho người có thu nhập thấp.

C. Lập kế hoạch chi tiêu sẽ giúp quản lý tiền một cách hiệu quả.

D. Lập kế hoạch chi tiêu sẽ mất thời gian và tạo ra sự khó chịu khi sử dụng tiền.

Câu 10. Ai là người đã chi tiêu, sử dụng tiền chưa hợp lý?

A. Chị X dùng tiền lương và vay thêm tiền để mua chiếc túi xách hàng hiệu.

B. Anh K dùng 40% số tiền hiện có để chi tiêu cho các nhu cầu thiết yếu.

C. Mỗi tháng, chị V tiết kiệm 1 triệu đồng để dự phòng rủi ro phát sinh.

D. Bạn T chia số tiền mình có thành nhiều khoản với mục đích khác nhau.

PHẦN II. TỰ LUẬN (5.0 điểm)

Câu 1. (2.0 điểm) Em hãy nhận xét việc làm của các bạn trong những trường hợp dưới đây:

a. Thấy bạn thân hay mua đồ ăn vặt, Nam nhắc nhở và khuyên bạn không nên chi tiêu như vậy vì vừa tốn kém vừa ảnh hưởng đến sức khỏe.

b. Bạn Bình lập kế hoạch chi tiêu hằng tháng. Sau một thời gian, Bình nhận thấy chi lớn hơn thu và đã xem lại phần chi tiêu của các tháng trước. Nhận ra một số khoản chi chưa hợp lý nên Bình cắt giảm ngay.

Câu 2. (2.0 điểm) Đọc tình huống và trả lời câu hỏi:

Bố mẹ cho H tiền để mua đồ dùng học tập và ăn sáng nhưng H mua quà vật và các đồ dùng không cần thiết. Vẫn chưa thỏa mãn nhu cầu của mình, H còn hỏi vay tiền bạn thân là S để mua thêm những thứ đồ xa xỉ.

Em hãy nhận xét thói quen chi tiêu của H. Nếu là bạn của H em sẽ khuyên H như thế nào?

Câu 3. (1.0 điểm) Đọc tình huống và trả lời câu hỏi:

Gia đình bạn N mới chuyển từ Thành phố Đà Nẵng về Quảng Nam sinh sống, vì vậy bạn phải chuyển trường cùng gia đình. Trong thời gian đến trường N thường ít nói, ít vui đùa cùng bạn bè, thường ngồi một mình nhìn ra sân trường xa xăm đôi lúc không học bài cũ. Được biết hoàn cảnh gia đình bạn N rất khó khăn, bố mẹ kinh doanh thua lỗ nên bố thường xuyên uống rượu say xỉn, la mắng, đánh đập mẹ và anh em N, không cho N đi học.

Câu hỏi:

a. Hành động của bố bạn N đã vi phạm về điều nào trong luật Phòng, chống bạo lực gia đình?

b. Nếu là bạn của N em cần phải làm gì để N giải tỏa tinh thần và học tập tốt hơn?

HẾT

UBND HUYỆN NÚI THÀNH
TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN

ĐỀ CHÍNH THỨC

(Đề gồm có 02 trang)

KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II
NĂM HỌC 2023-2024

Môn: GDCD 8

Thời gian: 45 phút (không kể thời gian giao đề)

MÃ ĐỀ: B

I. TRẮC NGHIỆM (5.0 điểm) Chọn phương án trả lời đúng (A hoặc B, C, D) trong các câu sau, rồi ghi vào giấy làm bài.

Câu 1. Có mấy hình thức bạo lực gia đình phổ biến?

- A. 3 hình thức. **B. 4 hình thức.** C. 5 hình thức. D. 6 hình thức.

Câu 2. Hành vi làm tổn thương tới danh dự của các thành viên trong gia đình là một trong những hình thức bạo lực gia đình về

- A. tinh thần.** B. thể chất. C. tình dục. D. kinh tế.

Câu 3. Thế nào là bạo lực gia đình?

- A. Là hành vi bắt nạt trong phạm vi trường học.
B. Là hành vi bạo lực của các thanh niên ngoài đường.
C. Là hành vi sử dụng bạo lực để khống chế người khác.
D. Là hành vi sử dụng bạo lực giữa những người thân trong gia đình.

Câu 4. Để phòng tránh bạo lực gia đình, việc làm nào sau đây không nên làm?

- A. Tôn trọng, bình đẳng, chia sẻ, yêu thương.
B. Dùng lời nói, thái độ tiêu cực để thách thức.
C. Rời khỏi nơi có nguy cơ xảy ra bạo lực gia đình.
D. Nói với người đáng tin cậy để nhờ can thiệp.

Câu 5. Theo quy định của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình (2022), thì người có hành vi bạo lực gia đình phải có trách nhiệm gì?

- A. Tự xử lý hậu quả bạo lực gia đình do mình gây ra.
B. Trả thù người đã ngăn cản hành vi bạo lực của mình.
C. Kịp thời đưa người bị bạo lực gia đình đi cấp cứu, điều trị.
D. Yêu cầu người có thẩm quyền bảo vệ sức khỏe cho mình.

Câu 6. Khi quyết định mua hàng, chúng ta cần

- A. tìm mua thứ đắt nhất để có được hàng chất lượng tốt nhất.
B. mua theo ý thích, không cần tìm hiểu.
C. tìm cửa hàng bán rẻ nhất để mua không quan tâm đến chất lượng sản phẩm.

D. khảo sát giá và chất lượng của những loại đồ muốn mua ở vài chỗ khác nhau.

Câu 7. Thói quen chi tiêu chưa hợp lí là

A. mua theo sở thích của bản thân.

B. tìm mua những mặt hàng có nguồn gốc rõ ràng.

C. ghi ra những thứ cần mua trước khi đi mua sắm.

D. căn cứ vào số tiền đang có để chọn thứ ưu tiên cần mua.

Câu 8. Bước cuối cùng trong lập kế hoạch chi tiêu cá nhân là

A. thiết lập quy tắc thu, chi.

B. thực hiện kế hoạch chi tiêu.

C. kiểm tra và điều chỉnh kế hoạch chi tiêu.

D. xác định thời gian cần thực hiện.

Câu 9. Đây là hành động thể hiện sự tiết kiệm, chi tiêu hợp lí?

A. Tuấn đòi mẹ mua thêm một cái cặp vì thấy đẹp.

B. Hà không đòi mẹ mua áo dù rất thích chiếc áo đỏ.

C. Nhà nghèo nhưng Huy vẫn bắt mẹ phải mua đồ hiệu.

D. Hằng đã có đủ đồ ăn trưa nhưng vẫn mua thêm đồ ăn.

Câu 10. Lựa chọn ưu tiên nhất khi áp dụng nguyên tắc chi tiêu trong gia đình là gì?

A. Lựa chọn nhu cầu chung của tất cả mọi người.

B. Lựa chọn nhu cầu đáp ứng được cho bản thân.

C. Tùy từng nhu cầu của mỗi người trong gia đình.

D. Lựa chọn nhu cầu cá nhân thiết yếu và sở thích cá nhân.

PHẦN II. TỰ LUẬN (5.0 điểm)

Câu 1. (2.0 điểm) Em hãy nhận xét việc làm của các bạn trong những trường hợp dưới đây:

a. Bạn H có thói quen chi tiêu không kiểm soát nên thường xuyên xin thêm tiền của bố mẹ.

b. Lan có thói quen ghi chép lại các khoản thu chi của mình để đảm bảo cân đối giữa thu và chi, tránh tình trạng chưa hết tháng đã hết tiền tiêu.

Câu 2. (2.0 điểm) Đọc tình huống và trả lời câu hỏi:

Còn 3 tháng nữa là tới ngày sinh nhật của mẹ. Em rất muốn tự mình có thể mua tặng mẹ một món quà ý nghĩa. Và em được biết mẹ em rất thích bộ áo dài màu tím. Tuy nhiên, mẹ vẫn chưa mua nó vì mỗi lần mua quần áo, mẹ luôn ưu tiên cho các thành viên trong gia đình trước.

Em sẽ làm gì để có thể tích lũy được số tiền mua món quà tặng sinh nhật mẹ. Em hãy lập kế hoạch cụ thể thực hiện mục tiêu đó?

Câu 3. (1.0 điểm) Đọc tình huống và trả lời câu hỏi:

Gia đình bạn M mới chuyển từ Hà Nội về Quảng Nam sinh sống, vì vậy bạn phải chuyển trường cùng gia đình. Trong thời gian đến trường M thường ít nói, ít vui đùa cùng bạn bè, thường ngồi một mình nhìn ra sân trường xa xăm, đôi lúc không học bài cũ. Được biết hoàn cảnh gia đình bạn M rất khó khăn, bố mẹ kinh doanh thua lỗ nên bố thường xuyên uống rượu say xỉn, la mắng, đánh đập mẹ và anh em M, không cho M đi học.

Câu hỏi:

a. Hành động của bố bạn M đã vi phạm về điều nào trong luật Phòng, chống bạo lực gia đình?

b. Nếu là bạn của M em cần phải làm gì để M giải tỏa tinh thần và học tập tốt hơn?

HẾT.

HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II

NĂM HỌC: 2023 - 2024

MÔN: GD CD 8

ĐỀ A

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (5.0 điểm) Mỗi câu đúng được 0.5 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	B	A	C	D	C	A	A	D	C	A

II. PHẦN TỰ LUẬN (5.0 điểm)

Câu	Nội dung đạt được	Điểm
1 (2.0 điểm)	* Học sinh nêu được: a. Nhận xét: Bạn Nam đã biết cách chi tiêu hợp lý; đồng thời, hành động của Nam còn cho thấy, bạn ấy có sự quan tâm tới bạn bè và có ý thức giữ gìn sức khỏe.	1.0
	b. Nhận xét: Bạn Bình đã biết cách điều chỉnh thói quen chi tiêu cho phù hợp với tình hình thực tế.	1.0
2 (2.0 điểm)	* Học sinh nêu được: - Thói quen chi tiêu của H là chưa hợp lý, lãng phí tiền vào những mặt hàng không thiết yếu. * Lời khuyên: H nên lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch chi tiêu; rèn luyện cho mình những thói quen chi tiêu hợp lý hơn như: + Liệt kê những thứ cần mua trước khi đi mua sắm; từ đó xác định thứ tự ưu tiên những thứ cần mua. + Chỉ mua những thứ cần thiết và trong khả năng chi trả của bản thân.	1.0 1.0

HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II

NĂM HỌC: 2023 - 2024

MÔN: GD CD 8

ĐỀ B

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (5.0 điểm) Mỗi câu đúng được 0.5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	B	A	D	B	C	D	A	C	B	A

II. PHẦN TỰ LUẬN (5.0 điểm)

Câu	Nội dung đạt được	Điểm
1 (2.0 điểm)	a. Nhận xét: Bạn H chưa biết cách lập và thực hiện kế hoạch chi tiêu, dẫn đến tình trạng: chưa hết tháng H đã hết tiền tiêu.	1.0
	b. Nhận xét: bạn Lan đã thiết lập được cho mình một thói quen chi tiêu hợp lí. Thói quen chi tiêu này giúp Lan có thể cân đối tài chính, tránh chi tiêu vào những việc không cần thiết.	1.0
2 (2.0 điểm)	* Những việc em sẽ làm để tích lũy được số tiền có thể mua món quà tặng sinh nhật Mẹ: - Để có tiền mua quà tặng mẹ em sẽ xây dựng kế hoạch chi tiêu và thực hiện kế hoạch đó thông qua các việc làm của bản thân: Tiết kiệm tiền mẹ cho ăn sáng mỗi ngày một ít, tiết kiệm khoản tiền được mua quà vật; Nhật những vỏ, lon và giấy vụn để bán lấy tiền.....	1.0
	* Kế hoạch cụ thể để thực hiện mục tiêu đó: - Em cần xác định thời hạn thực hiện. - Xác định cách để em tiết kiệm tiền. - Em cần thực hiện kế hoạch đều đặn và hàng ngày trong khoảng thời gian hơn 2 tháng. - Kiểm tra lại kế hoạch thực hiện và số tiền em tiết kiệm được sau 2 tháng.	1.0

3 (1.0 điểm)	* Tình huống * Nhận xét gì về hành vi của bố bạn M: - Hành vi của bố bạn M là bạo lực gia đình. Vi phạm những hành vi cấm trong gia đình đã được quy định tại Điều 3 (Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022). * Nếu em là bạn M em cần phải làm: (các em trả lời đúng 2 trong 3 ý sau) - Khuyến bạn M cần chia sẻ hoàn cảnh gia đình của mình với cô giáo chủ nhiệm cùng các bạn để thầy cô giáo và các bạn hiểu hơn về hoàn cảnh của gia đình và có biện pháp giúp đỡ bạn kịp thời. - Bạn M cần báo với người lớn, hoặc nhờ người lớn báo với cơ quan chức năng để xử lý khi bị bạo lực trong gia đình. - Và bạn M dành thời gian để nói chuyện và tâm sự cùng bố mẹ, để mối quan hệ trong gia đình luôn được gần gũi và mọi người sẽ gắn bó, yêu thương, đùm bọc lẫn nhau vượt qua khó khăn của gia đình.	0.5 0.5
--	--	-----------------------

HẾT.

Ngày soạn: 17/04/2024

Ngày dạy: 25/04;2,16,23/5/2024

TUẦN 31,32,34,35- TIẾT: 31,32,34,35

BÀI 10. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ LAO ĐỘNG CỦA CÔNG DÂN

I. MỤC TIÊU.

1. Về kiến thức

- Phân tích được tầm quan trọng của lao động đối với đời sống con người.
- Nêu được một số quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ lao động của công dân và lao động.
- Nêu được một số quyền và nghĩa vụ cơ bản của các bên tham gia hợp đồng lao động, lập được hợp đồng lao động có nội dung đơn giản giữa người sử dụng lao động của người lao động.

2. Về năng lực

- Năng lực chung:
 - + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về quyền, nghĩa vụ lao động của công dân.
 - + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.
 - + Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến quyền, nghĩa vụ lao động của công dân.
- Năng lực đặc thù:
 - + Năng lực phát triển bản thân: Tự đánh giá được thái độ, hành vi lao động của bản thân trong đời sống thực tế; Có kế hoạch và thực hiện kế hoạch khắc phục, cải thiện những điểm chưa tốt, chưa phù hợp trong lao động của bản thân.
 - + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Tìm hiểu, phân tích được một số hiện tượng về quyền và nghĩa vụ lao động của công dân trong thực tiễn cuộc sống; Vận dụng được các kiến thức đã học để phân tích, đánh giá, xử lý tình huống trong thực tiễn có liên quan đến quyền và nghĩa vụ lao động của công dân.

3. Về phẩm chất

- Chăm chỉ: Tích cực, chủ động tham gia lao động ở gia đình, trường, lớp và cộng đồng phù hợp với lứa tuổi
- Trách nhiệm: Thực hiện tốt mọi quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ lao động của công dân, lao động chưa thành niên, quyền và nghĩa vụ cơ bản của các bên tham gia hợp đồng lao động.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- SGK, SGV, môn Giáo dục Công dân 8;
- Tranh/ảnh, câu chuyện, trò chơi, ví dụ thực tế,... liên quan tới bài học;
- Trích một số điều luật liên quan nội dung bài học;
- Máy tính, bài giảng PowerPoint,....

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động: Khởi động

a. Mục tiêu. Tạo tâm thế tích cực và giúp HS có hiểu biết ban đầu về bài học mới.

b. Nội dung. Học sinh làm việc theo nhóm, suy nghĩ và thực hiện yêu cầu sau

Em hãy kể một số hoạt động lao động mà em đã từng thực hiện ở gia đình, nhà trường hoặc cộng đồng và nêu ý nghĩa của các hoạt động đó.

c. Sản phẩm. Học sinh bước đầu nhận biết được một số hoạt động lao động bản thân có thể và đã từng tham gia, biết được ý nghĩa của các hoạt động đó.

- Một số hoạt động lao động mà em đã từng thực hiện ở gia đình, nhà trường hoặc cộng đồng:

+ Ở nhà: quét nhà, nấu những món ăn đơn giản, rửa bát, giặt quần áo, chăm sóc cây cảnh,...

+ Ở trường: vệ sinh lớp học, chăm sóc cây trong khuôn viên của trường,...

+ Ở cộng đồng: tham gia quét dọn đường làng, ngõ xóm; tham gia dọn dẹp tại nghĩa trang liệt sĩ, khu di tích lịch sử - văn hóa của địa phương,...

d. Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập:

Học sinh làm việc theo nhóm, suy nghĩ và thực hiện yêu cầu sau:

Em hãy kể một số hoạt động lao động mà em đã từng thực hiện ở gia đình, nhà trường hoặc cộng đồng và nêu ý nghĩa của các hoạt động đó.

Thực hiện nhiệm vụ

Giáo viên gọi từ một đến hai HS lên chia sẻ, các HS khác nhận xét về câu trả lời của bạn.

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên yêu cầu một số học sinh trình bày việc chuẩn bị của bản thân mình.

- Các học sinh khác chủ động tìm hiểu, góp ý, bổ sung hoàn thiện.

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét đánh giá về quá trình thực hiện nhiệm vụ của học sinh.

Gv nhấn mạnh:

Lao động là hoạt động có mục đích của con người nhằm tạo ra của cải vật chất và các giá trị tinh thần cho xã hội. Đó là hoạt động chủ yếu, quan trọng nhất của con người, là nhân tố quyết định sự tồn tại phát triển của đất nước và nhân loại. Mỗi người cần nhận thức được vai trò quan trọng của lao động để thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ lao động của bản thân, góp phần xây dựng đất nước giàu mạnh văn minh.

2. Hoạt động: Khám phá

Nội dung 1: Tìm hiểu nội dung: Vai trò của lao động đối với đời sống con người

a. Mục tiêu. HS phân tích được tầm quan trọng của lao động đối với đời sống con người.

b. Nội dung. HS làm việc theo nhóm, đọc thông tin trong và trả lời câu hỏi

a) *Em hãy cho biết, trong thông tin trên, Giêm Oát đã lao động như thế nào? Việc lao động đó đã mang lại những ý nghĩa gì?*

b) *Hãy phân tích tầm quan trọng của lao động đối với đời sống con người.*

c. Sản phẩm.

- **Hoạt động lao động của Giêm Oát:**

+ Năm 1769, Giêm Oát đã sáng chế ra máy hơi nước.

+ Đến năm 1784, ông đã hoàn thiện trở thành động cơ nhiệt vận năng chạy bằng than và nước.

- Ý nghĩa:

+ Giải phóng sức lao động cơ bắp của con người, tạo điều kiện cho sự chuyển biến từ việc lao động bằng tay sang sử dụng máy móc.

+ Đưa con người từ nền văn minh nông nghiệp sang văn minh công nghiệp.

+ Thúc đẩy sự phát triển của các ngành kinh tế khác, như: nông nghiệp, giao thông vận tải,...

Tầm quan trọng của lao động:

+ Lao động là hoạt động chủ yếu, quan trọng nhất của con người

+ Lao động là nhân tố quyết định sự tồn tại, phát triển của xã hội.

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Giao nhiệm vụ học tập HS làm việc theo nhóm, đọc thông tin trong và trả lời câu hỏi <i>a) Em hãy cho biết, trong thông tin trên, Giêm Oát đã lao động như thế nào? Việc lao động đó đã mang lại những ý nghĩa gì?</i> <i>b) Hãy phân tích tầm quan trọng của lao động đối với đời sống con người.</i> Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh đọc thông tin. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra. Báo cáo, thảo luận - Giáo viên gọi một số học sinh đại diện các nhóm đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra Kết luận, nhận định - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét. - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề.	1. Vai trò của lao động đối với đời sống con người. - Lao động là hoạt động có mục đích của con người nhằm tạo ra của cải vật chất và tinh thần cho xã hội. Vai trò của lao động đối với đời sống con người - Lao động là hoạt động chủ yếu, quan trọng nhất của con người. - Lao động là nhân tố quyết định sự tồn tại, phát triển của xã hội.

Nội dung 2: Tìm hiểu nội dung: Một số quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ lao động công dân.

a. Mục tiêu. HS chỉ ra được các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ lao động công dân

b. Nội dung. HS làm việc theo nhóm, đọc các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ lao động công dân mà sách giáo khoa đưa ra căn cứ vào đó để giải quyết các trường hợp sách giáo khoa đưa ra

a. Theo em, trong trường hợp 2 và 3, các nhân vật đã thực hiện quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ lao động của công dân như thế nào ?

b. Em hãy nêu một số ví dụ thực hiện tốt quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ lao động của công dân trong đời sống hằng ngày.

c. Sản phẩm.

- Trường hợp 2:

+ Bạn C đã thực hiện quyền tự do lựa chọn nghề nghiệp, việc làm (thể hiện ở chi tiết: Gia đình bạn C có truyền thống kinh doanh nhưng C quyết định sau khi tốt nghiệp trung học phổ thông sẽ đăng kí học nghề trang điểm).

+ Bố mẹ bạn C đã tôn trọng quyết định về việc lựa chọn nghề nghiệp của C.

- Trường hợp 3: Anh T đã thực hiện quyền tự do lựa chọn nơi làm việc.

Một số ví dụ thực hiện tốt quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ lao động của công dân:

+ Sau khi tốt nghiệp đại học, anh B đăng kí ứng tuyển vào vị trí nhân viên kinh doanh tại công ty X.

+ Chị Y tham gia đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo đúng quy định của pháp luật.

+ Gia đình bạn M có nghề truyền thống là sản xuất đồ thủ công mỹ nghệ; nhưng bạn M không thích công việc này, bạn mong muốn sau này trở thành kiến trúc sư xây dựng.

+ Anh V đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với công ty K vì bị kì thị, phân biệt đối xử và cưỡng ép lao động tại nơi làm việc.

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Giao nhiệm vụ học tập HS làm việc theo nhóm, đọc các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ lao động công dân mà sách giáo khoa đưa ra căn cứ vào đó để giải quyết các trường hợp sách giáo khoa đưa ra <i>a. Theo em, trong trường hợp 2 và 3, các nhân vật đã thực hiện quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ lao động của công dân như thế nào ?</i> <i>b. Em hãy nêu một số ví dụ thực hiện tốt quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ lao động của công dân trong đời sống hằng ngày.</i> Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh đọc thông tin. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra. Báo cáo, thảo luận - Giáo viên gọi một số học sinh đại diện các nhóm đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra. Kết luận, nhận định - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề.	2. Một số quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ lao động công dân. + Công dân có quyền làm việc, lựa chọn nghề nghiệp, việc làm và nơi làm việc để đáp ứng nhu cầu của bản thân, gia đình và cống hiến cho xã hội. + Công dân có nghĩa vụ lao động để nuôi sống bản thân, gia đình và góp phần phát triển đất nước.

Nội dung 3: Tìm hiểu nội dung: Một số quy định của pháp luật về lao động chưa thành niên.

a. Mục tiêu. HS chỉ ra được các quy định của pháp luật về lao động chưa thành niên.

b. Nội dung. HS làm việc theo nhóm, đọc các quy định của pháp luật về lao động chưa thành niên mà sách giáo khoa đưa ra căn cứ vào đó để giải quyết các trường hợp sách giáo khoa đưa ra

a. Em hãy cho biết các nhân vật trong những bức tranh trên đã thực hiện về lao động chưa thành niên như thế nào.

b. Hãy kể thêm những quy định của pháp luật về lao động vị thành niên.

c. Sản phẩm.

- **Bức tranh số 1:** chủ công trường xây dựng đã vi phạm khoản 1 và 2 điều 147 của Bộ luật lao động năm 2019 vì ông ta đã:

+ Sử dụng lao động thành niên trong các công việc nặng nhọc

+ Đẻ lao động chưa thành niên làm việc tại công trường xây dựng.

- **Bức tranh số 2:** người đàn ông trong hình 2 đã vi phạm khoản 2 điều 147 của Bộ luật lao động năm 2019 vì ông ta đã: sử dụng lao động chưa thành niên trong công việc phá dỡ công trường xây dựng.

- **Bức tranh số 3:** người phụ nữ (mẹ của bạn học sinh) và chủ công ty đã thực hiện đúng khoản 1 điều 145 của Bộ luật lao động năm 2019 vì đã: giao kết hợp đồng lao động bằng văn bản với người chưa đủ 15 tuổi và người đại diện theo pháp luật của người đó;

- **Bức tranh số 4:** người phụ nữ đã thực hiện đúng khoản 1 điều 147 của Bộ luật lao động năm 2019, vì cô ấy đã: từ chối sử dụng lao động chưa thành niên trong các công việc liên quan đến hóa chất độc hại.

Một số quy định khác của pháp luật về lao động chưa thành niên:

- **Điều 8 Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH** quy định: danh mục những công việc mà người đủ 13 tuổi đến chưa đủ 15 tuổi được làm, gồm:

- + Biểu diễn nghệ thuật.
- + Vận động viên thể thao.
- + Lập trình phần mềm.
- + Các nghề truyền thống, như: chằm men gốm; cưa vỏ trai; làm giấy dó; làm nón lá...
- + Các nghề thủ công mỹ nghệ, như: thêu ren; mộc mỹ nghệ; làm lược sừng; làm tranh dân gian; nặn tò he; làm tranh khắc gỗ, biểu tranh lụa...
- + Đan lát, làm các đồ gia dụng, đồ thủ công mỹ nghệ từ nguyên liệu tự nhiên như: mây, tre, nứa, dừa, chuối, bèo lục bình, đay, cói, quế, guột, đốt, lá nón.
- + Gói nem, gói kẹo, gói bánh (trừ việc vận hành hoặc sử dụng các máy, thiết bị, dụng cụ đóng gói).
- + Nuôi tằm.
- + Làm cỏ vườn rau sạch; thu hoạch rau, củ, quả sạch theo mùa.
- + Chăn thả gia súc tại nông trại.
- + Phụ gỡ lưới cá, đan lưới cá, phơi khô thủy sản.
- + Cắt chỉ, đơm nút, thùa khuyết, đóng gói vào hộp các sản phẩm dệt thủ công.

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Giao nhiệm vụ học tập HS làm việc theo nhóm, đọc các quy định của pháp luật về lao động chưa thành niên mà sách giáo khoa đưa ra căn cứ vào đó để giải quyết các trường hợp sách giáo khoa đưa ra <i>a. Em hãy cho biết các nhân vật trong những bức tranh trên đã thực hiện về lao động chưa thành niên như thế nào.</i> <i>b. Hãy kể thêm những quy định của pháp luật về lao động vị thành niên.</i> Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh đọc thông tin. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra. Báo cáo, thảo luận	3. Một số quy định của pháp luật về lao động chưa thành niên. + Cấm nhận trẻ em chưa đủ 13 tuổi vào làm việc (trừ một số công việc nghệ thuật, thể dục, thể thao theo luật định). + Cấm sử dụng lao động chưa thành niên vào các công việc nặng nhọc, nguy hiểm, tiếp xúc với hoá chất độc hại, có môi trường lao động không phù hợp cho sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách của người chưa thành niên.

- Giáo viên gọi một số học sinh đại diện các nhóm đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra. Kết luận, nhận định - Giáo viên nhận xét câu trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề.	
---	--

Nội dung 4: Tìm hiểu nội dung: Quyền và nghĩa vụ cơ bản của người lao động.

a. Mục tiêu. Học sinh nêu quyền và nghĩa vụ cơ bản của người lao động.

b. Nội dung. HS làm việc cá nhân, đọc các thông tin sách giáo khoa đưa ra và thực hiện yêu cầu sau

a. Theo em, các nhân vật trong trường hợp 2 và 3 đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của người lao động như thế nào?

b. Em hãy nêu một số ví dụ thực hiện tốt quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của người lao động trong cuộc sống.

c. Sản phẩm.

- **Trường hợp 2:** khi nhận thấy điều kiện làm việc của công ty có thể gây nguy hại đến sức khỏe, chị X và một số người lao động đã làm đơn khiếu nại. Chị X dự định, nếu công ty không cải thiện điều kiện làm việc, thì chị sẽ đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động. => Như vậy, chị X đã thực hiện các quyền lợi của người lao động, đúng với điểm d) và điểm e) thuộc khoản 1 điều 5 Bộ luật Lao động năm 2019.

Trường hợp 3. Anh H đã nghiêm túc chấp hành kỉ luật, nội quy của cơ quan và hoàn thành tốt công việc được giao. => Như vậy, anh H đã thực hiện đúng những nghĩa vụ của người lao động, được quy định tại điểm a) và b) thuộc khoản 2 Điều 5 Bộ luật Lao động năm 2019.

- **Ví dụ về thực hiện quyền của người lao động:**

+ Sau khi tốt nghiệp đại học, anh T đã gửi hồ sơ ứng tuyển vào vị trí kĩ sư công nghệ thông tin tại công ty X

+ Khi làm việc tại công ty K, chị A đã chủ động ra nhập tổ chức Công đoàn.

+ Trong quá trình làm việc tại công ty D, chị V đã nhiều lần bị người quản lí sàm sỡ, quấy rối tình dục. Do đó, chị đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động và tìm kiếm cho mình một môi trường làm việc khác an toàn, lành mạnh hơn.

+ Do bất bình với chính sách tiền lương và những khoản cúp phạt vô lí của công ty G, 15 công nhân trong tổ sản xuất của anh B đã thực hiện đình công và đưa ra yêu cầu: cần được đối thoại, trao đổi trực tiếp với giám đốc công ty.

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ HS làm việc cá nhân, đọc các thông tin sách giáo khoa đưa ra và thực hiện yêu cầu sau a) Theo em, các nhân vật trong trường hợp 2 và 3 đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của người lao động như thế nào? b) Em hãy nêu một số ví dụ thực hiện tốt quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của người lao động trong cuộc sống. Thực hiện nhiệm vụ	4. Quyền và nghĩa vụ cơ bản của các bên khi tham gia hợp đồng lao động. a. Quyền và nghĩa vụ cơ bản của người lao động + Người lao động có quyền: làm việc, tự do lựa chọn việc làm, nơi làm việc, nghề nghiệp; không bị phân biệt đối xử, không bị cưỡng bức lao động; được hưởng lương

- Học sinh cùng nhau đọc thông tin và thảo luận. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra. Báo cáo thảo luận - Giáo viên gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra qua việc trả lời câu hỏi Kết luận, nhận định - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét - Giáo viên chốt kiến thức.	phù hợp với trình độ, được gia nhập các tổ chức nghề nghiệp, tổ chức đại diện cho người lao động... + Người lao động có nghĩa vụ thực hiện hợp đồng lao động, chấp hành kỉ luật lao động, tuân theo sự quản lí, điều hành của người sử dụng lao động.
--	---

Nội dung 5: Tìm hiểu nội dung: Quyền và nghĩa vụ cơ bản của người sử dụng lao động.

a. Mục tiêu. Học sinh nêu quyền và nghĩa vụ cơ bản của người sử dụng lao động.

b. Nội dung. HS làm việc cá nhân, đọc các thông tin sách giáo khoa đưa ra và thực hiện yêu cầu sau

a. Các nhân vật trong trường hợp 2 và 3 đã thực hiện quyền và nghĩa vụ như thế nào?

b. Em hãy nêu một số ví dụ thực hiện tốt quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của người sử dụng lao động trong cuộc sống.

c. Sản phẩm.

- Trường hợp 2. Ông M đã:

+ Không thực hiện kí hợp đồng lao động với chị X (dù chị X đã làm việc tại công ty của ông gần 2 năm).

+ Thường xuyên có lời lẽ không hay, xúc phạm danh dự và nhân phẩm của chị X.

=> Như vậy, ông M vi phạm điểm a) khoản 2 điều 6 Bộ luật Lao động năm 2019.

- Trường hợp 3. Bà K đã thực hiện tốt quyền lợi của người sử dụng lao động, được quy định tại điểm a) khoản 1 điều 6 Bộ luật Lao động năm 2019.

Một số ví dụ thực hiện tốt quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của người sử dụng lao động:

- Ví dụ về thực hiện quyền lợi của người sử dụng lao động:

+ Chú T (chủ doanh nghiệp X) đã tham gia thành lập tổ chức đại diện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng lao động trong quan hệ lao động.

+ Giám đốc X kí quyết định khen thưởng chị H vì có nhiều thành tích trong lao động.

+ Do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, bà M đã kí quyết định tạm dừng sản xuất, đóng cửa nơi làm việc.

+ Anh Đ quyết định tuyển dụng và bổ nhiệm chị Y vào vị trí trưởng phòng sáng tạo nội dung của công ty.

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ HS làm việc cá nhân, đọc các thông tin sách giáo khoa đưa ra và thực hiện yêu cầu sau	4. Quyền và nghĩa vụ cơ bản của các bên khi tham gia hợp đồng lao động. <i>b. Quyền và nghĩa vụ cơ bản của người sử dụng lao động</i>

a. Các nhân vật trong trường hợp 2 và 3 đã thực hiện quyền và nghĩa vụ như thế nào? b. Em hãy nêu một số ví dụ thực hiện tốt quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của người sử dụng lao động trong cuộc sống. Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh cùng nhau đọc thông tin và thảo luận. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra. Báo cáo thảo luận - Giáo viên gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra qua việc trả lời câu hỏi. Kết luận, nhận định - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét - Giáo viên chốt kiến thức.	+ Người sử dụng lao động có quyền: tuyển dụng, bố trí, quản lý, điều hành, giám sát lao động, khen thưởng và xử lý vi phạm kỉ luật lao động, đóng cửa tạm thời nơi làm việc... + Người sử dụng lao động có nghĩa vụ: thực hiện hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể và thỏa thuận hợp pháp khác, tôn trọng danh dự và nhân phẩm của người lao động.
---	---

Nội dung 6: Tìm hiểu nội dung: Hợp đồng lao động.

a. Mục tiêu. Học sinh nêu được những vấn đề cơ bản của hợp đồng lao động.

b. Nội dung. HS làm việc cá nhân, đọc các thông tin sách giáo khoa đưa ra và thực hiện yêu cầu sau

a. Theo em, vì sao người lao động và người sử dụng lao động phải giao kết hợp đồng lao động?

b. Dựa vào các thông tin trên, em hãy lập một hợp đồng lao động đơn giản giữa người sử dụng lao động và người lao động.

c. Sản phẩm.

Người lao động và người sử dụng lao động phải giao kết hợp đồng lao động để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ HS làm việc cá nhân, đọc các thông tin sách giáo khoa đưa ra và thực hiện yêu cầu sau a. Theo em, vì sao người lao động và người sử dụng lao động phải giao kết hợp đồng lao động? b. Dựa vào các thông tin trên, em hãy lập một hợp đồng lao động đơn giản giữa người sử dụng lao động và người lao động. Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh cùng nhau đọc thông tin và thảo luận.	4. Quyền và nghĩa vụ cơ bản của các bên khi tham gia hợp đồng lao động. c. <i>Hợp đồng lao động</i> + Hợp đồng lao động là sự thỏa thuận giữa người lao động và người sử dụng lao động về việc làm có trả công, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên

- Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra. Báo cáo thảo luận - Giáo viên gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra qua việc trả lời câu hỏi. Kết luận, nhận định - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét - Giáo viên chốt kiến thức.	
--	--

3. Hoạt động: Luyện tập

Luyện tập 1: Em đồng tình hay không đồng tình với những ý kiến nào sau đây? Vì sao?

a. Mục tiêu. HS củng cố kiến thức đã học thông qua thực hành xử lý tình huống cụ thể có liên quan đến nội dung bài học, có ý thức tìm hiểu và tích cực thực hiện quyền lao động của bản thân phù hợp với lứa tuổi

b. Nội dung. Học sinh làm việc cá nhân, cùng suy nghĩ, đưa ra các ý kiến để lý giải cho từng trường hợp cụ thể

c. Sản phẩm.

- **Ý kiến a.** Đồng tình. Vì: lao động là hoạt động chủ yếu, quan trọng nhất của con người; là nhân tố quyết định sự tồn tại, phát triển của xã hội.

- **Ý kiến b.** Không đồng tình. Vì: lao động là hoạt động có mục đích của con người nhằm tạo ra của cải vật chất và tinh thần cho xã hội.

- **Ý kiến c.** Không đồng tình. Vì: bất cứ hoạt động lao động chân chính nào (dù tạo ra giá trị lớn hay nhỏ) đều là sự đóng góp cho xã hội.

- **Ý kiến d.** Đồng tình. Lao động giúp con người phát triển các mối quan hệ tích cực, tránh những thói hư tật xấu.

d. Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc cá nhân

Các học sinh cùng suy nghĩ và đưa ra ý kiến của bản thân về từng trường hợp cụ thể

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau làm việc theo theo cá nhân

- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời.

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát để học sinh hiểu được vai trò của việc thực hiện quyền lao động.

Câu hỏi 2: Em có nhận xét gì về việc làm của các nhân vật dưới đây?

a. Mục tiêu. HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống liên quan đến việc thực hiện quyền lao động

b. Nội dung. HS làm việc cá nhân, đọc suy nghĩ và đưa ra quan điểm của bản thân cho từng tình huống

c. Sản phẩm.

- **Trường hợp a. Nhận xét:** bà K đã có hành vi phân biệt đối xử giữa các lao động. Hành vi này của bà đã vi phạm quy định tại khoản 1 điều 5 Bộ luật Lao động năm 2019.

- **Trường hợp b. Nhận xét:** hành vi của bạn Q là không đúng, thể hiện thái độ lười biếng lao động.

- **Trường hợp c. Nhận xét:** chị O đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về sử dụng lao động chưa thành niên (được quy định tại khoản 2 điều 144 Bộ luật Lao động năm 2019).

- **Trường hợp d. Nhận xét:** bạn H đã rất chăm chỉ lao động.

d. Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập

HS làm việc cá nhân, đọc suy nghĩ và đưa ra quan điểm của bản thân cho từng tình huống

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh làm việc theo cá nhân

- Hoàn thành bài viết theo yêu cầu để chia sẻ trước lớp

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát để hiểu rõ được sự cần thiết phải nâng cao nhận thức về việc thực hiện quyền lao động.

Câu hỏi 3: Hãy chỉ ra những vi phạm của người lao động, người sử dụng lao động theo quy định của Bộ luật Lao động năm 2019 trong những trường hợp dưới đây:

a. Mục tiêu. HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống liên quan đến thực hiện quyền lao động của bản thân phù hợp với lứa tuổi

b. Nội dung. Học sinh làm việc cá nhân căn cứ vào các quy định của pháp luật để chỉ ra hành vi vi phạm trong từng trường hợp cụ thể.

c. Sản phẩm.

- **Trường hợp a.** Vi phạm khoản 1 điều 146 Bộ luật Lao động năm 2019.

- **Trường hợp b.** Vi phạm điểm a) khoản 2 điều 5 Bộ luật Lao động năm 2019.

- **Trường hợp c.** Vi phạm điểm a) khoản 2 điều 6 Bộ luật Lao động năm 2019.

- **Trường hợp d.** Vi phạm quy định về sử dụng lao động chưa thành niên trong Bộ luật Lao động năm 2019.

- **Trường hợp e.** Vi phạm điểm b) khoản 2 điều 5 Bộ luật Lao động năm 2019.

- **Trường hợp g.** Vi phạm điểm b) khoản 2 điều 5 Bộ luật Lao động năm 2019.

d. Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

Học sinh làm việc cá nhân căn cứ vào các quy định của pháp luật để chỉ ra hành vi vi phạm trong từng trường hợp cụ thể.

Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh làm việc cá nhân căn cứ vào các quy định của pháp luật để chỉ ra hành vi vi phạm trong từng trường hợp cụ thể.

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên tổ chức cho học sinh trình bày một số kỹ năng đã tìm hiểu

Kết luận, nhận định

- Giáo viên tổng hợp khái quát để học sinh hiểu được thực hiện quyền lao động của bản thân

Câu hỏi 4: Em hãy xử lý các tình huống dưới đây:

a. Mục tiêu. HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế thực hiện quyền lao động

b. Nội dung. HS làm việc nhóm, cùng trao đổi để đi đến thống nhất đưa ra quan điểm cho yêu cầu đặt ra

c. Sản phẩm.

- Xử lý tình huống a

Nếu là bạn của anh K, em sẽ khuyên anh K:

+ Tìm hiểu về danh mục một số công việc mà người lao động chưa thành niên được phép tham gia (quy định tại **Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH** của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội).

+ Đến trung tâm giới thiệu việc làm để nhờ sự trợ giúp, tư vấn.

- Xử lý tình huống b

Nếu là N, em sẽ:

+ Giải thích để bạn H hiểu: lao động là quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của mọi công dân trong đó có học sinh.

+ Khuyên H nên giúp đỡ mẹ những việc làm phù hợp với lứa tuổi, như: dọn dẹp nhà cửa, nấu những món ăn đơn giản, rửa bát, chăm sóc em,...

- Xử lý tình huống c

Nếu là bạn của chị P, em sẽ khuyên chị nên lập hợp đồng lao động với nội dung quy định rõ:

+ Địa điểm và thời gian làm việc.

+ Mức lương và các quyền lợi khác chị P được hưởng.

+ Những nội quy lao động, kỉ luật lao động của công ty (nếu có).

+ Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng lao động.

d. Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

HS làm việc nhóm, cùng nhau sắm vai để xử lý tình huống đặt ra

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh làm việc nhóm, cùng sắm vai nhân vật trong tình huống

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên mời các nhóm nhận xét về cách xử lý của các nhóm

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát để học sinh hiểu được thực hiện quyền lao động

Câu hỏi 5: Em đã chủ động thực hiện quyền và nghĩa vụ lao động của bản thân như thế nào? Hãy làm rõ theo bảng sau:

a. Mục tiêu. HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống thấy những cách ứng xử phù hợp khi thực hiện quyền lao động

b. Nội dung. HS làm cá nhân, tự đánh giá bản thân để rút ra những việc đã làm tốt, những việc chưa làm tốt và vạch được phương hướng để khắc phục

c. Sản phẩm.

Học sinh biết được những việc nên làm, những việc nên tránh nhằm thực hiện quyền lao động

d. Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

HS làm cá nhân, tự đánh giá bản thân để rút ra những việc đã làm tốt, những việc chưa làm tốt và vạch được phương hướng để khắc phục

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh làm việc nhóm, suy nghĩ và hoàn thành bảng gợi ý

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên mời các nhóm nhận xét về cách xử lý của các nhóm

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát để học sinh hiểu được thấy những cách ứng xử phù hợp khi thực hiện quyền lao động

4. Hoạt động: Vận dụng

Câu 1: Em hãy cùng các bạn lập kế hoạch và thực hiện một hoạt động lao động phù hợp với lứa tuổi (vệ sinh môi trường, trồng cây, giúp đỡ người neo đơn, gia đình bạn có hoàn cảnh khó khăn,...) và báo cáo kết quả với cả lớp..

a. Mục tiêu. HS tự giác áp dụng những điều đã học vào thực tiễn với không gian mới, tình huống mới

b. Nội dung. HS làm việc theo nhóm cùng các bạn lập kế hoạch và thực hiện một hoạt động lao động phù hợp với lứa tuổi (vệ sinh môi trường, trồng cây, giúp đỡ người neo đơn, gia đình bạn có hoàn cảnh khó khăn,...) và báo cáo kết quả với cả lớp

c. Sản phẩm.

- Bước đầu hiểu được ý nghĩa của việc nâng cao nhận thức về thực hiện quyền và nghĩa vụ lao động

d. Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

HS làm việc theo nhóm cùng các bạn lập kế hoạch và thực hiện một hoạt động lao động phù hợp với lứa tuổi (vệ sinh môi trường, trồng cây, giúp đỡ người neo đơn, gia đình bạn có hoàn cảnh khó khăn,...) và báo cáo kết quả với cả lớp

Thực hiện nhiệm vụ

HS làm việc theo nhóm cùng các bạn lập kế hoạch và thực hiện một hoạt động lao động phù hợp với lứa tuổi (vệ sinh môi trường, trồng cây, giúp đỡ người neo đơn, gia đình bạn có hoàn cảnh khó khăn,...) và báo cáo kết quả với cả lớp

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên bố trí thời gian để các học sinh có thời gian chia sẻ trước lớp

Kết luận, nhận định

- Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các học sinh hiểu hơn và tích cực tham gia các hoạt động lao động phù hợp.

Câu 2: Hãy viết (khoảng nửa trang giấy) về một tấm gương thành công trong công việc và bài học rút ra từ tấm gương đó.

a. Mục tiêu. HS tự giác áp dụng những điều đã học vào thực tiễn với không gian mới, tình huống mới

b. Nội dung. HS làm việc cá nhân, suy nghĩ và hoàn thành bài viết

c. Sản phẩm.

- Bước đầu có ý thức học tập và thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ lao động của bản thân

d. Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

HS làm việc cá nhân, suy nghĩ và hoàn thành bài viết

Thực hiện nhiệm vụ

HS làm việc cá nhân, suy nghĩ và hoàn thành bài viết

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên bố trí thời gian để các học sinh có thời gian để học sinh thực hiện nhiệm vụ

Kết luận, nhận định

- Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các học sinh hiểu được và nâng cao ý thức thực hiện quyền và nghĩa vụ lao động.

HẾT.